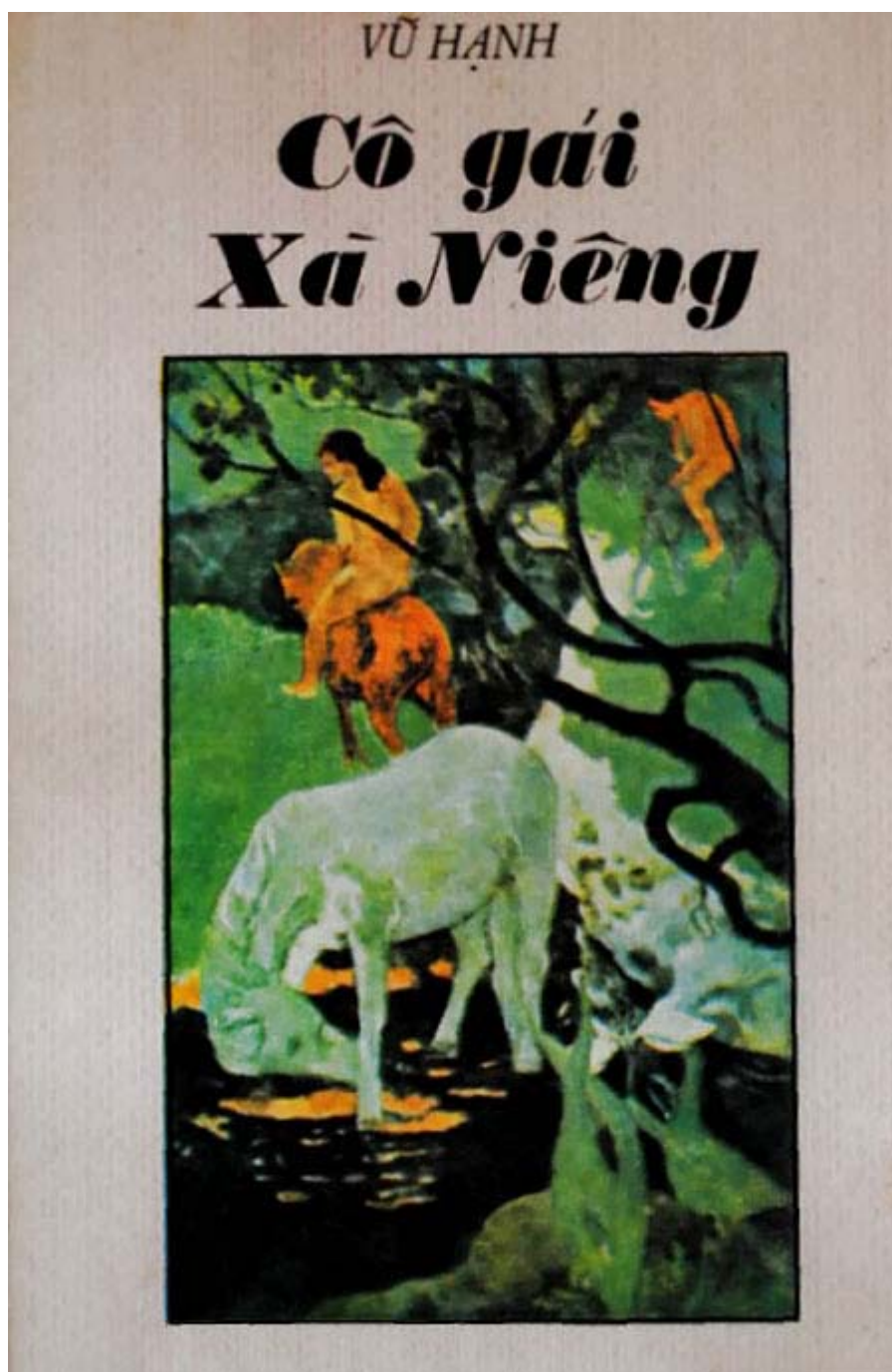




Vũ Hạnh
Cô Gái Xà Niêng

Mở đầu

Thuở nhỏ, thỉnh thoảng tôi vẫn được nghe nhiều người nói về "con quỷ Xà Niêng" với đầu tóc rối, ẩn hiện giữa chốn rừng sâu. Những chuyện huyền hoặc như thế là mối ám ảnh đối với đầu óc trẻ thơ, có thể sống khá lâu dài theo với tháng năm. Lớn lên, qua các sách vở, tôi hiểu Xà Niêng là một giống người thiểu số ở các vùng cao, trải qua nhiều đời không có điều kiện tiếp cận với các cuộc sống phát triển nên đã suy thoái, dần dần rơi xuống tình trạng nửa vật, nửa người. Chúng ta từng nghe nói về người Nục, hoặc người Đồi Mồi, hay là người Khả Lá Vàng, cũng đang chìm dần vào tình trạng ấy ở trong sâu thẳm Trường Sơn.

Vào năm 1969, ở tại nhà lao Tân Hiệp, hai anh bạn tù dân tộc Ra-đê là Y Bang Niê và Y Đuan Niê kể cho tôi nghe một chuyện Xà Niêng mà theo các anh, đó là sự thực: trước đây, có một người Pháp, làm việc ở Pleiku, trong một chuyến săn đi sâu vào trong rừng già, bắt được một con Xà Niêng. Ông đã tìm đủ mọi cách thuần hóa con "vật-người" ấy, rồi lấy làm vợ, nhưng cô Xà Niêng đã sớm lìa đời.

Câu chuyện có thể gợi cho chúng ta nhiều mối suy nghĩ khác nhau, tùy theo chủ đề tư tưởng mà mình ưa thích. Một cuộc phiêu lưu kỳ thú đầy những tình tiết bất ngờ qua sự săn đuổi giữa lòng rừng thẳm, đòi hỏi biết bao gan dạ, thông minh. Một câu chuyện tình trái ngang giữa hai thực thể so le, không có cảm thông, không thể đối thoại, cuối cùng dẫn đến tan vỡ, bi kịch. Một sự hy sinh ở trong lĩnh vực khoa học qua sự phối hợp quái đản của các đối tượng khác biệt giống loài. Và còn gì nữa?

Nằm trong bốn vách tường giam, suy tưởng lớn nhất thường xuyên đến với người tù là nỗ lực giữ mình tồn tại trong sự đủ đầy nhân cách, để khỏi làm giảm mất đi quân số của một đội ngũ sẵn sàng cho mọi tiến công. Chế độ nhà tù đế quốc có mỗi cố gắng là kéo con người lùi lại, trở về cuộc sống bản năng: làm cho tù nhân thấm thía về sự thèm thuồng miếng ăn, khát khao sinh lý, khiếp sợ cái chết, ngờ vực đồng bào, đồng chí của mình. Nhà tù, theo phương thức ấy, là một khung cảnh bất bí để mong đánh bại con người, bảo tồn con thú, chứ không thể nào là chỗ khai thông cho các bế tắc, vun quén cho một hồi sinh, tạo lập cái đà thuận lợi để giúp con người lấy trớn hòa nhập kịp vào cuộc sống đang lên. Người tù bị buộc mua vé vào cửa bằng một giá đắt, là tự do của cuộc sống, là năm tháng của cuộc đời, và có thể, là sinh mạng. Đế quốc cũng như tay sai bao giờ cũng muốn bán vé ra cửa bằng một cái giá đắt hơn, là sự chối từ nhân phẩm, về phía người tù. Nhưng con người không phải loài sinh vật một chiều nên không dễ dàng chịu sự khuất phục, con người luôn biết quấy cựa bang tư thể đa dạng của mình, đã biết phản kháng, biết tự chế ngự hoặc tự vượt qua, và sau những cuộc đấu tranh quyết liệt để giành chiến thắng, con người có thể ngạc nhiên đối diện với mình, vì không ngờ mình có thể lớn lao như thế.

Từ những ngục tù chứa đầy thủ đoạn rừng già, tôi lại nghĩ đến những khu rừng già rất đổi phức tạp mà chế độ ấy đã gây tạo được, trên quê hương này. Đó là những cái rừng-già-thành-phố, nơi mà đồng đảo con người đã bị dồn đuổi về đây để tìm sự sống và hang trú ẩn, những cái rừng già hiện đại tràn đầy cuộc sống bản năng và những mưu toan của loài dã thú. Hãy xem đồng đảo cư dân các rừng già ấy, chúng ta thấy gì? Ben trong những chiếc xe hơi bóng lộn, những tòa biệt thự cao sang, những bộ áo quần hợp với thời trang, là những con thú dễ dàng để lộ nguyên hình trước các kẻu gọi bản năng và những miếng mồi tư lợi, sẵn sàng dẫm đạp lên nhau một cách bạo tàn.

Gần non thế kỷ đã qua, phổ phường trên đất nước ta không phải là sự bùng nổ hợp lý của một tình trạng sinh hoạt đã được chín muồi, không phải là những trung tâm điều tiết thích hợp với những đòi hỏi của một căn tạng mạnh lành. Phổ phường chỉ là kết quả của một áp đặt ngoại nhập, những cái dinh lũy cần thiết cho bọn thống trị xuê-xoang với lũ tay sai, từ đấy các liều độc được đem phân bố về các địa phương và cũng từ đấy máu tủy quần chúng được bòn rút về trên các trục lộ giao thông. Phổ phường đã thành một sự đối lập đầy rẫy thách thức đối với thôn quê, phổ phường là thứ hang ổ chứa nhiều cám dỗ và những lãng phí đủ loại, một cái bụng phệ trên một cơ thể gầy còm, bệnh hoạn. Bên trong các phổ phường ấy, một thứ luật rừng đã được duy trì, luật của các sức mạnh - sức mạnh vũ khí, sức mạnh đồng tiền, sức mạnh bản năng - và những con người yếu đuối, nghèo khổ, cô đơn, đã bị tước đoạt hầu hết khả năng tự vệ. Sống giữa những bầy thú rừng đã được tân trang mang đủ các loại mặt nạ thời đại, trong cái không khí u uất của những cảnh đời don nén pha trộn các mùi rượu mạnh, khói thuốc ma túy, son phấn, nước hoa và cả rác rưởi, vang vọng

thường xuyên tiếng nhạc kích động, những câu rao hàng khuếch đại, cùng các lời nói nhỉnh bợ tôn xưng, xen lẫn các trò đồ kị, các ngón vu cáo đê hèn bên cạnh một ngàn kiểu lối tán tỉnh sàm sỡ, cột dừa nhấn tâm - giữa một môi trường như thế, con người vươn lên thật khá gian nan. Biết bao nhiêu là bạn trẻ dạt dào sức sống nhưng thiếu bản lĩnh và thiếu chuẩn bị vào đời, đã bị đô-thị-rừng-già hủy diệt.

Cô gái Xà Niêng hẳn cũng khát khao trở lại làm người. Nhưng nếu để cô sống mãi trong các rừng già sâu thẳm, giữa những tiếng hú vang vọng của đồng loại mình luôn nhắc nhở lại cội nguồn thấp kém, dĩ vãng tối tăm, luôn bị kèm tỏa bởi bao thể lực hắc ám, cô sẽ lại chìm vào sự tự hủy.

Hãy phát quang những rừng-già-đô-thị, xua đuổi các loài ác thú ra khỏi hang sâu, hãy xẻ dọc ngang là những con đường mở rộng giao lưu, khai thông những bãi đầm lầy ngưng trệ, và mở vào đấy những ngọn gió lành có thể xóa tan chướng khí và làm mát dịu hồn người. Công việc dọn dẹp các khu rừng ấy là một nhiệm vụ chiến đấu trong cuộc chiến đấu vĩ đại mà dân tộc ta vẫn còn đòi hỏi mỗi người phải biết quên đi những nỗi dằn vặt riêng tư để cùng lao về phía trước, với tư thế những con người đã biết mình sẽ về đâu, và phải làm gì cho sự tồn tại rất là trong sáng và rất bình yên của dân tộc mình và của nhân loại.

Với những cảm nghĩ như thế tôi đã cấu tạo truyện này từ khi còn ở nhà lao Tân Hiệp, và đã hoàn thành tác phẩm, sau khi ra tù, vào những tháng cuối của năm 70.

30-6-1987

VH

Vào truyện

Tôi vội nhồm dạp, lắng nghe, tay sờ soạng tìm khẩu súng đặt trên đầu nằm. Ông Chúp cũng đã thức giấc, nghiêng mình trên cái sàn tre, và trong ánh sáng lơ mờ tỏa ra từ đồng than hồng âm ỉ tôi thấy chiếc đầu ông ta nhiều lần được giở hồng lên rồi lại áp xuống. Bên ngoài vẫn cái màn đêm dày đặc khuya động âm thầm bao nhiêu sinh hoạt rừng khuya.

Đã hai đêm rồi chúng tôi bị đánh thức bởi những tiếng động như thế, tiếng động của nhiều bước chân dồn dập và những tiếng nói líu ríu mơ hồ, chợt đến, chợt đi. Lần đầu, cách đây ba hôm, ông Chúp là người nghe trước những tiếng lạ ấy. Tuổi già vốn sẵn tỉnh ngủ lại thêm bản chất tinh nhạy của một con người rừng núi khiến ông vẫn như mở rộng cả năm giác quan giữa cơn mê mệt, do đó không biến động nào, cho dù nhỏ nhặt đến đâu, xảy đến quanh mình có thể vượt qua khỏi tầm kiểm soát của ông trong cơn say ngủ. Ông nằm ngay ở cửa lều mỗi đêm, tự nguyện làm người lính gác cho tôi và có nhiều khuya trở giấc nghe những tiếng ngáy kéo dài của ông tôi vẫn yên lòng tiếp tục gối đầu trên cái bá súng để chìm vào trong mộng寐 chập chờn. Cái đêm đầu tiên ông Chúp đã được đánh thức trước hết về tiếng động ấy. Ông đã nằm yên nghe ngóng rồi lại ngồi dậy chong tai lắng nhận từng chuyển động nhỏ quanh mình, và sau nhiều lần nằm xuống ngồi lên vì những tiếng lạ khi biến khi hiện, ông đã quờ tay khẽ đánh thức tôi.

Chúng tôi cùng ngồi gần nhau nghe ngóng hồi lâu. Chỉ có gió núi khua lá rạt rào và tiếng thác nước ì ầm vọng lại từ xa. Thỉnh thoảng vài tiếng chim rừng kêu lên đột ngột chỉ làm tăng nỗi u buồn của chốn hoang vu. Tôi ghé sát tai ông Chúp, thì thầm:

- Nào có nghe thấy gì đâu?

Ông già không trả lời, như chìm đắm trong theo dõi miên man của cái thính giác vẫn còn tinh tế lạ thường. Rồi ông nói trong hơi thở:

- Bây giờ thì nó biến rồi. Nhưng nó sẽ lại kéo tới.

Tiếng nói của ông mặc dầu quá nhỏ cũng lộ rõ về bất thường của sự lo âu. Cái gì đã làm ông Chúp sợ hãi như thế? Phải có sự gì quá đổi lạ lùng mới khiến cây cóc già cỗi của núi rừng này rung động. Ông Chúp còn cứng cáp hơn một cây cóc rừng, ông là một tảng đá núi lì lợm đứng trơ giữa chốn sườn non mà không có bão rừng nào lay chuyển, ông là con beo, con cạp đã mang quá nhiều năm tháng ở trong da thịt để không biết đến khiếp sợ trước các đe dọa hàng ngày. Thế mà bây giờ ông Chúp hồi hộp... Hay là cơn lạnh về khuya

của chốn rừng sâu đã làm giọng nói của ông mất đi cái vẻ bình thường? Tôi gắng hỏi thêm:

- Ông nghe thấy gì?

- Không rõ....

Rồi ông nói tiếp, vẫn giọng hồi hộp vừa rồi:

- Giống như nhiều người rình rập quanh đây. Nhưng không phải người.

Tôi ngồi lặng yên, cố suy đoán qua lời nói của người dẫn đường tuổi tác:

- Không phải người?

- Không phải.

- Một loài thú dữ?

- Không, không... Không phải loài thú. Tiếng nói của nó thật là lạ lùng.

Ông già im lặng. Nhưng trong nỗi im lặng đó người ta vẫn nghe xao xuyến lo âu. Lâu lắm, chúng tôi cứ ngồi chong tai như thế, đợi chờ. Rừng đêm vẫn sống trong cảnh âm thầm, gió khuya rào rạt, cơn trùng tỉ tê, muôn ngàn những tiếng động nhỏ quen thuộc ở trong bóng tối mênh mông của chốn núi ngàn sâu thẳm, cách xa vời vợi những miền đồng đảo con người sinh hoạt.

- Ngủ đi... Tôi sẽ canh chừng. Khi nào chúng kéo đến, tôi sẽ gọi ngay.

Tôi nằm xuống sàn, loay hoay tìm lại giấc ngủ đã mất. Bên ngoài gió núi như thổi mạnh hơn, lốc qua từng cơn ồ ạt. Cành khô gãy rụng lạt sạt trên lều, lá rừng rơi xuống nghe như trời dội cơn mưa. Tôi kéo tấm chăn trùm kín cả đầu, rồi gối lên khẩu súng săn tự ru hồn vào cõi mộng theo với tiếng rừng vang dội chung quanh.

Không biết tôi nằm ngủ được bao lâu thì nghe đau nhói nơi bắp đùi mình. Tôi vụt tỉnh thức. Ông Chúp đã bấm gọi dậy, và ông vỗ nhẹ như muốn ra hiệu cho tôi đừng vội ngồi lên.

Có nhiều bước chân rón rén, chập choạng ở phía sau lều. Những cành cây gãy lắc rắc, lá khô xào xạc khua dồn, tiếng thờ phỉ phò nặng nhọc, rồi cái vách lá như có những bàn tay nhẹ lướt qua sờ soạng. Tôi nín thở, nghe tim đập mạnh ở trong lồng ngực, tưởng tượng một lúc nào đó những bàn tay kia chạm vào mái tóc của tôi và tự hỏi mình sẽ phải đối phó ra sao. Khẩu súng đã nạp đạn sẵn đang gối dưới đầu, con dao săn lớn gài trong bao da treo ở cột lều, chỉ một động tác, một cái vờ tay là tôi đã nắm vũ khí được rồi.

Tôi nằm im lặng, chờ đợi cái phút quyết liệt của sự phản ứng.

Nhưng các hơi thở nhẹ dần rồi loãng tan ra cùng với tiếng chân nhỏ lại mất hút trong sự xao động về đêm của chốn rừng già. Chỉ trong thoáng chốc đe dọa biến đi một cách bất ngờ và tôi tưởng chừng mình đang hồi tưởng mơ hồ sự việc của giấc chiêm bao. Nhưng từ đâu đó tôi nghe tiếng kêu, tiếng nói líu ríu và trong các âm thanh đó chừng như có một tiếng cười của đứa trẻ con và tiếng thét lên hết sức nhẹ nhàng của một cô gái.

Ông Chúp thì thầm:

- Nghe thấy gì không?

- Có. Tôi vẫn không hiểu thế nào.

Ông già yên lặng, chia xẻ nỗi phân vân ấy. Rất lâu sau đó, khi chẳng còn dấu vết nào khác nữa trong muôn ngàn tiếng xao động mơ hồ của chốn rừng sâu, ông mới sẽ lại thì thầm:

- Sáng ngày, coi các dấu chân, chúng ta sẽ biết được mà.

Tôi cũng hy vọng ông Chúp sẽ đoán được một phần nào khi nhìn dấu vết ở trên mặt đất, ở trên thân cây sau khi hít thở hơi hướng mọi loài trên những ngã lối chúng đi. Kinh nghiệm núi rừng đã dạy cho ông nhiều điều và ông có thể đảo qua cặp mắt già nua sáng quắc, nhú lại cái mũi nhỏ bé lỗ chỗ những vết thâm đen là đọc được hết sinh hoạt của chốn rừng già. Tất cả biến thành chữ viết sống động trong các trang sách thiên nhiên vĩ đại trải giăng trước mắt và ông là người đọc giả tinh thông mà tôi gặp gỡ đầu tiên giữa những tháng ngày vượt suối trèo đèo.

Chúng tôi không ai còn muốn ngủ nữa. Sự nhận thấy chung về cái hiện tượng lạ lùng vừa qua làm cho chúng tôi tỉnh táo hơn lên, tỉnh táo vì quá lo âu bởi mọi biểu hiện khác lạ trong nơi chốn này giữa đêm khuya khoắt dễ mang sắc thái ghê rợn, hãi hùng. Phủ chăn lên kín tận cổ, chúng tôi ngồi sát bên nhau, không ai còn muốn nói chuyện với ai một lời, nghe gió vi vu lùa hơi sương lạnh tê người vào trong cửa lều. Nhiều lần tôi muốn chồm xuống khơi đốt than hồng ấm ỉ, cho thêm một ít củi khô, nhưng tôi lại vẫn ngồi yên. Sai bảo ông Chúp lúc này, lòng tôi không nở. Đáng lẽ tự ông phải biết làm công việc đó, nhưng ông không muốn ra khỏi tình trạng bất động của mình.

Do dự khá lâu tôi mới rút tay khỏi chăn để nhìn đồng hồ. Ba giờ. Ít nhất phải năm tiếng nữa mới tìm lại được ánh sáng mặt trời xuyên qua vòm lá rậm dày. Buổi mai bóng nắng chậm đến, buổi chiều bóng nắng vội đi, khoảng ngày ở đây thật là ngắn ngủi làm cho đêm lạnh âm u trở nên dài dặc, nặng nề.

Chúng tôi ngồi dựa vào nhau, như thế rất lâu, cho đến khi tôi nhìn ra cửa lều thoáng thấy qua kẽ lá xa có một vệt sáng lơ mờ. Vệt sáng loang dài, chậm chạp, ngập ngừng. Tôi khẽ thở dài:

- Trời gần sáng rồi.

Ông Chúp vẫn không nói gì. Nhưng tôi thấy ông ngễnh tai nghe ngóng hồi lâu rồi ông chợt nói:

- Sắp mưa.

Tôi lại nhìn ra cửa lều. Vệt sáng tái nhợt loang dài ở sau kẽ lá xa xôi bây giờ đen xám lại dần. Ông Chúp không bao giờ đoán thời tiết sai lầm. Ông cũng bén nhạy như tất cả loài thú rừng về cái mặt đó và ông có thể nghe được đất trời biến chuyển, qua lớp da lông khắp trên thân thể của mình.

Phút chốc, mây mù che phủ vòm trời, màn tối bỗng dày đặc lại. Căn lều nhỏ bé như chìm hút trong một sự vang động và nổi lạnh leo mỗi lúc siết lấy chúng tôi, làm cho tê nhừ thịt da. Đống lửa lèo xèo lụi tắt bốc lên chút mùi tro than khét nồng. Giữa lúc đang ngồi run lạnh, tôi nghe ông Chúp càu nhàu:

- Cơn mưa ác thật.

Cơn mưa đang xóa tất cả dấu vết, dội hết hơi hướng, cuốn trôi tất cả những gì chứng tích của sự xuất hiện vừa qua.

Tôi không đáp lại, mặc nhiên tỏ sự đồng tình. Chúng tôi đã sống bên nhau nhiều ngày ở giữa rừng sâu và đã quen sự ít lời. Như tất cả đồng bào Thượng, ông Chúp thích sự câm lặng hơn là tiếng nói. Lầm lì, bất động, ông như đá núi cây rừng chìm đắm trong nỗi ngẩn ngơ kỳ lạ, nhưng cũng sẵn sàng vụt dậy, tỉnh táo như một con sóc, lanh lẹ như một con beo. Phần tôi, mang nhiều tâm sự u buồn, quà tặng của cái xã hội loài người đông đảo, tôi muốn vào giữa thiên nhiên, trốn giữa bất động, im lìm của nó như trốn trong sự lãng quên mọi niềm dĩ vãng, mọi kẻ thân yêu, mọi hình ảnh và kỷ niệm nặng nề. Tôi thích sự câm lặng đó và học sự câm lặng đó. Lại thêm cuộc sống chứa đầy gian khổ, đâu có vui gì để nói líu lo? Chúng tôi đối phó với mọi bất trắc trên mỗi bước đường và chỉ có sự yên lặng mới đủ tỉnh táo để mà kịp thời phản ứng.

Cơn mưa dai dẳng làm cho chúng tôi cùng héo ruột gan. Ở rừng về mùa lạnh này vẫn có những cơn mưa sáng đột ngột. Chúng tôi đã quen chờ đợi, nhưng buổi sáng này cảm thấy sốt ruột không biết bao nhiêu.

Cơn mưa dịu dần, rồi ngừng hẳn lại. Chỉ có những giọt nước còn đọng trên cây lá lách tách tuôn rơi rạt rào theo cơn gió thoảng từng luồng. Bây giờ trời đã sáng hẳn. Các mảng trời xa rạn dần qua các kẽ lá của những vòm cây. Nhưng niềm hy vọng tìm biết những gì xảy đến trong đêm đã trôi theo dòng nước lũ về các lũng thấp, khe sâu.

Cả ngày hôm ấy chúng tôi không dám đi xa và khi tối đến chúng tôi lo lắng đợi chờ những sự xuất hiện như

đêm vừa rồi. Có thể lần này mới đến cái phút thật sự quyết liệt. Nhưng một đêm dài trôi qua, rồi một đêm nữa trôi đi yên lành như thế, không nghe không thấy được gì. Chúng tôi gần như đã thức rờn rã trong bốn đêm liền và đến hôm nay khi đã đốt xong ngọn lửa, ăn xong cơm chiều, vừa đặt mình xuống sàn tre đã vui trong giấc mê mệt.

Đêm nay, đúng là cái đêm thứ năm, những tiếng động ấy bắt đầu hiện lại. Tôi đã tỉnh dậy không cần bấm gọi, tưởng như một nỗi thăng thốt âm thầm vẫn đang thao thức trong tôi. Ông Chúp vẫn nằm để mà theo dõi và tôi thấy trong ánh lửa lò mờ ông đang khều chân kẹp lấy chiếc áo đất nằm ở một góc lều.

Chúng tôi cùng giữ một sự yên lặng chăm chú tưởng như mỗi lúc càng nghe rõ hơn những tiếng động nhỏ bên mình và tôi như hình dung được cái đám kỳ lạ lơ nhỏ chập chờn ở sau căn lều. Tôi cũng ngạc nhiên không hiểu tại sao chúng không xô mạnh vách lá để mà tràn vào. Chúng hung dữ không? Và chúng là ai?

Đôi lúc tôi tưởng như bắt gặp được giọng nói quen thuộc của chúng. Tôi nghe như đã có gặp đâu đó một lần những âm thanh ấy, song kỷ niệm quá mơ hồ đến nỗi không hồi phục được dễ dàng. Những bàn tay sờ soạng trên vách lá kêu lạt sạt và tiếng phì phò một lúc như đến gần sát tôi hơn, rồi thoáng một cái bỗng tan biến đi, như cái đám người kỳ lạ vụt chạy vào trong rừng già.

Chúng tôi lại phải ngồi sát bên nhau chờ đợi, và lúc mặt trời đã lên sáng rõ, vội vã kéo ra phía sau. Hôm nay không có cơn mưa nào đến bất ngờ, chỉ có sương đêm rơi xuống khá nhiều ở trên cây lá và trên mặt đất ủ dột lá mục.

Ông Chúp tay cầm cây dao xăm xăm đi trước, đầu hơi cúi xuống như để đón bắt hơi hướng còn vương quanh quất với sự chăm chú mỗi lúc càng tăng. Tôi cầm khẩu súng đã nạp sẵn đạn lò dò từng bước theo sau.

- Có thấy gì chưa?

Ông Chúp hít trên vách lá sau lều, gật đầu:

- Có thấy.

Nhưng ông đứng lặng, không nói rõ thêm.

- Thế nào?

- Tôi cũng vẫn chưa biết được. Coi đây... những dấu chân người, nhưng nhỏ hơn người nhiều lắm.

Tôi cúi xuống nhìn chỉ thấy những vết lò mờ trên các lá mục. Ông Chúp nói tiếp:

- Không phải loài khỉ... Loài khỉ nhỏ hơn và chúng không chỉ đi toàn bằng mấy chân sau. Mùi lông lá chúng cũng kỳ lạ lắm. Hăng hắc, nồng nồng... Tôi chưa gặp giống loại này.

Ông Chúp nói lên mấy tiếng sau cùng với nỗi lo âu hiện rõ. Chính sự không giải thích được làm cho ông già mất hẳn niềm tin nơi mình. Tôi cố gắng nói:

- Chắc chúng không có ý gì ác độc. Nếu không, chúng đã phá nát căn lều để mà tràn vào.

Ông Chúp lặng lẽ đáp lại:

- Những loại thú rừng hung dữ bao nhiêu cũng vẫn đa nghi. Chúng chỉ xông vào trong lều khi biết rõ rằng trong ấy có gì. Đêm tối, bọn này kéo đến rình mò là chúng vẫn còn dè dặt. Súng đạn, thuốc men, lương thực, mồ hôi của chúng ta đây tiết ra những mùi vị lạ làm chúng sợ hãi. Chúng chưa phá phách không phải là chúng hiền đâu.

Rồi ông chỉ tay lên mấy cành cây ngang tầm vai mình gục gảy, nói tiếp:

- Chúng cao lớn lắm, ông à. Gần bằng chúng ta kia đó.

Ông lại lặng thinh, và tôi ngại rằng ở trong đầu óc người già cả ấy ý nghĩ bỏ cuộc cũng đã thành hình. Tôi nói:

- Không nên lo ngại, ông Chúp. Chúng ta quanh quẩn ở đây đã năm ngày rồi. Hôm nay đi sâu vào trong rừng già xem sao.

Ông già vẫn đứng yên lặng, không nói một lời. Tôi lại gợi ý:

- Những cái tiếng động ban đêm có phải là người ở một buôn nào gần đây tìm đến hay không? Có thể có nhiều buôn sống khuất lấp ở trong rừng già chưa bao giờ gặp những người như chúng ta đây nên họ tò mò. Ta có thể đến tìm họ...

Ông Chúp lắc đầu:

- Không phải... Không phải là người.

Nhưng rồi cuối cùng thấy tôi nhất quyết đi tới, ông ta không dám cưỡng lời. Bây giờ sự tình giữa hai chúng tôi có vẻ đổi thay. Chuyện lạ xảy đến trong đêm đã làm chúng tôi rúng động và dù không ai dám nói thẳng thắn ý nghĩ của mình cho người kia biết, nhưng ai cũng thấy rằng mình phải dựa cậy vào người kia như bầu vịu vào một lẽ nương tựa cuối cùng.

Khi ngồi thổi nồi cơm sáng để mong ăn một ruột no trước khi lên đường, tôi nói:

- Hai tháng rưỡi trời vượt núi băng rừng mới đến nơi đây, chúng ta không thể vội vã rút lui. Ông đã chẳng bảo chúng ta hãy nên vui mừng đó sao? Có phải ai cũng biết rõ con đường này đâu! Không, ta phải đi tới, ông Chúp. Chẳng có gì làm cho ta sợ hãi được đâu. Hãy mang hết cung nỏ theo. Súng tôi còn nhiều đạn lắm, đừng ngại.

Ông Chúp vẫn giữ vẻ mặt lầm lì, bất động khi nghe tôi nói. Bây giờ tôi phải làm người dạn dĩ, và sự thay đổi vai trò đột ngột như vậy đã làm ông bối ngỡ chẳng? Dù sao đi nữa trong hai chúng tôi phải có một kẻ chịu phần trách nhiệm về chuyến đi này. Những lúc bình thường thì ông Chúp lãnh cái phần vụ ấy và tôi vui vẻ tự khuất mình đi để làm một kẻ lệ thuộc biết điều. Nhưng khi gặp phải bất trắc và sự thử thách buộc phải lựa chọn thái độ thì người quyết định sẽ lại là tôi.

Chúng tôi ra khỏi căn lều lúc mười giờ sáng. Cơm nước đã no đủ rồi, chúng tôi gói phần dành cho buổi chiều trong chiếc mo cau. Trên con đường đầy nguy hiểm, chúng tôi không chắc gì quay lại về chốn cũ theo như thời khắc đã định. Một cơn nước lũ tuôn về đột ngột biến con suối nhỏ trở thành thác lớn, ít bầy thú dữ ngăn chặn lối đi, một quãng đường mới luồn trong rú rậm, bấy nhiêu đủ giam giữ lại giữa chốn rừng già. Vì vậy, ngoài đạn dược và lương khô, chúng tôi còn mang theo đôi vật dụng cần thiết để phòng đêm lạnh giữa rừng.

Ông Chúp quay nhìn căn lều lần cuối với vẻ luyến tiếc rồi mới chậm chạp đeo cung nỏ vào, cầm lấy chiếc dao bước tới. Tôi đi theo sau, tự nhiên cảm thấy hồi hộp về chuyến phiêu lưu của mình. Chúng tôi nhắm theo hướng mặt trời lặn, luồn sâu vào trong rừng già. Cây cối mỗi lúc một rậm dày hơn và hơi đá núi tiết ra lạnh lẽo. Cảnh vật âm u, với những sườn núi nhấp nhô, lởm chởm như những cửa ải gian nan ngăn giữ một miền đất mới chứa đầy huyền hoặc. Khi lên tới một đỉnh cao nhìn xuống thung lũng xanh dày ngồn ngộn phía dưới, ông Chúp quay lại bảo tôi:

- Nó đấy.

Tôi đảo cặp mắt, nhìn bao quát cả vùng núi bao la thăm thẳm giăng dưới chân mình. Thật nó đấy sao? Tôi vẫn chờ đợi hàng ngày gặp nó, và vẫn tưởng không bao giờ thấy nó. Từ lâu, nó đã trở thành một cõi kỳ bí hoang đường, chỉ có trong câu chuyện kể của những người già bên bếp lửa hồng, thế ra bây giờ nó đã xuất hiện ở trước mắt tôi, trong cái khung cảnh hùng vĩ mệnh mông này sao? Tôi cứ đứng yên, không nói một lời, nhìn không chớp mắt thung lũng bí mật mà chúng tôi đã mất bao ngày tháng kiếm tìm, trải chịu bao nhiêu gian khổ, vượt qua bao nhiêu hiểm nghèo.

Tôi liếc nhìn sang ông Chúp. Ông đã ngồi trên một phiến đá lớn, dán mắt xuống cái biển cây xanh ngắt một màu y như là một đại dương. Ở trong lòng biển cây này tiềm tàng bao nhiêu sức sống âm thầm, bí mật, tiếp diễn tự ngàn vạn đời và sẽ tiếp diễn không biết bao giờ mới dứt.

Chúng tôi chuẩn bị bước vào trong thung lũng ấy. Về mặt của người dẫn đường tuổi tác không gọi cho tôi chút phấn khởi nào. Chính sự xuất hiện trong mấy đêm rồi là nguyên nhân khiến ông Chúp mất hết bình tĩnh và sự gan da căm lạng hàng ngày. Và bây giờ đây khi chúng tôi sắp bước vào thế giới bát ngát cây rừng dày rậm là nơi trú ẩn của bao nhiêu loài thú dữ, một kẻ dẫn đường giao động liệu có đủ sức giúp tôi đối phó với những bất trắc lớn lao đang đợi chờ mình?

Tôi lại quay nhìn lần nữa về mặt ông Chúp. Tôi nói:

- Chúng ta tìm đường xuống thôi.

- Xuống à?

Ông Chúp hỏi lại với một giọng điệu ngờ ngác, rồi thở dài, tiếp:

- Trời đã xế rồi. Chúng ta sẽ lạc lối mất. Quay lại, dời những đồ vật lên đây dựng lều rồi sẽ tìm lối mà đi.

Tôi thấy ông nói có lý. Dầu sao chúng tôi cũng không thể nào ngủ đêm dưới chân núi này. Phải dọn chỗ ở trên bờ thung lũng, mỗi ngày sẽ mở thêm lối đi sâu vào chốn rừng già. Để người dẫn đường vui lòng, tôi sốt sắng nói:

- Phải rồi. Chúng ta sẽ quay trở lại. Nhưng hãy ăn cơm đi nào, tôi nghe đói lắm.

Chúng tôi giờ mo cơm nguội và thức ăn khô đặt lên miếng đá, dưới những tầng cây tỏa rợp trên đầu.

Đã hai giờ chiều, mặt trời chói nắng gay gắt, hơi núi vẫn toả mát lạnh. Ở dưới sâu kia sẽ còn lạnh lẽo chừng nào.

Hai người chúng tôi im lặng ngồi ăn và ông già Chúp xong trước, cầm rửa đứng lên tìm một dây phok. Trong rừng vẫn có nhiều loại dây leo ruột rỗng chứa toàn chất nước có thể chặt lấy để uống những khi không tìm được suối. Nước trong dây phok hơi chát nhưng mà trong lành. Ông già uống xong, hứng lấy cho tôi một ống lồ ô. Chúng tôi cùng vắn mỗi người một miếng thuốc dài và sau khi đã châm lửa, hít được vài khói, vội tìm đường quay trở lại.

Chúng tôi về đến căn lều thì trời vừa tối. Ông Chúp loay hoay đốt đồng lửa lớn trong khi tôi lo vo gạo bắc nồi cơm lên. Cả một ngày đi vất vả giúp tôi quên mỗi lo sợ đã ám ảnh tôi suốt mấy ngày qua, nhưng bây giờ đây, trở về cố thủ trong lều, giữa cái đêm tối mênh mông dày đặc vây quanh, tôi thấy những nỗi kinh hoàng phảng phất theo luồng gió núi quạt về. Nhưng điều khó chịu hơn hết trong cảnh tình này là tôi không được biểu lộ nỗi lo sợ ấy, dù bằng một cử chỉ nhỏ, và moi trao đổi với người dẫn đường phải tự kiểm soát chặt chẽ để khỏi gây những phản ứng bất lợi. Tôi phải cố quên thực trạng của mình để người bạn già quên đi những mối lo âu. Sau bữa cơm tối, chúng tôi kiểm điểm trở lại tất cả đồ vật để sáng hôm sau lần lượt di chuyển đến bờ thung lũng.

Tôi có hai khẩu súng săn và hai hộp đạn. Hai hộp đạn ấy chỉ vừa đủ nặng cho một đầu gánh và đầu gánh kia ông Chúp sẽ đeo túi gạo đủ cho chúng tôi ăn một tháng trường. Đứng ra nếu ăn mỗi ngày hai bữa thì chúng tôi chỉ đủ dùng trong hai tuần lễ là nhiều. Nhưng chúng tôi sẽ kiếm thêm vào đó những củ mài rừng, những củ môn núi, nhiều món thịt săn và các loại rau tươi tốt mọc đầy ven suối. Chăn đắp, áo quần cùng những thuốc men và các vật dụng cần thiết đã choán một ba lô đầy, đủ làm nặng trĩu đôi vai của tôi trên bước đường dài. Dao rửa, dây thừng, một trăm thứ lặt vặt khác cần thiết cho sự nấu nướng, cho sự dựng lều, hạ trại giữa chốn rừng sâu đã khiến chúng tôi phải chuyển ra làm hai đợt mỗi khi có sự di động về một nơi xa. Tôi có nhiều kinh nghiệm trong cuộc sống giữa rừng già và biết loại bỏ những gì thật không cần thiết để chỉ giữ lấy những món không sao thiếu được.

Khi chúng tôi đặt lưng xuống sàn lều, mồm bì bập miếng thuốc lớn để chờ giấc ngủ, tôi mới nhận thấy là nỗi lo sợ đã ám ảnh tôi gần một tuần nay không sao có thể xua đuổi dễ dàng. Về phần ông Chúp, rõ ràng là ông đang sống trong mối lo ấy. Ông vẫn nằm ngang cửa lều như mọi đêm, nhưng hơi né vào bên trong. Chiếc dao đặt vừa tầm tay, và cái rửa tránh bén ngọt ở sẵn trên đầu. Đồng lửa được nhóm to hơn và kéo dài ra ở trước cửa lều đủ làm một cái rào cản lợi hại ngăn các kẻ thù xông xáo. Nếu chúng tôi dựng một cái nhà sàn có lẽ chúng tôi sẽ yên tâm hơn. Nhưng đây chỉ là trạm nhỏ trên con đường dài. Chúng tôi đã tìm chọn một

đỉnh cao và ngoài ít bụi cây rậm phía sau làm cái bình phong thiên nhiên chắn bớt sức mạnh của ngọn gió Tây thường thổi ào ạt về khuya, căn lều được dựng gần nhiều tảng đá mập mạp, tiếp một triền đất ủ dầy lá mục kéo xuống thoải thoải. Với vị trí đó, nằm ở trong lều chúng tôi có thể quan sát bốn bề một cách dễ dàng, và với thính quan tinh nhạy của ông già Chúp chúng tôi có thể bắn hạ các loài thú dữ trước khi chúng theo triền dốc tiến sát bên lều. Nếu không có sự xuất hiện kỳ quái vào ngày cái đêm chúng tôi vừa dựng xong lều, có lẽ chúng tôi đã di chuyển xong đồ vật đen bở thung lũng từ mấy ngày trước. Nhưng chúng tôi phải mất tiếp năm đêm chờ đợi vô ích, để lại bất gặp sự xuất hiện ấy vào đêm vừa qua.

Đáng lẽ sau một ngày dài vất vả bây giờ đặt lưng nằm xuống trong cái cảm giác no đủ, yên ả, chúng tôi có thể tìm được giấc ngủ dễ dàng. Nhưng ông Chúp vẫn thao thức. Trong ánh lửa đêm, mỗi lần quay nhìn, tôi vẫn bắt gặp cặp mắt sáng quắc của ông long lanh như đang chăm chú chờ đợi. Phần tôi, co nhien là tôi không thấy buồn ngủ chút nào. Chính nỗi lo sợ vừa qua và cái niềm vui đã tìm gặp được chỗ thung lũng ấy khiến tôi tỉnh táo lạ lùng. Tôi phả một khói thuốc dài, quay hỏi ông Chúp:

- Thung lũng ban sáng chính là Mả Voi đấy hả?

Tôi nhớ đã hỏi câu ấy hồi chiều hôm nay ba bốn lần rồi. Và ông Chúp vẫn ôn tồn trả lời:

- Nó đấy.

- Chúng ta có thể làm không?

- Không. Không thể làm đâu.

Ông Chúp cũng đã xác nhận với tôi như thế nhiều lần trong chiều hôm nay, và không thể nào nghi ngờ lời nói của ông. Tất cả kiến thức của ông ở chốn rừng xanh, một khi xác quyết thì vững vàng như đá núi. Và cái thung lũng khuất lấp như hoang đường này, ông Chúp đã có nhìn thấy một lần trong cuộc đời ông, khi ông là một đứa trẻ lên mười.

Hồi ấy, ông Chúp đang sống trong cái buôn nhỏ bám trên một sườn núi lớn thì bị một đám người ở buôn khác vây đánh, đốt sạch cả làng, giết hết những người già cả, trai tráng, dẫn đi một số phụ nữ và những trẻ con. Ông Chúp bấy giờ ở tuổi lên năm lên sáu, chưa biết gì nhiều. Người mẹ của ông cũng ông trên lưng theo đám người kia. Họ đi nhiều ngày rồi đến một vùng núi rậm có một buôn nhỏ sống cô độc giữa rừng già. Điều mà ông còn nhớ rõ là buôn rất thưa thớt người, và gần như không có được mấy người phụ nữ. Sau này, trong cái quãng đời lưu lạc của ông giữa chốn rừng xanh, ông cũng gặp nhiều hiện tượng lạ lùng như thế. Có những buôn dần mất hết đàn ông, chỉ còn phần nhiều là những đàn bà. Một thời gian sau, những buôn như thế dần dần biến mất, đã tàn lụi đi chậm chạp như những loài cây không thể sinh sản giữa chốn thiên nhiên phá hoại không ngừng. Cũng có những buôn tập nập con người, thế mà vừa thoáng gặp đấy thì ít lâu sau trở lại, ông Chúp không tìm gặp được dấu vết một người hay một căn nhà. Trên cái mảnh đất nhẵn nhụi ngày nào, có thể bắt gặp dây bí, dây bầu chứa những cành lá tươi xanh nhờn nhờn một cách lạ loài, làm cái dấu vết buồn thảm của những sinh hoạt con người, ngoài ra không còn dấu vết nào khác có thể nhắc nhở rằng ở nơi ấy đã có những kẻ sinh sống, thương yêu, khóc than rầu rĩ hoặc là cười hát nô đùa. Có thể họ đã kéo đi nơi khác, tìm về một mảnh đất tốt xa hơn, có thể họ đã bị một cơn bệnh ngặt nghèo tận diệt trong một đôi ngày và cũng có thể họ bị núi rừng gặm nhấm lần hồi như con sóc kia gặm nhấm quả rừng cho thành mảnh vụn để khoét sạch hết cái nhân sự sống bên trong. Cái buôn ông Chúp đã đến, cơ hồ như tan rã rồi nếu không có sự tiếp lực của các đoàn người mà họ chiếm đoạt ở nơi buôn ông, sau khi loại trừ tất cả những gì xét thấy nguy hiểm hay là thừa thãi. Ở cái tuổi ấy, còn bám vào được lưng mẹ, cậu bé tên Chúp chưa biết buồn rầu. Cậu cũng được họ chiều chuộng, vì những đàn ông ở nơi buôn này chăm sóc những đám trẻ con bắt về như chính con cái của mình. Nhưng rồi ngày tháng qua mau, cậu bé lớn lên rất chóng. Đến nam lên mười, Chúp đã quên đi tất cả những gì thuộc về dĩ vãng và sống thành thoi trong cái buôn mới như chính quê hương của mình. Nhưng có những người trí nhớ không thể phai nhòa một cách dễ dàng, nhất là trí nhớ của người đàn bà đau khổ. Ở nơi buôn ấy lại có quá nhiều đàn bà như thế và sự nhắc nhở lẫn nhau kỷ niệm ngày xưa khiến họ khó lòng quên được kẻ thù đang thành người thân hàng ngày.

Tuy nhiên cũng có những người đàn bà muốn quên rất chóng dĩ vãng của mình. Vốn sợ đau khổ, họ quay lưng lại đau khổ, thiết tha bám vào cuộc sống trước mắt như những dây leo bám trên sườn dốc chênh vênh. Một số đã bị bệnh tật giết chết, một số đã không thể sống lâu hơn vì thời tiết xấu và những khó nhọc kéo dài. Cuối cùng, khi Chúp lên mười thì trong số những đàn bà bị bắt về buôn còn độ năm người muốn tìm về một cõi khác, hơn là chung sống với những kẻ đã gây ra đau khổ cho họ. Họ đã âm mưu với nhau không biết từ

bao năm rồi, Chúp không được rõ, nhưng đến một ngày mùa xuân tươi tốt dân buôn say vui bên những chum rượu thì họ dắt díu lũ con, chỉ những đứa con ở nơi buôn cũ mà thôi, lẫn trốn vào rừng. Họ đã kéo đi như thế không biết bao nhiêu ngày trời, trải qua bao nhiêu gian khổ và nhiều người đã bỏ mạng giữa đường. Rốt lại chỉ còn hai người đàn bà và năm đứa trẻ. Đoàn người nhỏ bé lại đi lang thang nhiều năm, và đó là thời kỳ cậu bé Chúp học được nhiều nhất trong những trang sách rừng già. Thung lũng Mả Voi là một trong những địa danh mà Chúp vẫn còn nhớ lại giữa những kỷ niệm mơ hồ ngày xưa.

Đã năm mươi năm qua rồi, ông Chúp vẫn còn có thể trở lại những nơi chốn cũ đi qua mà không lạc lối bao giờ. Trí nhớ của ông như một chất đất quánh dẻo có thể hằn sâu dấu vết mà không bao giờ bị những năm tháng xóa nhòa. Suốt thời gian chung sống giữa núi rừng, chưa lần nào tôi bắt gặp ở người dẫn đường một sự thiếu sót hay một nhầm lẫn.

Đêm đã về khuya, thấy ông Chúp vẫn thao thức, tôi quay lại hỏi:

- Ngày xưa, ông đã lội vào thung lũng ấy chưa?

Ông Chúp trả lời:

- Chưa đâu.

- Sao lại không vào?

- Chỉ có những người đàn bà đau ốm và những đứa trẻ bệnh hoạn, vào thế nào được?

Những tiếng trao đổi rì rầm trong đêm không soi sáng thêm cho tôi được gì. Mả Voi vẫn nguyên là một bí mật. Và chúng tôi sẽ bắt đầu tìm hiểu cái bí mật ấy trong vài hôm nữa.

Tôi nằm lơ mơ cố gắng hình dung miền đất huyền bí mà chúng tôi sẽ bước vào. Tôi sẽ tìm gặp ở đáy kho tàng vĩ đại ngà voi lẫn lóc trên một vạt đất mênh mông, nghĩa địa bao đời của giống voi rừng. Viễn tượng một cảnh giàu sang huyền hoặc đã làm cho tôi không thể chớp mắt. Nó lấn át hẳn ý nghĩ ban đầu của tôi là tìm quên lãng trong sự phiêu lưu.

Nhưng sự tưởng tượng dù cố gắng đến mức nào cũng không dẫn tôi đi xa hơn nữa trong cõi mịt mù sâu thẳm của chốn rừng già. Tôi không thể thấy gì hơn ngoài những dây leo chằng chịt, thác nước ỉ ầm. Cuối cùng, giấc ngủ theo cái âm điệu muôn thuở của chốn núi ngàn len vào xâm chiếm lấy tôi, nhấn chìm tôi trong đêm dài tưởng như vô tận lúc nào không hay.

Khi tôi thức giấc, trời đã sáng tỏ. Ông Chúp dậy từ bao giờ, đang ngồi nấu một ấm trà trên bếp lửa hồng. Nồi cơm đã chín đặt ở cạnh đấy. Mùi thịt nai khô nướng thơm làm cho khứu quan của tôi kích động và cả người tôi cũng tỉnh táo theo.

Sau một đêm dài yên tĩnh không bị phá quấy bởi những tiếng động dị thường, ông Chúp có vẻ vui hơn là mấy ngày qua. Ông ngược nhìn tôi, ánh mắt không còn tối lại mà long lanh về sáng quắc của một người già khỏe mạnh. Hai khóe môi ông không sụp xuống nữa, trong cái dáng điệu sẵn sàng đón nhận những nỗi thê lương mà đã nhếch lên, chuẩn bị cho một câu nói nhẹ nhàng hay một tiếng cười. Trong lúc tôi đem ống nước lại ngồi rửa mặt trên một tảng đá thì ông chăm chú vấn những miếng thuốc lá dài dành sẵn cho cuộc hành trình sắp tới.

Bữa cơm sáng diễn ra trong yên lặng đem một chút gì phấn khởi hơn những ngày qua. Xong rồi, chúng tôi đốt thuốc, mang đồ lên vai, theo con đường cũ đi về thung lũng Mả Voi. Hành trình gian khổ này đã quen thuộc và không có gì đáng nói. Thú dữ, chúng tôi đã gặp nhiều rồi và đã quen rồi. Thỉnh thoảng, sau một lùm cây nào đó, khuôn mặt vẫn vện của một con hổ rình mồi hiện ra như nỗi đe dọa bất thần nhưng rồi chính nó biến mất trước khi chúng tôi nghĩ đến một cách đề phòng. Loài hổ ở miệt này chưa quen nếm vị thịt người, nên không đáng sợ. Trái lại, ít khi gặp người lai vãng nơi đây chúng có vẻ ngán loài vật đi bằng hai chân khá la lũng này. Giữa chốn rừng già nỗi lo sợ không nhằm vào những giống vật lớn. Con người tìm giết cọp, voi chứ chúng ít khi tìm hại con người, trừ trường hợp cần tự vệ do chính con người dồn đuổi chúng vào. Nỗi lo sợ nhất chính là những loài vật nhỏ, những giống sên, vắt tràn đầy trên các lá cành và trong mặt đất ủ mục lá dày lưu cữu bao đời. Nỗi lo sợ còn là các loài rắn độc lẫn khuất ở trong muôn ngàn hang hốc, nép giữa lá cành, nam bên bờ đá, vụt hiện vụt biến, và tấn công vào những lúc ta không chờ đợi mảy may.

Nhưng loài rắn độc bao nhiêu cũng vẫn có thuốc phòng ngừa. Ông Chúp biết cả hàng trăm thứ lá chống trừ nọc độc, và ông nghe được mùi da của rắn, tiếng động của rắn từ xa. Tôi có thể sống bên ông như sống bên một vị thần hộ mạng giữa núi rừng này. Thiên nhiên dù có ác độc bao nhiêu vẫn không vượt qua được sự khôn ngoan, kinh nghiệm của những con người.

1

Hôm sau, chúng tôi quyết định đi vào thung lũng. Ông Chúp dặn dò:

- Coi chừng các loài sâu bọ từ trong phân bã loài voi. Mặc áo quần dày, hòa ít thuốc hút vào nước mà xoa khắp cả mặt mũi tay chân.

Tôi nghe theo lời, cả hai hì hục sửa soạn để lên đường. Mặt trời đã cao, khí núi lạnh lẽo tan dần. Dưới xa, trong chốn thung lũng rậm dày mênh mông trải giăng ngút mắt, bóng tối hẳn được xóa nhòa.

- Ta đi.

Ông Chúp bập từng hơi thuốc lá dài, gọn gàng đứng lên. Những nỗi lo âu bây giờ đã không còn đọng từng vệt hằn sâu trên mặt người già cả ấy. Tôi cũng nhanh nhẹn đứng theo, và hai chúng tôi kẻ mang cung nỏ, người mang súng dài, tay cầm rựa bén từ từ đổ xuống sườn dốc chênh vênh.

Đi bộ hai tiếng đồng hồ thì tới được lưng chừng dốc. Hơi lạnh từ dưới bốc lên từng luồng. Ông Chúp dừng lại, kéo tấm đồ lên che phủ kín mình, khẽ nói:

- Còn lạnh nhiều lắm, hút một điếu thuốc đã nào.

Sau khi rít những khói dài, chúng tôi cố nhìn bao quát một lần sau chót vùng xanh ngồn ngộn trước mắt để tiến sâu vào lòng nó.

Càng đi vào trong, cây cối càng rậm dày hơn, nhiều thân cây cao vút thẳng, che rợp bóng xuống thâm u, lá cành đều mọc một lớp lông dài để chống khí lạnh quanh năm bốc tỏa từ trong thớ đất ẩm ướt tuôn đầy lá mục. Một chất meo mốc quánh dẻo đóng váng bên ngoài làm cho hình dáng cây cối trở nên cổ quái, dị kỳ.

Chúng tôi nghe hơi bốc dậy từ lớp lá mục vừa hôi, vừa nồng làm cho lồng ngực nghẹn tức như bị một sức đè nén lạ lùng. Hai thanh rựa bén phát tung liên hồi hai bên, dạt các cành gai ra ngoài để mở một lối khó nhọc cho chúng tôi bước chậm chạp, len lách qua những bụi rậm mỗi lúc một sum sê hơn.

Khi mặt trời đã lên cao, hơi ngả về Tây, chúng tôi mới đi được một quãng ngắn. Đồng hồ chỉ một giờ rưỡi. Trên ba tiếng rưỡi đồng hồ mới đi được khoảng ba cây số đường rừng. Tôi bảo người dẫn đường đã lộ về mệt nhọc:

- Dừng lại, chúng ta dùng miếng cơm trưa.

Ông Chúp có vẻ bằng lòng về lời nói đó. Chúng tôi leo lên một tảng đá lớn rêu xanh mọc dày như bọc nhung êm và lấy cơm vắt, cá khô ra dùng. Hai người yên lặng nhai cơm, không ai muốn nói với ai lời nào. Sau khi uống nước trà nguội trong ống lồ ô, và đốt mỗi người một điếu thuốc lớn, tôi hỏi ông Chúp:

- Thế nào? Chúng ta tiếp tục đi chứ?

Ông Chúp đảo mắt nhìn quanh:

- Đi thêm một chặng đường nữa xem sao.

Chúng tôi lại tiến sâu vào thung lũng càng lúc càng sâu hun hút, khí lạnh vẫn còn bốc tỏa ngùn ngụt. Có lẽ ở đây không có một giờ nào thật ấm áp, bởi cái địa thế trũng thấp hứng chịu hơi đá từ các dãy núi chung

quanh và chất đất ẩm từ ngàn đời rồi mang các thứ lá lưu cữu mục dày giữ được sức lạnh dài lâu. Đôi rửa trên tay chúng tôi đã nghe ròi rã và chúng tôi lau không ngừng những giọt mồ hôi tuôn dài từ trán xuống mũi, xuống môi.

Đi thêm được hơn một tiếng đồng hồ, chúng tôi bỗng thấy xuất hiện những con ba vò le xè chấp choá bay liệng trước mặt. Loài ba vò chỉ lớn độ phần ba con ruồi, cánh màu vàng hoe, sinh hóa từ nơi phân bã loài voi chuyển dịch một cách chậm chạp, song khi đã bám vào da thịt người thì chuyển ngay một nọc độc mà nếu không kịp thời nặn chất máu ra ngay thì trong thoáng chốc chỗ vết cắn sẽ tím bầm, tròn như nút áo và sinh ngứa ngáy. Vài ba giờ sau, nơi đó trở thành nhức nhối rồi sưng vù lên một cách quái dị.

Ông Chúp bảo tôi:

- Ba vò đã thấy bay nhiều. Chúng ta sắp đến những nơi voi đã đi qua.

Tôi không đáp lời, sợ chúng ủa bay vào miệng, tay phát lia lia nhành lá trước mặt để xua đuổi giống côn trùng độc hại. Mỗi lúc ba vò xuất hiện càng đông đảo hơn vùn vù bay lượn. Tôi kéo cổ áo và choàng chiếc khăn trùm kín khuôn mặt, chỉ chừa đôi mắt để nhìn. Ông Chúp cũng vội làm theo như thế. Cả hai chúng tôi đều biết nếu phải dừng tay chịu sự bất động trong giây phút thôi thì sẽ bị giống ba vò làm cho khốn đốn. Vì thế mỗi người phải cử động thật gấp rút, tay chân vung vẩy, dậm đạp liên hồi. Nhưng giống ba vò xuất hiện mỗi lúc càng nhiều hơn trước. Chúng bay lè xè từng đám vàng ngầu, lăm khi che khuất cây cối trước mặt, tạo một tiếng động vùn vù, kéo dài vang vọng trong bóng lá dày như những thanh âm trùng trùng điệp điệp.

Tôi hốt hoảng nhìn ông Chúp. Ông già như bước giữa cơn mơ sáng, tay quơ nhanh lá, tay phát chiếc rửa trong một dáng điệu rối loạn dị kỳ.

Rồi đến khi cả hai cùng dừng bước lại. Tôi định mở miệng thì đám ba vò đã ủa vào họng. Vừa khạc nhổ đám côn trùng vừa quay lắc đảo chiếc đầu không ngừng, tôi cố quơ mạnh nhành lá ở chung quanh mặt, kêu lên:

- Ông Chúp! Chúng ta trở lại!

Thế là chúng tôi vội vã tháo lui như kẻ bại trận, bị những giống vật li ti xua đuổi trong một vòng vây ngọt ngào. Bây giờ khỏi phải vung rửa vì lối vừa qua đã được khai quang, chúng tôi bước đi khá mau. Tất cả nỗi lo lắng áy trong cơn bối rối tột độ đã làm cho quên bẵng đi nhọc mệt, và sau khi đã tháo chạy vong mạng qua các lùm cây, bụi rậm được một quang xa, để cho gai sượt cào trên da thịt, chúng tôi mới dừng bước lại. Thở phào, tôi nói:

- Thoát nguy.

Ông Chúp vuốt mồ hôi trán, thở dốc, không nói lời nào. Một lát, khi đã tỉnh người, ông mới bảo tôi:

- Chúng ta không thể vào sâu trong thung lũng được.

Tôi hơi cảm thấy tuyệt vọng. Nếu là cọp beo, sói rừng hay bất cứ loài thú dữ nào khác cản đường, chúng tôi vẫn đủ sức đương đầu. Nhưng với loài ba vò này, làm sao có thể bình yên mà tiếp tục đi? Một lát, tôi hỏi:

- Không có cách gì nữa sao?

Ông Chúp vẫn ngồi yên lặng, suy nghĩ. Rồi ông chậm rãi bảo tôi:

- Phải tìm loại lá kơ-rao đuổi ong lấy mật mới vào được thôi. Chúng ta hãy về lều đã.

Cả hai chúng tôi vội vã quay về. Tới nơi, thì trời đã chiều. Đồng hồ chỉ bốn giờ rưỡi, nhưng cây rừng che khuất nắng nên như sắp tối. Chúng tôi vội nấu cơm chiều và lo đốt lửa. Ăn vội vàng xong, chúng tôi leo thang dây lên lều lá chênh vênh ở trên ngọn cao.

Ngày đường mệt nhọc sớm đẩy chúng tôi vào một giấc ngủ mê mệt. Đến khi mặt trời đã lên khá cao, tôi mới choàng dậy. Ông Chúp có lẽ thức giấc lâu rồi, đang ngồi nấu nước, rít những hơi thuốc lá dài. Đêm nay không biến động nào xảy ra, nên trông vẻ mặt của ông bình thản, yên lành.

Suốt ngày hôm đó chúng tôi lục lọi chung quanh tìm lá kơ-rao. Đến ngày tiếp theo, chúng tôi phơi khô và quấn thành từng bó đuốc nhỏ dài. Công việc chuẩn bị phải mất thêm vài hôm nữa. Và một buổi sáng, chúng tôi men theo con đường hôm trước tiến vào thung lũng Mả Voi.

Chỉ mới bốn ngày trôi qua mà cây cối đã phủ kín lối đi. Núi rừng giành lại phần sống đã bị tước đoạt, và sức vươn dậy của nó thật là nhiệm màu. Nhưng các chồi non nhành nhỏ không làm cản trở chúng tôi nặng nề, nên cái thời khoảng vượt qua những chướng ngại ấy cũng rất ngắn ngủi. Khi bay ba vô đầu tiên chờn vờn xuất hiện, chúng tôi chưa đốt lá cây kơ-rao. Đến lúc bị giống loại đó vây dày như một màn mây vàng nâu vùn vù, chúng tôi mới vung các bó đuốc được thắp cháy. Như một phép lạ, chất khói xua rạt chúng đi chỉ trong thoáng chốc. Khi đã chắc rằng không bị đe dọa bởi loài côn trùng ấy nữa, chúng tôi vội tắt đuốc gấp, dự phòng cho những chặng đường sắp tới. Cứ thế, nhờ các cây đuốc kỳ diệu chúng tôi đã xua đuổi được kẻ thù vô hạn liên tiếp tấn công trên mỗi bước đường gian nan.

Tới một đám cây khá dày và thấp, chúng tôi hết sức mừng rỡ khi nhìn thấy các dấu chân voi dẫm đầy ở trên mặt đất lồi lõm. Các dấu chân dẫm khá sâu, lan dài trên một vạt lớn. Loài voi thường đi theo những lộ trình nhất định, ít khi xê dịch ra khỏi con đường đã lựa chọn rồi. Thân xác vốn lớn nên tìm ra một lối đi nào đó, dọn được con đường nào đó thích hợp là chúng cứ mãi tận dụng hành trình chọn lọc suốt trong nhiều năm. Đó là những kẻ bộ hành dẻo dai, không hề biết đến mệt mỏi, và các tay săn bắn đều nhận biết voi là loài giống xê dịch nhiều nhất trong các thú rừng.

Tôi đã lưu ý nhiều năm về con đường voi di động, thường là đôi ba thung lũng gần nhau giữa có một dòng nước chảy. Lộ trình nếu gặp phải miền đất xấu, cỏ cây cằn cỗi, thì được kéo dài cho đến khi nào gặp những thảo mộc hợp với khẩu vị và đủ dung lượng cung ứng dồi dào cho những dạ dày rộng lớn. Voi thường tránh xa giống người vì không muốn bị quấy rầy và muốn tìm được những vùng cỏ cây thanh mậu có thể nuôi sống bốn mùa. Thung lũng này thật thích hợp, để những voi già quay về gặm lớp cỏ non trước khi chờ đợi cái chết mang đi. Các miền ẩm ướt, cây lá quá chằng chịt này, những lớp chồi non luôn luôn có đủ cho giống vật đó. Loài voi cứ men theo các dòng nước mà đi, ít khi bước lệch ra ngoài quá xa, và thường lộ trình của chúng được kết thúc trong những góc rừng hoang xa khuất, ở một miền đất hiểm trở, có những đỉnh cao vây bọc, những vạt thung lũng sâu dày cây cối thâm u, căn cứ an toàn để thoát khỏi sự săn đuổi của người.

Bây giờ, đã dò được lối chúng đi, con đường dẫn về Mả Voi coi như đã được xác định một cách dứt khoát.

Chúng tôi lại tiếp tục bước, tin tưởng nhiều hơn và nổi nhọc nhằn cũng nhẹ phần nào. Quá trưa hôm ấy chúng tôi tới vùng cây cối rậm rạp hơn nhiều ở trên triền đất cao hơn. Đã hết những quãng ẩm ướt quanh năm nước rỉ chảy luôn qua các bụi lùm, đã hết những miền lá mục rã nát hòa thành một chất bùn đen quánh đặc nhưng nhúc sâu bọ dưới chân.

Triền đất không vươn cao lắm nên vẫn giữ được chất ẩm chung quanh, lại thêm cây cối rậm dày làm cho không khí vẫn giữ mát lạnh suốt ngày nóng bức. Loài voi sợ nóng, và chúng đã khéo chọn được một chỗ yên nghỉ thật là lý tưởng.

Chúng tôi đi thêm chừng một giờ nữa thì bỗng nghe mùi hôi hám nực nồng. Tôi dừng bước lại, đồng thời ông Chúp cũng khinh khịt mũi như cổ phân chất mùi hôi, rồi bảo:

- Voi đấy, chúng ta đã đến tận nơi voi chết.

Ông già rút cây nỏ ở trên vai, thủ sẵn nơi tay. Tôi cũng lấy cây súng săn nạp đạn, chuẩn bị đối phó. Chúng tôi đều hiểu trên những xác chết loài voi, các giống thú rừng tìm đến mở một tiệc lớn mà cạp là kẻ sốt sáng hơn hết. Cạp thường tìm đến xác voi ăn nhậu nhiều ngày, xua đuổi các loài thú khác, đồng thời những loài chim dữ xao xác từng luồng bay tới, chí chóc giành nhau vang động cả rừng.

Ở đây là chỗ những con voi già cảm thấy cái chết gần kề tìm đến yên nghỉ. Đây là Mả Voi, nắm mò vĩ đại của loại thú rừng khổng lồ, vừa là kho tàng lớn lao của những chiếc ngà quý giá. Từ lâu người ta cũng đã đoán biết hay nghe nói về một nơi chốn ấy, và lòng mơ tìm nghĩa địa loài voi cũng đã ám ảnh nhiều người, nhưng hầu như chưa có ai đến được nơi này. Một phần vì voi vốn sống xa khuất, trong những vùng núi rậm dày giữa những địa thế vô cùng hiểm trở, con người khó lòng tìm đến mà còn hy vọng quay về. Hơn nữa, trong nơi chốn ấy không thiếu những loài thú rừng dữ tợn tự nguyện làm kẻ canh giữ điên cuồng để mà bảo vệ chất sống dồi dào. Thật không có kho vật thực nào sung túc hơn Mả Voi. Những con cạp già săn đuổi mệt nhọc suốt một ngày dài rờn rã chưa chắc có gì bỏ bụng, trong khi ở đây chất thịt thường có đủ đầy. Nhưng

chính vì thế mà sự tranh giành cướp đoạt ở đây mới thật khốc liệt. Những con vật nhỏ, những loài già yếu, không sao đương cự lại những mãnh thú rừng xanh sung sức, luôn luôn giành quyền chúa tể trên mảnh đất mình. Và chỉ ngày nao có nhiều voi già cũng ngã quỵ xuống một lượt thì sự xô xát mới tạm hoà hoãn đôi chút, còn thì những cơn cầu xé hải hùng cứ tiếp tục mãi trong chốn thâm u.

Chúng tôi bắt đầu tiến bước một cách chậm chạp, lắng tai nghe ngóng. Mùi hôi vẫn tỏa nồng nực. Tôi cố nhú mũi, đẩy bớt những chất hôi hám, nhưng lồng ngực quá nặng nề. Bỗng ông Chúp dừng bước lại, nép vào một gốc cây lớn. Tôi cũng dừng lại. Ông già đưa tay ra hiệu cho tôi lưu ý. Và qua kẽ lá từ xa, tôi nhìn thấy một con cạp đang vươn mình lên trên một khối đen khổng lồ.

Đó là một con cạp lớn, loại cạp hoàng-gia mà ta thỉnh thoảng có thể gặp gỡ trong các núi rừng cao nguyên. Giống cạp thật đẹp, lông vàng óng mượt, điểm những vết đen khá đậm. Thân hình vừa mạnh, vừa mềm, chuyển động một cách nhịp nhàng, loại cạp này có sức khỏe phi thường và sự lanh lẹ đặc biệt.

Chúng tôi có cái may mắn là đứng ở dưới ngọn gió nên cạp không đánh được mùi. Nhưng những bước chân chúng tôi từ xa có lẽ đã khiến con vật nghe động. Nó nhồm người lên, chong mắt về hướng chúng tôi, dáng điệu nghi hoặc.

Ông Chúp là tay thợ săn gan dạ và ông có nhiều kinh nghiệm đối phó với loại thú này. Tôi chưa kịp làm một dấu cản ngăn đã thấy ông đưa nỏ lên và một mũi tên lao vút rạch vòm lá dày phóng tới. Con cạp chồm lên, nhào xuống lặn lộn kêu thét. Tôi vội chĩa súng nhắm vào đầu nó, nhắm đạn. Nhưng trong lồng lộn con vật đã né thoát được, rồi nó bỗng đứng dựng lên, phóng nhanh vào một bụi rậm.

Tiếng nổ đánh thức tất cả sinh hoạt của loài thú rừng chung quanh. Ông Chúp lo lắng bảo tôi:

- Coi chừng. Con hổ sẽ quay trở lại.

Những con cạp bị thương rất hung dữ và sau khi vượt khỏi cơn hiểm nghèo chúng sẽ tìm về chốn cũ. Chúng tôi cùng bước thật mau qua phía bên trái, nơi cây cối thưa thớt hơn.

Nhưng soát, một tiếng động mạnh ở phía bên phải. Tôi kịp nhìn thấy một cái bóng vàng lướt vút qua những kẽ lá xanh dày. Lại một con khác. Chúng tôi rõ ràng đang ở giữa một vòng vây chằng chịt của loài thú dữ. Khác với mọi nơi, khi thấy con người đông đảo, loài cạp thường lánh xa đi, ở đây chúng đã có đủ can đảm để mà bám lấy con mồi. Có lẽ từ lâu chúng quen coi đây là giang sơn riêng, một cõi bất khả xâm phạm đối với bất cứ loài nào, dù là loài người.

Để đối phó lại tình hình khá nguy ngập ấy, tôi và ông Chúp lưng tựa vào nhau chờ đợi. Khá lâu, chung quanh vẫn không có động tĩnh gì. Tuy vậy, chúng tôi biết rằng đâu đó dưới đám lá cành dày rậm, những con hổ dữ đang rình.

Tình thế không cho phép đứng lại đây chờ đợi kẻ địch bốn phía tấn công. Tôi bảo ông Chúp:

- Chúng ta đi thôi, không nên gây sự với chúng làm gì. Ta bắn con hổ vừa rồi là việc sai lầm. Hiện giờ đối với chúng ta nó không phải là thù địch.

Ông Chúp đáp lại:

- Nó không hiểu được như ta vậy đâu. Không diết nó trước, khó lòng mà yên ổn được.

Chúng tôi lại chậm chạp bước, vạch lá, rẽ cành, chong tai nghe ngóng. Mùi hôi mỗi lúc càng nồng nặc hơn làm cho lồng ngực càng khó thở hơn. Ba vó lại vùn vù bay, không khí rừng già chứa đầy đe dọa.

Chúng tôi chỉ tiến rất chậm, vừa đốt đuốc lá kơ-rao vừa thủ khí giới trên tay. Bỗng một tiếng động trên cao, ngược lên chúng tôi thấy con beo lớn đang bám chặt lấy một nhánh cốc rừng. Đồng thời qua một bụi cây trước mặt, chiếc lưng vằn vện của chúa sơn lâm nào đó vẽ một đường vòng nhẹ như một dải lụa vàng phất qua. Bây giờ mọi sự sơ suất có thể trả bằng giá đắt. Tôi càng hiểu hơn vì sao Mả Voi là nơi bí mật, nơi mà kẻ vào không có lối ra.

Bây giờ chúng tôi gần như không xê dịch được bao nhiêu. Một lúc nào đó, lửa đuốc tan rồi, làm sao đối phó?

Lòng ngực càng nặng nề hơn, khó thở lạ lùng. Tất cả những nỗi đe dọa quanh mình không làm chúng tôi khốn đốn bằng chính cái mùi hôi hám bủa vây. Tôi bảo ông Chúp:

- Bước tới mau lên, không thì chúng ta trở lại.

Ông Chúp gật đầu:

- Hãy đi thêm một quãng nữa, coi sao.

Chúng tôi mạnh dạn sấn tới, hướng về cái khối đen sì thoáng thấy ban đầu. Đó là một con voi già nằm chết, một con voi đực với hai chiếc ngà cong dài cắm chĩa xuống đất. Ở phía sau mông, cạp đã xé thành mảng lớn, phơi ra lớp thịt nhầy nhụa và nơi đuôi trước cũng rách toạc dài, dấu vết còn tươi. Ông Chúp bảo tôi:

- Hãy đi xa mau. Có nhiều cạp đang rình rập.

Chúng tôi không muốn bị coi như những đối thủ đến đây giành mồi vì khó lòng đương cự lại một cuộc tấn công đến từ bốn phía. Dù tiếc cạp ngà bao nhiêu tôi cũng quay đi. Một lúc nào đó, có thể tôi sẽ quay lại nơi đây cũng chẳng muộn gì.

Tôi và ông Chúp vừa rời xác con voi già độ chừng ít thước đã thấy một con cạp lớn chắn ngay trước mặt. Con cạp cao to một cách kỳ dị, tôi chưa hề gặp được một mảnh thú cỡ đó trong những chuỗi ngày lặn lội giữa chốn rừng già.

Con vật chong mắt nhìn về chúng tôi, mình cong vòng lại trong một thế thủ tỉnh táo, chuẩn bị một cuộc tấn công. Giữa hai con mắt, khoảng trán phơi ra như chờ đón một viên đạn. Tôi thêm bắn vào nơi đó, tin rằng có thể triệt hạ con vật chỉ trong nháy mắt. Nhưng liệu tôi có đối phó được hết bao nhiêu thú dữ hiện đang vây quanh? Tôi đang chần chờ, ông Chúp đã bảo:

- Bắn đi.

- Không. Chúng ta sẽ gây náo động tất cả.

- Chúng ta cũng đã làm náo động rồi. Không cần tiếng súng, bóng người đi vào nơi đây đã làm thức dậy muôn loài.

Ông Chúp là người dẫn đường khôn ngoan và ông ít khi hạ thủ nếu xét thấy không cần thiết. Nhưng từ lúc vào thung lũng, tôi nhận thấy ông có vẻ quyết liệt hơn bao giờ hết. Phải chăng đó là kết quả của nỗi sợ hãi đang làm lòng ông hồi hộp không yên?

Chúng tôi đều hiểu phát súng hay mũi tên đầu quyết định tất cả. Nếu phát súng đầu bắn hụt, thật là khó lòng hy vọng bắn được phát súng thứ hai vào con thú đó. Do đó bắn một con hổ là phải vận dụng tất cả tinh thần và phải chờ đợi cho nó trình diện trong cái tư thế tốt nhất để mà bóp cò.

Tôi nhìn con hổ trước mặt, đẹp rất oai vệ, màu lông láng mượt, chứng tỏ đã được nuôi sống đầy đủ trên các thi thể loài voi và các con mồi phong phú trong cái bóng mát dày rậm của thung lũng này.

Tôi biết nó không chạy trốn như các con hổ thường gặp đó đây trong các rừng già. Hoặc là không có kinh nghiệm, hoặc là cuộc sống quá ư dễ dãi khiến nó trở thành tự tin đến mức ngu ngốc. Dù sao không thể đứng đây để chiêm ngưỡng nó quá lâu.

Tôi đưa súng lên, khẩu ca líp lớn 456, và nhắm vào cổ con vật bấm cò. Tiếng nổ chói chói vang lên, con vật không kịp có đủ thì giờ phản ứng. Nó nằm giãy giụa, thoáng chốc đã thành một khối bất động.

Sau đó, tôi và ông Chúp lặng lẽ vạch lá đạp cây đi về một ngả lối khác. Tôi thầm tiếc bộ da lông con thú nhưng không còn có cách nào để ở nán lại. Bây giờ chúng tôi cố đi về ngả nào có nhiều voi đã chết, và tôi đoán rằng chỗ đó không còn bao xa. Quả vậy, chỉ trong thoáng chốc, đã thấy rải rác trước mắt những đồng xương lớn và những chiếc ngà nằm đây đó trên mặt đất. Xương voi khá nhiều, ngà voi đủ loại, dài ngắn nhiều cỡ. Có những chiếc bám đầy lá mục hoặc bị chôn vùi dưới lớp đất bùn khi con voi chết cắm sâu vào đất. Có những chiếc đã ngả màu, không còn màu vàng tươi sáng mà nhuộm một sắc xám đen, qua những

gió mưa dầu dãi của nhiều tháng năm lạnh lẽo trong thung lũng này.

Tôi cúi xuống một gốc cây, kéo lên một cặp ngà voi trên vài chục ký cong vòng tuyệt đẹp, bảo với ông Chúp:

- Thế là chúng ta đến rồi. Bây giờ phải làm sao đây?

Ông Chúp cũng bị xúc động trước sự tìm thấy kho tàng, tỏ vẻ ngẩn ngơ. Rồi ông lẩm bẩm:

- Nhiều quá. Săn voi suốt một đời người cũng không được đến như vậy.

- Không chỉ một đời mà cả mười đời cũng chưa chắc gì đã được một phần bé nhỏ ở đây.

Ông Chúp nhìn quanh:

- Nhưng làm thế nào để mang những chiếc ngà này?

- Đó chính là điều tôi đang băn khoăn.

- Chúng ta mang chỉ một chiếc cũng vất vả rồi. Thôi hãy quay về nghỉ ngơi rồi sẽ tìm cách lấy sau.

- Nếu chúng ta có một số ngựa thồ!

- Làm gì mà kiếm được ngựa ở đây. Có voi là tốt hơn hết. Nếu có những buôn ở gần thế nào cũng có những giống voi thồ. Hãy quay về sẽ xem sao.

Chúng tôi vội vàng trở lại. Con đường đã được đi qua, chuyển về không mấy khó khăn. Đến chỗ dừng lều thì trời tối mịt, tứ chi rã rời, nhưng lòng chúng tôi cảm thấy rộn ràng, vui sướng. Những nỗi lo sợ về sự xuất hiện kỳ quái trong các đêm nào đã được xua tan.

Bên bếp lửa hồng reo vui giữa lòng rừng thẳm, chúng tôi ngồi đợi cơm chín, nước sôi, với bao ý nghĩ rộn rã về một ngày mai. Dầu sao, chúng tôi coi như đạt đến mục đích một phần. Tìm được thung lũng Mả Voi đã là một kỳ công rồi. Vào được chính nơi chôn cất bao nhiêu ngà quý là việc không dễ gì ai thực hiện, do những khó khăn và những bất trắc tràn đầy. Tôi đã may mắn hơn nhiều người khác, phần lớn là nhờ ông Chúp, một người dẫn đường già dặn khôn ngoan.

Viễn ảnh sáng ngời về kho tàng ấy làm tôi bận rộn và những kỷ niệm đau buồn đã xua đuổi tôi vào nơi rừng thẳm như chìm khuất hẳn. Tôi có cần nhắc lại đây nguyên nhân đã khiến cho tôi trở thành một kẻ chán đời, lưu lạc hay không? Có lẽ cũng có những người muốn biết vì sao tôi phải làm kẻ lang thang trong chốn rừng già, và lấy sự việc giết loài ác thú làm một niềm vui, một sự thỏa mãn sâu xa.

Tôi không ngại sự thành thật của tôi có thể trở thành trò cười, dù tôi vẫn hiểu xã hội mà ta đang sống không thiếu những kẻ chỉ đợi khai thác lòng thành thật của người khác để trục lợi và khiến cho sự dối trá trở nên lối sống phổ biến của những con người muốn được an toàn. Thời ấy, tôi không được may như nhiều bạn trẻ ngày nay, bởi vì hoàn cảnh mà ta đang sống, dù còn lắm nỗi khó khăn, nhưng con đường về tương lai, con đường tốt đẹp dẫn về một cõi đời mới với những lý tưởng nhân đạo, công bằng đã được rộng mở. Và những ai biết suy luận sáng suốt về đời, hoặc có ít nhiều kinh nghiệm bi thảm về những sự tình trước mắt, có thể rút bỏ tất cả - ái tình, danh vọng, bạc tiền, cùng trăm thứ loại ảo ảnh buồn cười khác nữa - để lao vào con đường ấy với lòng xây dựng nhiệt thành.

Nhưng vào thời tôi đã sống, thời bọn thực dân cỡi cỗ dê đầu, chặn đường bít ngõ, thời mà con người nhìn đâu cũng chỉ thấy sự xu mị và cảnh sa đọa, nỗi lòng oán ghét tha nhân, ghê tởm xã hội trở thành một cái phương cách tự vệ duy nhất. Thật không có gì làm ta đau xót bằng chỉ tìm thấy đồ kỹ mà không thấy lòng hổ trợ, chỉ tìm thấy mối tà tâm, ác ý mà không thấy lòng cao thượng và nghĩa kết đoàn. Trong bế tắc ấy, dễ sinh tâm lòng yếm thế, chỉ muốn đi xa, khuất nẻo loài người.

Tôi còn nhớ rõ chú tôi đã cầm một lưỡi dao nhọn đâm ngay vào ruột cha tôi đe mà cướp đoạt gia tài. Cái gia sản ấy, kết quả của bao nhiêu năm chắt bóp, bon chen, đã do cha tôi gây tạo với sự nhẫn nại và lòng khắc khoải, tưởng làm một cái sức mạnh hồng phúc lại cuộc sống đầy những lừa đảo, bấp bênh, nào ngờ chính là đầu mối của một tai họa. Tôi còn thấy lại cảnh người quần quai trên chiếc võng gai treo ở ngoài vườn một

đêm trăng sáng, nơi người nằm mát ngắm trăng và thấy từng dòng máu tuôn xuống đất đọng vũng đen ngòm, lấp lánh ánh bạc. Từ đó, chơi trăng, thưởng nguyệt với tôi thật là đại đột, thật là quái gở không biết chừng nào. Người ta không thể tìm được niềm vui và sự thanh thản khi lòng còn bị vẩn đục bởi điều tư lợi, ám ảnh bởi sự ghen hờn.

Cha tôi, trước khi trút hơi thở cuối, chỉ kịp phều phào:

- Thằng chú mày... Ký Tam... Ký Tam đã giết chết tao. Đừng cho ai biết... mà thêm... xấu hổ gia đình. Tao chết... mà nó... ở tù thì ích lợi gì. Giao hết ruộng vườn cho nó... Nó sẽ toại nguyện... để cho các con yên ổn...

Rồi ông thở hắt, đi về thế giới bên kia. Mẹ tôi đã qua đời sớm, chúng tôi trông chờ vào mỗi người cha tháo vát để mà lớn lên. Bây giờ thì chúng tôi thật bơ vơ. Chú cũng như cha, đối với chúng tôi đó là câu nói cũ xì không còn có nghĩa gì khác ngoài một cái nghĩa mĩa mai tồi tệ nhất đời. Chúng tôi lẳng lặng đem hết gia sản giao cho người chú để xin hai chữ bình an. Quả nhiên, chúng tôi được hưởng bình an, sau khi đã mua nó bằng bạc tiền và cái mạng sống của một người cha rất đỗi hiền từ.

Chúng tôi lớn lên trong nỗi khốn khổ mọi mặt, nhưng bù đắp lại chúng tôi cũng trưởng thành mau do cái cuộc sống gian nan và xảo trá này ban cho quá nhiều bài học tưởng đến nỗi trông con mắt.

Chú tôi, Ký Tam, lưu lại hình ảnh trong tôi như một ác thú, và ấn tượng ấy thật là sâu đậm trong cuộc đời tôi. Khi tôi vào đời, rạo rực thương yêu, tôi đã yêu thương mà không dè dặt. Tình yêu với tôi có một năng lực cứu rỗi, ít ra tôi cũng tưởng là như thế. Sau nỗi đau xót do những ma chiết của đời tạo nên, người ta khát thêm tình cảm, bởi lẽ tình cảm vỗ về, tình cảm có vẻ dịu ngọt của mặt mà kẻ cô đơn thường chỉ là ruồi. Tôi gặp Diễm Tuyết trong một trường hợp tình cờ và tôi đã thương yêu nàng một cách say đắm như chưa có kẻ nào trên đời nay thương yêu như thế. Đáp lại tình yêu của tôi, người đàn bà ấy có sự nồng nhiệt kỳ lạ, một sự nồng nhiệt mà ta dễ có cảm tưởng đó là tặng vật duy nhất của thứ tình yêu chân thật. Con người dễ có ảo tưởng, và sống vui vẻ trong mê hoặc ấy cho đến một lúc ảo tưởng vỡ tan như bọt xà phòng trước gió.

Cơn gió khá phũ phàng ấy thổi vào cuộc sống chúng tôi vào một buổi sáng mùa xuân. Sau chuyến đi xa trở về đột ngột, tôi được một người quen thân cho biết là người đàn bà mà tôi thương yêu tha thiết và tưởng như có thể chết vì nàng có sự đi lại quá đáng thân mật với một bạn tôi, người bạn giàu có mà tôi tưởng rằng có thể sống chết vì tôi bất cứ là trường hợp nào. Kẻ thù lợi hại của ta lại là những kẻ gần gũi với ta hơn hết, câu nói quá xưa cũ này vẫn còn có giá nữa chăng?

Còn nhớ cái ngày tôi tìm đến được nơi họ hẹn hò, tôi đứng tần ngần khá lâu trước cánh cửa phòng khoá chặt, nghe cơn giận dữ trào lên nơi cổ họng mình. Tôi nghiến răng lại, thu chặt nắm tay, tưởng có thể đâm hay giết những kẻ đã phản bội mình như giết một giống sâu bọ dơ bẩn nhất đời. Nhưng tôi giết họ làm gì? Tất nhiên tôi sẽ trả giá cơn giận dữ ấy bằng những thiệt thòi bất xứng. Hẳn tôi không đủ ngu ngốc để mà tiếp tục chịu sự gạt lừa bởi người đàn bà mà tôi bắt đầu cảm thấy khinh bỉ và cái thằng bạn khon nạn lợi dụng tình thân để giở những trò đón mặt, tôi cũng không thể vì chúng mà chịu vấp và đời mình thêm một chút nào. Và lại, khi một người đã không còn gắn bó với ta, đã vui thích vì lừa gạt được ta, thì ta còn bị ràng buộc gì với họ nữa? Thế là dứt khoát, ai đi đường nấy là xong.

Tôi đứng trước căn phòng họ yêu đương để mà suy nghĩ nhẩn nha như thế, để nghe lòng mình dịu lại trong nỗi lạnh lẽo khác thường. Có lẽ tôi đã mang trong người tôi một sự tính toán sáng suốt như cha tôi từng nghĩ đến lợi hại cho đám con mình, khi bị người em đâm vào giữa ruột để mà cướp đoạt gia sản. Tôi không gõ cửa, không mở con dao mài nhọn, và lúc toan quay trở về bong lưng tôi bật cười lớn. Tôi cười sặc sụa, cười đến ngã gập người vào cánh cửa, cười khụy người xuống trên bậc tam cấp và không thể ngồi dậy nổi ngay liền sau đó. Tôi cười cho sự ngu ngốc của tôi và cười cho những ngu ngốc của những kẻ khác, như tôi, đã cứ mê lầm tưởng rằng có thể tìm được cứu rỗi ở trong vòng tay ái tình.

Tôi chợt hiểu rõ ái tình tự nó không phải là một cứu cánh, cũng chẳng phải là lý tưởng. Nó chỉ là một phương tiện, một loại phương tiện có thể trở thành nhiệm màu, tuyệt diệu, nếu biết sử dụng vào một lẽ sống cao xa và cũng có thể trở thành độc dược hay là rác rưởi nếu đi ngược những ý hướng tốt đẹp của người.

Tôi đa phần mất phần lớn cuộc đời, đánh mất quá nhiều năng lực tuổi trẻ trong cuộc chạy đuổi theo cái ảo tưởng quái đản là vậy. Tôi đã khờ khạo tin tưởng vào sự tuyệt đối của những liên hệ tình cảm đến mức đánh rơi cả sự cảnh giác cần thiết có thể đưa đến phá sản lớn lao cho cuộc sống mình. Thế mà chẳng có một đàn anh nào đi trước dạy bảo cho tôi điều ấy, ngoại trừ những bài luân lý khô khan mà ta có thể coi như là món

tâm sự lắm cam của những chú, bác về già.

Ái tình đã tạo cho tôi một cái hang hốc khá tốt để tôi ẩn núp nhiều năm và làm tường đó là chốn an toàn vĩnh viễn. Bây giờ thì thật hết rồi. Sự thật trần trụi - đúng là hai tiếng trần trụi - đã xô ngã tôi trước cửa phòng bọn gian dân trong một tiếng cười còn bi đát hơn là tiếng khóc nữa. Có lẽ chúng đã nhận ra được tiếng cười ấy của tôi, và sự im lặng bên trong có phải là dấu hiệu hoảng hốt tột cùng? Tôi cũng chợt thấy tiếng cười nhiều khi lại có tác dụng kỳ quái hơn là chữ bới, nạt nộ, dù đấy chỉ là tiếng cười của sự thất bại, một thứ biểu chứng của lòng tự ái. Và kể từ đấy không bao giờ tôi gặp lại người đàn bà nọ và gã đàn ông kia nữa.

Chú ruột của mình, người yêu của mình, bạn thân của mình đã đâm vào chính giữa gan ruột mình, đã làm mất hết chút gì ảo tưởng nhân nghĩa còn lại nơi tôi về xã hội này. Quả là trong thế giới xô bồ mà tôi đang sống, đồng tiền lớn hơn một cái bánh xe và chiếu ánh sáng mạnh hơn mặt trời. Bởi vì ngày và đêm, mưa và nắng, ngoài mặt và trong hồn, nơi nào cũng nhìn thấy ánh sáng ấy chiếu tỏa và khơi dậy nguồn sinh hoạt.

Tôi đã rời nhà mà đi, vào một buổi sáng, khi mặt trời chưa lên khỏi chân mây, quay lưng lại bóng tròn ấy, bóng tròn đỏ lửa chứa chan khi tôi lên khỏi đỉnh đồi trước mặt và tiến sâu vào rừng thẳm. Không thể sống với xã hội loài người, tôi tìm về với thiên nhiên. Cây đá, cỏ hoa, suối ngàn, gió núi, đó là tất cả những gì sẽ là bạn hữu của tôi, sẽ đem cho tôi quên lãng, an vui, những thứ tình cảm mà tôi tin rằng chân thật lâu dài.

Nhưng ở trong rừng còn có vô số những loài thú dữ. Tất nhiên là chúng không dữ bằng loài người ở trong xã hội mà tôi trốn thoát, chúng vẫn còn khá nhiều điểm đáng yêu, nhưng chúng cũng chẳng chịu để tôi yên. Đó là lý do khiến tôi trở thành thợ săn và tôi hăm hở đi sâu nhiều hơn vào chốn rừng già, mỗi ngày mỗi gần gũi hơn với những tâm hồn ngay thẳng, chất phác của những thổ dân không biết đến sự điêu ngoa của chốn phố phường, mỗi ngày mỗi cảm mến hơn sự căm lặng của những con người ấy. Còn gì đáng để nói nhiều nữa đâu? Tôi nhắm vào giữa đỉnh đầu hay giữa lồng ngực những con hổ lớn, những con beo già, những con gấu to, và tôi bóp cò. Tiếng nổ chát chúa vang dội trong rừng, vắng lại từ các hốc đá và tôi nhìn sự giãy giụa của những con mồi với nỗi say sưa khôn tả. Mỗi lần chĩa súng về phía con vật, tôi lầm bầm nói:

- Đây là phát súng tặng cho Ký Tam.

Hoặc như tự nhủ với mình:

- Đây là viên đạn biếu thằng Trần Hải.

Ký Tam là chú của tôi và Trần Hải là bạn tôi, nhưng giờ đây các danh hiệu ấy không gọi cho tôi một xúc động nào ngoài nỗi hận thù. Các loài thú dữ đều được tôi cho mang một cái tên quen thuộc của hạng bất nhân, tàn bạo mà tôi đã gặp trong đời, để tôi có thể trút nỗi căm hận một cách ồn ào, qua các phát súng gửi đi một cách quyết liệt.

Như thế, không biết tôi đã giết chết bao nhiêu là bọn Ký Tam, Trần Hải ở trong rừng già. Còn bao nhiêu kẻ phản bạn, lừa thầy khác nữa, bao nhiêu những bọn buôn dân bán nước khác nữa, còn bao nhiêu lũ gian manh xảo trá đều được tôi nã những phát súng lớn vào đầu, và sau đó tôi xẻ thịt, lột da không chút ngại ngùng.

Nhưng tôi chỉ diệt được một số loại Ký Tam, Trần Hải ở trong rừng già nhưng nhúc thú dữ, còn lại Ký Tam, Trần Hải thực sự vẫn phây phây sống ngoài đời. Chúng vẫn tiếp tục làm giàu, tiếp tục no đủ, chúng vẫn không ngừng xây dựng những thứ gọi là hạnh phúc, yên vui cho chúng trên những khổ đau chồng chất của biết bao nhiêu đồng loại.

Tuy vậy, tôi chưa bao giờ nã phát súng nào vào một thú rừng gọi là Diễm Tuyết. Dầu sao tôi cũng không nỡ gọi người đàn bà ấy là ác thú, nên tôi không thể chĩa súng, nổ đạn vào nàng. Tôi đã lành khỏi căn bệnh si tình khá trầm trọng ấy và tôi không còn nghĩ ngợi gì về nàng nữa. Vì tôi thấy rằng những người đàn bà dù phải biết chịu trách nhiệm về các lỗi lầm của mình, thì ở trong xã hội này nguyên nhân các lỗi lầm ấy chính là ở người đàn ông.

Cho đến một lúc tôi mới thật rõ các tên Ký Tam, Trần Hải còn quá đông đảo ngoài đời, như trong rừng thẳm chúng còn ẩn hiện không biết bao nhiêu. Không thể diệt chúng với một khẩu súng, không thể xóa bỏ được những hành động xấu xa của chúng với sự cố gắng của một con người. Giữa lúc thật chán nản đó, câu

chuyện Mả Voi đã đến với tôi như một rọi sáng kỳ lạ. Tôi sẽ đi vào nơi thung lũng ấy, một chốn vẫn còn âm u, bí mật từ ngàn đời rồi, và tôi sẽ làm chủ một kho tàng vô giá gồm các ngà voi chồng chất qua lớp bụi mờ thời gian.

° ° °

Chúng tôi đã nghỉ hai ngày để lấy lại sức sau cuộc hành trình vất vả vừa rồi. Coi như phần chính đã giải quyết xong, bây giờ chỉ còn lo việc vận chuyển khối ngà voi đó ra khỏi thung lũng. Ông Chúp bảo tôi:

- Đi về phía mặt trời lặn coi xem thế nào. Theo nguồn suối chảy, tìm có cái buôn nào không.
- Kiểm phương cách khác rồi đi tìm, có lẽ tiện hơn. Lỡ đi không gặp, lại mất thêm nhiều ngày giờ.
- Không cách nào khác. Ở gần con sông, con suối, ta còn có thể kết bè. Nhưng trong thung lũng chỉ có những dòng nước nhỏ.
- Nếu cái buôn ta tìm đến không có voi, ngựa thì sao?
- Ta sẽ mua một đôi trâu hay một cặp bò. Chúng sẽ giúp ta chuyên chở được khá nhiều đó.

Đợi mặt trời lên khá cao, chúng tôi khởi hành, men theo một dòng suối lớn đi về phía mặt trời lặn.

Suốt ngày hôm đó chúng tôi lên dốc xuống nương, vạch lá, đập cây, những mong tìm gặp nơi chốn có người sinh hoạt. Nhưng rừng già vẫn mênh mông, và sự im lặng ngút ngàn trở nên thăm thẳm chứa đầy đe dọa.

Chúng tôi đã trèo lên những ngọn cây thật cao dò hơi bóng khói, đã vượt tới những đỉnh đá chót vót để tìm đâu đó một màu vàng sẫm của những nóc nhà. Nhưng tuyệt nhiên không tìm thấy dấu vết nào của đồng loại.

Chiều đến, chúng tôi dừng lại trong một hốc đá nằm bên bờ suối. Trong lúc ông Chúp đốn củi chuẩn bị lửa đêm, tôi lo cơm nước. Chúng tôi cẩn thận đốt ngoài cửa hang một ngọn lửa lớn và nằm quay đầu vào trong để có thể nhìn ra ngoài một cách dễ dàng. Sau một ngày đường mệt nhọc, tôi chìm sâu vào giấc ngủ rất mau. Khi tôi bắt đầu lơ mơ tiến vào cõi mộng, tôi thấy ông Chúp đang còn trần trọc phập phều một điệu thuốc dài.

Giữa lúc thấy mình quay về làng cũ với những kỷ niệm xa xưa tôi bỗng nghe nhói bên vai mặt. Tôi mở choàng mắt, thấy ông Chúp đã ngồi lên, vẻ mặt hoảng hốt. Tôi cũng vội ngồi thẳng dậy, tay chụp khẩu súng.

Ông Chúp đưa một bàn tay nắm lấy vai tôi, lắc nhẹ ra dấu bảo tôi im lặng. Chúng tôi ngồi im, chong mắt nhìn ra phía ngoài. Qua những ngọn lửa bập bùng yếu ớt trên đám than hồng rừng rực thỉnh thoảng lèo xèo các giọt sương khuya từ các vòm lá rơi xuống tôi chỉ nhìn thấy bóng đêm dày đặc mênh mông.

Lát lâu, tôi nghiêng mình sát ông Chúp, hỏi nhỏ:

- Gì vậy?

Ông Chúp thì thầm:

- Những tiếng động cũ... Tôi nghe tiếng kêu và tiếng kéo những thanh củi lạt sạt. Tôi giật mình dậy, thay chúng tôi nhỏ bên ngoài, đông lắm.
- Nhìn có rõ không?
- Không được rõ lắm. Chúng nhanh như biến.
- Phỏng chúng đông chừng bao nhiêu.
- Mười hay nhiều hơn. Không phải là vật mà cũng không phải là người.

Tôi thấy sự hoang hốt lại hiện về trên mặt người dẫn đường. Tôi bèn lựa lời an ủi:

- Không có gì đáng sợ cả. Chúng ta không chọc phá nó, nó phải để cho ta yên. Trong rừng không thiếu những loài vật lạ. Có thể đó là một loại dã nhân.

Ông Chúp vẫn ngồi yên lặng, vẻ mặt tự nhiên như mọi ngày. Ông bắt gặp những tiếng động ấy. Những lời an ủi của tôi đã không còn tác dụng nữa.

Bỗng nhiên ông già rừng mình. Ông nói:

- Ta quay về thôi.

- Sao lại quay về?

- Ta đã lạc vào miền đất của những người khác, họ không muốn ta bước đến.

- Núi rừng là của mọi người, đâu của riêng ai?

- Có những khu vực mà ta không thể bước vào. Có những khu vực cấm kỵ.

Ông lại trầm ngâm, mặt đầy những nét cương quyết của người đã tin chắc điều mình nghĩ, dù điều nghĩ ấy chỉ là những thứ chấp nhận mơ hồ, đôi khi quái đản, về những hiện tượng lạ lùng của chốn núi rừng.

Ông Chúp nói rõ hơn nữa ý nghĩ của mình:

- Chắc họ đã thấy chúng ta từ khi bước đến miền này, và đã tìm cách cho ta biết đừng bước thêm vào nữa từ những đêm tối đầu tiên.

- Lấy gì làm chắc?

- Ông coi, ta đi xuống miền thung lũng Mả Voi nào gặp gì đâu? Nhưng lên miền này, lại thấy bọn họ.

- Có thể là sự tình cờ...

- Không, không phải là tình cờ đâu.

Ông Chúp lại ngồi im lặng, đôi mắt nhấp nháy chói sáng ánh lửa chập chờn. Tôi cũng ngồi im định bụng đợi ngày mai đến sẽ nhờ ánh sáng mặt trời hỗ trợ cho tôi thuyết phục ông ta.

Chúng tôi đang ngồi chờ đợi như vậy bỗng ông Chúp thẳng người dậy, đôi tai như vểnh cao lên:

- Nó đấy...

- Ở đâu?

Tiếng ông thì thầm:

- Đang đến gần chúng ta kìa.

Tôi chong tai nghe, vẫn không nhận được cái gì khác lạ ngoài tiếng gió thổi rạt rào, tiếng thác rì rầm xa lạ, tiếng loài thú dữ tìm mồi kêu vẳng trong bóng đêm dày.

- Đâu nào? Tôi có nghe thấy gì đâu?

- Im! Nó kìa...

Tôi cố nhón mắt nhìn xa, qua ánh lửa sáng bập bùng. Khúc củi còn tươi bốc khói dày đặc, bị gió tạt vào làm cho đôi mắt của tôi cay xè. Qua khoảng đêm đen chập chờn ánh lửa, tôi thấy bóng người lố nhố mỗi lúc một đông. Tôi hỏi hộp nói:

- Thấy rồi...

- Bây giờ chúng còn đông hơn trước nhiều.

- Hãy im, con vật lớn nhất đang cầm lấy thanh củi cháy...

Một con vật lớn, đúng hơn, đó là một người cao lớn, đang chồm về trước kéo một cây củi đang cháy ra ngoài. Rồi cánh tay dài lông lá vung cây củi lên, ném ra ngoài rừng. Cứ thế con vật liên tiếp kéo tới những cây củi khác, ném ra chung quanh. Một số con khác, ban đầu tỏ vẻ dè dặt, đã thấy bắt chước làm theo.

Ông Chúp bảo tôi:

- Chúng sẽ phá hết đồng lửa để xông vào trong hang này.

Tất nhiên là chúng tôi không thể bắn. Thú rừng thường hóa hung dữ gấp mười lần hơn khi bị khiêu khích, đổ máu. Kể ở trước mắt đông quá và trong đêm tối không ai có thể ước lượng chúng là bao nhiêu.

Ông Chúp đã cầm cung nỏ đứng lên, cố nén một sự hoảng hốt cùng cực. Phần tôi tuy nỗi lo sợ làm rối ruột gan nhưng đã tự trấn tĩnh được. Và kể từ khi bước vào trong cuộc phiêu lưu giữa chốn rừng già tôi không bao giờ quên nghĩ rằng có một lúc nào đó mình sẽ là miếng mồi ngon cho loài ác thú.

Chúng tôi đứng nhìn lớp quái vật kia vất tung củi lửa xung quanh thêm một lát nữa. Rồi khi quá hơn phân nửa đồng củi bốc cháy đã bị phân tán đầy đó ngoài rừng thì tôi không đành lòng được, chìa họng súng lên bóp cò.

Tiếng nổ chát chúa vang dội ở trong hốc đá, toé lửa lên đầu đám quái vật kia khiến chúng lặng im như những thân cây trơ trọi. Ông Chúp nhìn tôi lo lắng. Nhưng tôi đã không tự kiềm chế nổi và cho nổ liên phát súng thứ hai. Tôi đã cẩn thận bắn lướt trên đầu của kẻ đầu đàn để khỏi gây nên thương tích. Lần này, sau khi âm vang tiếng nổ tắt lịm ở trong rừng sâu thì cả đám người kỳ dị kêu lên một tiếng quái gở rồi người đầu đàn quay mình chạy vào trong các bụi lùm. Lập tức, cả đám lũ nhỏ theo sau, riu rít, lú lo, biến rất nhanh trong đêm dày.

Ông Chúp và tôi thở dài nhẹ nhõm nhưng vẫn ngồi im như thế rất lâu. Ngoài ra, không còn một tiếng động nào khác lạ. Tất cả bầy quái vật đó đã biến đi rồi, có lẽ đi xa hay còn lẩn quất đâu đây. Rừng khuya vẫn sống âm thầm với những tiếng động quen thuộc. Gió lùa rào rạt qua những vòm lá, thác nước tuôn xuống ì ầm vắng lại từ một dòng suối gần kề. Lâu lắm, tôi mới cất tiếng:

- Ta ngủ đi thôi.

Ông Chúp ngồi im, không trả lời lại. Tôi cố gắng thoát khỏi sự bất động mỗi lúc như vây chặt mình, tiến tới chỗ đồng củi đồn quanh hang ôm một mớ lớn bồi tiếp vào đồng than hồng thoi thóp chực tàn.

Ngọn lửa dần dần bùng lên, hơi ấm lại lan tỏa khắp hang hốc. Trong khi tôi lặng lẽ nằm trở xuống, ông Chúp vẫn còn ngồi im như thế ở trong ánh lửa chập chờn.

Buổi sáng khi vừa choàng dậy, tôi hơi hoảng hốt như sẽ chứng kiến một sự bất thường sắp đến với mình. Liệu ông Chúp có bỏ tôi mà chạy đi chăng? Nhưng không, ông vẫn ngồi đấy, trầm ngâm với điệu thuốc dài, đôi mắt lơ lơ phóng nhìn ở ngoài rừng xa còn tỏa sương mờ. Có lẽ ông già không dám ra đi lẻ loi giữa chốn rừng sâu với những bóng hình đe dọa vừa rồi. Ông đã mất hẳn niềm tin nơi mình, mất hẳn cả sự bình tĩnh quen thuộc, từ khi bầy quái vật kia trở lại xuất hiện trong đêm.

Tôi bèn dọ ý:

- Thế nào? Chúng ta sẽ tiếp tục đi nữa chứ?

Ông Chúp lắc đầu:

- Ta trở về thôi.

- Bỏ cuộc hay sao? Đâu có dễ dàng vậy được, ông bạn già ơi. Hãy cố gắng đi thêm một ngày nữa xem nào.

Ông Chúp lắc đầu:

- Không thể đi nữa.

Giọng nói nhẹ nhàng của ông có đủ quyết liệt để tỏ thái độ dứt khoát. Tôi biết ông Chúp không phải người có thể làm khác một cách dễ dàng những gì mình đã phát biểu. Nhưng tôi, con đường rộng mở trước mắt không cho phép tôi thụt lùi:

- Ông ở lại đây chờ tôi. Tôi sẽ đi một mình vậy.

Ông già ngược mắt nhìn tôi, có vẻ kinh ngạc:

- Ông không thể đi một mình. Tôi không thể ở một mình.

- Chẳng có gì phải sợ cả, tiếng nổ đã xua bọn chúng đi xa.

- Không thể tìm thấy cái buôn đâu mà. Ông đừng liều lĩnh.

Tôi không liều lĩnh nhưng tôi đã nhất quyết rồi. Không có lối thoát nào khác là phải tiến tới. Sau bữa cơm sáng, tôi gói gọn đồ, chia cho ông Chúp ít gạo cùng thức ăn khô và giao cho ông một khẩu súng săn. Tôi bảo:

- Nay ông Chúp ơi, ông đừng buồn nhé. Ngày nào tôi còn sống giữa rừng già là còn nhờ sự giúp đỡ của ông. Nhưng nay ông đã không muốn tiếp tục đi nữa thì chỉ còn mỗi một cách là tôi phải đi một mình. Ông hãy chờ tôi ở hang đá này. Tôi chỉ đi độ hai ngày, nhiều lắm là ba ngày thôi. Ông cứ yên lòng nằm chờ đợi đây, đừng buồn lòng nhé.

Ông Chúp lộ vẻ băn khoăn, nhìn tôi không nói nên lời. Tôi biết ông phải khổ tâm vì để tôi đi một mình. Một người dẫn đường không chịu dẫn dắt đường đi, còn có sự xấu hổ nào lớn hơn nữa đâu? Nhưng ông sẽ không thể nào theo tôi. Một khi mang nỗi sợ hãi trong lòng, ông sẽ là mối trở ngại cho tôi trên quãng đường dài khó nhọc. Tôi an ủi ông:

- Tôi biết ông Chúp không muốn tôi đi một mình, nhưng tôi lại thích như thế, hãy chiều tôi nhé.

Ông ta đáp ứng:

- Nhưng mà... tôi... tôi...

- Được rồi, ông cứ chờ tôi ở đây. Hãy yên tâm đi. Nếu gặp được buôn hay không, tôi cũng gắng về đúng hẹn.

Tôi đặt tay lên vai ông, nắm chặt với niềm thân mật rồi lắc nhẹ để tạm biệt. Ông vẫn chưa hết ngỡ ngàng, nhìn tôi chăm chăm, mãi khi thấy tôi sắp sửa quay đi mới cất tiếng nói:

- Nay ông, hãy theo con nước mà đi, về hướng ngã mặt trời lặn. Chừng một ngày thôi, không gặp cái buôn thì nên trở về.

- Tốt lắm, cảm ơn ông Chúp.

Tôi bước nhanh ra ngoài rừng, men theo con suối, nhiều lúc dòng nước quanh co khiến tôi phải mất thì giờ theo nó, đôi khi dừng lại rất lâu vì nó chui vào một dãy rú rậm hay luồn sâu vào lòng đất. Tôi đi suốt ngày hôm đó không có điều gì đáng nói. Tôi cũng bắt gặp đôi con hươu nai, vài đàn gà rừng, trâu núi, và qua các kẽ lá dày ẩn hiện thấp thoáng màu lông vàng vện của chúa sơn lâm. Tuyệt nhiên không có một buôn nào cả. Núi rừng càng đi lên cao càng thêm lạnh lẽo và vắng vẻ hơn. Con người có lẽ không thể tìm nơi trú ẩn nơi miền đất này.

Buổi tối hôm đó tôi nghỉ chân lại bên bờ suối vắng, trong một hang đá. Tôi cũng cẩn thận dừng chân trước khi mặt trời lặn xuống sau dãy non xa và bố trí nhiều củ lửa cho một đêm dài. Rồi tôi ngủ vùi như chết không

còn hay biết gì khác. Sáng ngày, ngủ dậy quan sát xung quanh tôi hiểu rằng đêm vừa qua không hiện tượng nào xảy đến quanh tôi. Bây giờ tôi nên tiếp tục đi nữa hay là trở về? Tôi chưa tìm thấy buôn nào và sự bình yên trong đêm vừa qua khuyến khích tôi tiến bước thêm. Tôi cũng đã để thức ăn đủ cho ông Chúp năm ngày, và nếu tôi phải kéo dài hơn số ba hôm đã định thì ông Chúp sẽ chờ tôi thêm đôi ngày nữa. Hẳn ông chưa dám quyết định gì hết khi còn chờ đợi. Và chỉ khi nào thật sự tuyệt vọng về tôi ông mới ra đi, quay về buôn cũ, để chắc không bao giờ còn dám nghĩ đến chuyện phiêu lưu trong cõi rừng già quá xa khuất này.

Tính toán như thế tôi đổi hướng đi, xuôi về các miền đất thấp, và thêm một ngày rông rãi vẫn không gặp được buôn nào. Buổi chiều hôm ấy, ngồi trên một tảng đá lớn nhìn khắp chung quanh núi rừng đang chìm dần trong hoàng hôn tôi nghe nỗi niềm tuyệt vọng dâng lên tràn ngập trong hồn. Định quay trở về hốc đá, tôi bỗng ngạc nhiên thấy cách chỗ tôi không xa có một ánh lửa le lói.

Tôi đứng thẳng lên, trở mắt mà nhìn. Rõ ràng đó là sự thực chứ không phải là ảo tưởng.

Tôi vội choàng đồ lên vai, rời khỏi tảng đá, bươn bả đi rất nhanh về phía đó. Tới nơi, trời đã tối sẫm, tôi thấy một chòi tranh dựng cheo leo trên sườn núi. Bên bếp lửa đỏ một người đàn ông cùi lờ đang ngồi sưởi ấm, thăm thương, bất động. Tôi gọi mấy lần anh ta mới quay nhìn về phía tôi, hỏi tiếng Mơ-nông bằng giọng phều phào.

- Ai đó?

- Tôi đi lạc đường, xin vào nghỉ lại.

- Vào đi.

Tôi leo lên cái căn nhà xiêu vẹo. Người đàn ông khó đoán tuổi, rách rưới, lờ lói, ở một mình giữa núi rừng, thật là một điều quái lạ. Tôi hỏi:

- Sao anh lại ở một mình?

Gã ngược nhìn tôi, không đáp. Tôi ngồi xuống một bên lửa, cố tránh nhìn vào hình dáng khủng khiếp của con người đó. Tôi giữ nắm cơm đã nấu từ trưa, xén một phần nửa chia về phía gã:

- Mời ăn với tôi một miếng cơm nào.

Gã chỉ lắc đầu.

- Sao ở một mình?

Tôi lặp lại câu đã hỏi. Gã vẫn nhìn tôi, cặp mắt mệt mỏi, rồi đáp lững lơ:

- Bệnh mà.

- Có buôn nào gần đây không?

- Có.

- Gần hay xa?

- Gần lắm, nhưng đã xa rồi.

- Sao vậy?

- Cách đây vài cái vòng rựa có một buôn nhỏ. Nhưng họ mới dời đi xong.

- Đi đâu?

- Không biết. Chắc đi xa lắm.

- Anh cũng ở trong buôn đó phải không?

Gã khẽ gật đầu.

- Sao không đi theo?

Gã ngược nhìn tôi, buồn bã. Rồi nói:

- Không đi theo được. Người ta bảo tôi đau ốm, phải ở trong núi một mình. Người ta đem cơm tới cho tôi ăn, múc nước tới cho tôi uống. Rồi hai ngày qua, không ai đến nữa. Cha tôi, mẹ tôi không đến. Anh tôi, chị tôi không đến. Không ai đến hết.

Gã dừng lại thở, rồi tiếp:

- Tôi đói, tôi khát, tôi trở về buôn. Không còn ai nữa. Buôn đã bị đốt cháy rồi. Người ta đốt nó để đi nơi khác. Tôi lên ngọn cao nhìn khắp, không thấy bóng khói nơi nào. Họ đi xa lắm. Tôi vào trong các rẫy cũ tìm có gì để ăn không. Không còn gì nhiều. Đồi trái bắp già sót lại. Tôi nhớ có một vườn bí nhiều trái và tôi tìm tới. Tôi thấy Hơ-Reo là người cùng buôn đang chất bí lên lưng ngựa. Tôi cố chạy đến nhưng nó đã vội nhẩy lên lưng ngựa phóng đi. Tôi đuổi theo nó nhưng chạy không kịp. Rủi cho nó quá, con ngựa phóng mau qua khe, bị sập một chân vào kẽ đá lớn, ngã khụy, hất ngã Hơ-Reo xuống nước. Thế là nó chết. Nước cuốn xác nó đi rồi. Tôi tới cứu đỡ con ngựa đưa nó về đây. Tôi biết mình cũng không sao sống được.

- Con ngựa còn à?

- Cột ở ngoài vườn.

Nỗi chua xót về số phận của người trước mặt làm tôi không dám nghĩ tới niềm vui trong sự hy vọng mua được con ngựa của gã.

Ăn xong, tôi vắn hai điều thuốc dài, chia mời gã một. Gã nói:

- Tốt lắm.

Rồi đưa mấy ngón tay đã cùn mòn, lở lói, kẹp lấy điều thuốc. Tôi lân la hỏi:

- Bây giờ anh định sống như thế nào?

- Tôi à?

Rồi gã lắc đầu, im lặng.

- Thế anh đổi lại con ngựa cho tôi.

- Đổi lấy cái gì?

- Đổi lấy cái gì anh muốn.

Anh ta ngó tôi, ngờ vực. Tôi tiếp:

- Tôi cần đi xa mà không có ngựa đỡ chân. Nếu anh muốn đổi cái gì mà tôi sẵn có, tôi xin nhường ngay.

Anh ta làm thinh, không nói. Một lát, anh ta bảo tôi:

- Người ta đã bỏ tôi đây là muốn cho tôi chết giữa cái rừng. Tôi không thể đi đâu nữa. Con ngựa chẳng giúp gì tôi, vì tôi không thể cưỡi nó. Coi tay chân tôi, đã hư hỏng rồi.

Anh ta dừng lại, chìa tay và chân cho tôi thấy sự tàn hoại của mình. Tôi cố ngồi im, chịu đựng cảnh đó mà không dám biểu lộ một chút gì gớm ghiếc.

Giay lâu, không thấy anh ta nói gì, tôi hỏi:

- Vậy anh định sao?

- Cho con ngựa đấy.

Câu nói bất ngờ làm tôi mừng đến choáng váng. Tôi áp ứng nói:

- Thật à?

Anh ta nhìn tôi, như không bằng lòng về câu hỏi ấy. Tôi tiếp:

- Anh đánh đổi vật gì đi. Đây, có muốn lấy chiếc mền không? Thuốc không? Hay các thức ăn này đây...

Anh ta mỉm một nụ cười méo mó, và đáp:

- Chẳng có gì trên người anh đổi được con ngựa ấy cả. Trừ cái khẩu súng. Nhưng tôi biết anh không thể đổi khẩu súng đâu. Nó là cái hồn của anh.

Anh ta dừng lại để hít hơi thuốc rồi tiếp bằng giọng hụt hơi, khàn khàn:

- Tôi biết anh tốt. Anh có khẩu súng, anh lại khỏe mạnh mà anh không giết hại tôi để đoạt con ngựa, anh muốn trao đổi. Tôi cho anh đó. Tôi không nuôi nó làm gì. Nó sẽ đi hoang và thành ngựa rừng, nếu không bị cộp ăn thịt.

Gã không nói nữa, nằm xuống cạnh lửa. Tôi nói:

- Cảm ơn anh lắm! Cảm ơn anh nhiều!

- Không. Chẳng ơn gì hết. Ngủ thôi, ngày mai cứ lấy con ngựa mà đi.

Rồi gã nhắm đôi mắt lại. Tôi nhìn gã chìm vào trong giấc ngủ, khêu thêm ngọn lửa, rồi cũng nằm xuống cố ngủ cho lấy lại sức.

Khi tôi tỉnh dậy, ánh sáng bên ngoài đã tràn vào ngôi nhà sàn xiêu vẹo. Không thấy người cùi ở bên bếp lửa. Chắc anh ta đi kiếm thức ăn ngoài rừng. Tôi chờ một lát khá lâu, vẫn không thấy gã, vội rời khỏi chiếc nhà sàn. Một con ngựa tía kha lớn, khỏe mạnh cột ở bụi cây gần đấy. Trong tình trạng này, gặp được con ngựa thật là ngoài sự mong chờ. Tôi bước lại gần, con vật hí lớn, dậm chân như đánh hơi người lạ mặt. Tôi vỗ vào đầu, vuốt ve bờm nó, tìm cách làm quen. Con ngựa không lộ vẻ gì ngờ vực, hẳn đang chờ đợi gần gũi với người. Tôi tìm ít cỏ non mứt đem về cho nó. Bị cột một chỗ gặm những lá cây chua chát xung quanh, nay được món ăn thích khẩu, con vật dậm chân, rung đầu có vẻ ưa thích. Tôi chợt nghĩ đến những nỗi khô khát nó đã trải chịu vì chỉ liếm được những giọt sương đọng trên lá mà thôi. Chạy xuống mé suối ở gần đấy dùng cái gàu vải luôn mang theo ở bên mình tôi múc một gàu nước đầy mang lên cho nó. Con vật hí vang, dậm chân đi độp. Trong khi nó gục đầu uống miên man tôi vỗ về nó, khoát nước lên khắp mình nó để nó hưởng sự mát mẻ thiếu thốn từ bao ngày rồi.

Đáng lẽ tôi dắt ngựa xuống suối tắm cho dễ dàng hơn nhưng thấy cần phải thưa lại một lời với người chủ cũ. Khi đem gàu xuống lần thứ ba, thấy chỗ khoáng nước đã bị tôi làm vẩn đục, tôi lội ngược dòng tìm chỗ sâu hơn và trong trẻo hơn. Đang đi tôi bong chú ý đến những dấu chân không đều và không rõ lắm lờ mờ trên cát, dấu chân của người chủ nhà tàn tật.

Anh ta đi đâu về ngả lối này? Tôi tự nhủ thầm như vậy, tiến theo các lần dấu ấy, hy vọng sẽ gặp người cùi hi hục hái rau hay đang mò bắt tôm cá ở ven khe đá. Đi được một đoạn, tôi đến hõm suối khá rộng, một cái hồ nước lâu ngày gặp mùa mưa lũ tràn về tuôn xuống quá mạnh, xoáy thành vực sâu. Bây giờ đã qua mùa mưa lụt rồi, mặt nước bình hơn và trong leo lẻo.

Dấu chân người người cùi biến mất trên một mỏm đá ven bờ. Tôi leo lên mỏm đá ấy nhìn quanh. Không thấy gì cả. Mặt trời đã lên khá cao, rọi nắng chang chang. Tôi cúi sát xuống trên các mặt đá. Từng vết cát nhỏ rơi rớt đây đó. Tìm theo dấu vết, tôi đến ven bờ. Ở nơi miệng hố, một số bụi cây đã bị đè gãy. Tôi nhìn xuống

dưới đáy sâu, và tôi hoảng hốt thấy một dáng người dưới đáy.

Người cùi đã chết, có lẽ tự vẫn hơn vì một rủi ro nào. Tôi đứng ngẩn ngơ trong nỗi buồn rầu mệt mỏi ở trên bờ suối. Nhớ lại những lời anh ta đã nói trong đêm, rõ ràng anh ta không muốn sống nữa. Nhưng tại sao bây giờ anh mới tự huy mình, mà không tự hủy sớm hơn hay trễ hơn? Tôi đã tình cờ đến gặp, hay vì chính sự hiện diện của tôi đã thúc đẩy sớm cái chết anh ta? Có lẽ người ấy không muốn tự hủy một cách cô độc, không ai hay biết, mà muốn ra đi có sự chứng kiến nào đó của đồng loại mình. Hay là sau khi có dịp làm một việc tốt là nhường con ngựa cho tôi, anh ta có thể ra đi mà không nuối tiếc đời mình? Dù sao, cho đến phút cuối, con người bệnh hoạn gần như tàn phế đã bị hất hủi bởi đồng bào mình, bởi thân quyến mình, cũng thấy an lòng ra đi vào cõi hư vô vì đã tỏ được thiện ý với người đồng loại.

Xác chết người cùi ở dưới đáy sâu có thể là mầm bệnh hoạn gieo rắc đó đây khi dòng nước suối mang những xương thịt rục rã về các buôn xa. Vả lại, để anh nằm vậy coi không đành lòng. Tôi quay về ngôi nhà xiêu vẹo, tìm vật gì cứng đào một huyết mộ. Không có vật gì bén nhọn, tôi phải lấy cây rựa tranh vẫn thường mang theo bên mình xuống một triền thấp, lựa chỗ đất mềm, hì hục khá lâu mới hoàn thành được một nơi để an táng kẻ xấu số.

Rồi tôi chặt một cành giang khá dài, tra chiếc móc dẫn từ một chạc cây gai bóm, thông xuống kéo xác anh ta lên khỏi vực nước. Tôi không dám nhìn lâu vào cái xác co quắp và tàn phế đó. Một nỗi kinh sợ choáng lầy người tôi, làm tôi tê lạnh đến cả xương sống. Những tiếng chim gì kêu lên, mơ hồ, ở trong rừng xa vọng lại. Tiếng chim rền rĩ, lạ lùng, khiến tôi lẩn thẩn nghĩ đến oan hồn của người đã khuất.

Tôi lấy tấm chiếu cũ kỹ mà người của buôn anh ta đã dành cho anh cuộn tròn xác lại, rồi dùng dây rừng bó chặt đem xuống huyết mộ vùi nông một nắm. Xong, lấy tất cả vật dụng hàng ngày của anh đem đặt lên mộ, theo cái tục lệ của đồng bào Thượng khi chôn người chết. Đoạn tôi lâm râm khấn vái, mong anh tìm được yên nghỉ trong phần mộ đó, và chóng quên đi cuộc đời bạc bẽo mà anh đã từng chịu đựng lâu nay. Tôi gởi tặng vong linh anh ít giọt nước mắt mà từ lâu tôi cứ ngỡ rằng cạn khô rồi. Có lẽ nước mắt người không bao giờ khô cạn nhưng nó cũng như bạc tiền, càng đi sâu vào cuộc sống khó khăn, những kẻ từ sớm đã quá phung phí về sau càng biết dè sẻn hơn lên để chi tiêu vào những dịp thật là cần thiết.

Tôi lo xong việc tống táng ân nhân của tôi thì đã quá nửa buổi rồi. Mệt mỏi nhưng an lòng hơn, tôi quay về chòi nấu cơm. Lúc chờ cơm chín, tôi dắt con ngựa xuống suối tắm rửa, kỳ cọ và cột nó gần một bờ cỏ tốt.

Ăn xong, tôi thu xếp gọn đồ đạc và đi ra suối, phóng lên mình ngựa tìm đường về nơi ông Chúp chờ đợi. Con ngựa còn sung sức lắm, tôi ép nó chạy khá mau, nhưng khi trời vừa sụp tối tôi chỉ đi được chừng hai phần đường. Tôi dừng lại một triền núi, đốt nhiều đống lửa xung quanh để tôi và con ngựa quý vào giữa. Khẩu súng của tôi luôn nạp sẵn đạn, khóa an toàn cũng không gài, để chực phòng hờ bên mình. Tôi ngủ yên tâm vì biết con ngựa là người lính gác miễn cán, bởi nó đánh hơi được loài thú dữ từ xa và tiếng nó hí sẽ thức tôi dậy kịp thời trước mọi bất trắc.

Vừa dậy, tôi đã lên đường tức khắc. Đã qua thời hạn ba ngày hẹn với ông Chúp. Có lẽ bây giờ ông ta đang sống trong nỗi giày vò, lo lắng cực độ vì thấy tôi chưa trở về. Tôi muốn đến sớm để ông khỏi mong vì tôi nghĩ ông sẽ cố nán chờ chứ không tuyệt vọng bỏ đi.

Tôi không cho ngựa dừng lại gặm cỏ xanh mướt ven đường. Thỉnh thoảng, tôi cũng hái được một ít trái rừng chua chát qua các lối đi, và tôi lót lòng tạm đỡ, đợi về tới chỗ mới thổi cơm ăn.

o o o

Giữa trưa hôm đó, tôi về đến chỗ ông Chúp chờ đợi. Từ xa, nhìn thấy hang núi, tôi đã phấp phồng không biết ông còn ở đó hay không. Tôi thúc con ngựa đuổi sức, ướt đầm mồ hôi, và con vật nghe theo tôi một cách miễn cưỡng. Khi vào miệng hang, tôi chưa kịp bước xuống ngựa đã thấy ông Chúp chạy ra, một ông Chúp già đi nhiều sau hơn ba ngày chờ đợi, vẻ mặt còn in những nét thảng thốt qua những đêm ngủ không yên. Tôi hỏi:

- Ông vẫn tin rằng tôi sẽ trở lại đây chứ?

Ông Chúp nở một nụ cười khô héo, trả lời:

- Không, tôi không tin ông sẽ trở về được.

- Nhưng tôi đã về và có cả ngựa nữa kia. Ông coi, con ngựa tuyệt đẹp.

Ông Chúp bước lại vuốt ve con vật, có vẻ sững sờ trong nỗi ngạc nhiên. Ông hỏi:

- Tìm ở đâu vậy?

- Ở giữa rừng già, trên ngọn núi cao. Thật cũng không ngờ, ông ạ. Dịp may thường đến vào lúc mà ta tưởng như là tuyệt vọng nhất.

Rồi tôi kể lại câu chuyện vừa qua cho ông Chúp nghe. Ông Chúp có vẻ cảm động khi biết người cùi đã chết sau khi gặp tôi và giao cho tôi con ngựa. Ông lẩm bẩm nói:

- Tội nghiệp. Anh ta không muốn sống nữa là phải lắm rồi. Anh ta đang cần một người chôn cất và đắp cho anh nấm mộ. Ông đã đi tới đúng vào cái lúc anh ta chờ đợi. Anh ta thực là may mắn.

Rồi ông thờ dài, nói tiếp:

- Chỉ sợ như chúng ta đây, đến lúc nằm xuống giữa rừng già này mà không có được một nấm mộ nào.

Tôi hiểu những ý bi quan do sự cô độc vừa qua đang còn hành hạ ông già và tôi vội vàng nói lớn:

- Đừng nghĩ như vậy, ông Chúp. Đừng làm thêm buồn cái ruột chúng ta bằng những điều nghĩ mơ hồ. Ông xem, cái gì chúng ta mong đợi đều có cả rồi. Chúng ta mơ ước Mả Voi, và chúng ta đã tìm được. Chúng ta mong ước một con vật thồ và chúng ta đã có đấy. Chúng ta đang ở giữa rừng già này chứ đâu phải ở trong buồn mà mọi việc đều có người giúp sức? Thế là quá tốt cho chúng ta rồi. Đừng nên nghĩ ngợi những gì làm cho chúng ta nản lòng.

Ông Chúp làm thinh nhưng trên nét mặt của ông có những gợn buồn. Tôi đành phải hỏi về điều mà tôi muốn tránh:

- Thế nào? Mấy ngày hôm nay có gì phá rối giấc ngủ ông không?

Ông Chúp nhúm mày, đáp lại:

- Vào cái đêm đầu khi ông ra đi thì không có gì xảy đến. Nhưng qua đêm sau, chúng không chịu để tôi yên.

- Chúng làm những gì?

- Chúng đến vào khuya, ném đất vào trong đồng lửa. Chúng đông hơn lần trước nhiều. Tôi dùng khẩu súng mà ông để lại bắn liên máy phát, chúng mới chịu đi. Qua đêm vừa rồi, không thấy chúng trở lại nữa.

- Ông xem, chúng chỉ tò mò vậy thôi. Chúng không cố ý làm hại ta đâu.

Ông Chúp lặng làm thinh, tôi có cảm tưởng những lời vừa nói không làm cho ông yên lòng bao nhiêu. Lát sau, khi chúng tôi đã thổi cơm và ăn uống xong, nằm trên một tảng đá lớn tòa rợp bóng cảnh ngắm nhìn con ngựa ăn cỏ ven bờ suối nhỏ, ông Chúp mới hỏi:

- Thế nào? Bao giờ chúng ta vào lại Mả Voi?

- Hãy nghỉ thêm một vài hôm cho khỏe đã chứ.

- Thực ăn chúng ta không còn nhiều đâu. Chần chờ quá lâu, lấy gì mà ăn trong những ngày gian nan ấy? Nhưng nếu đi ngay, tôi ngại ông và con ngựa không còn đủ sức. Vậy nên dời về chốn khác có thể không bị quấy phá ban đêm, rồi tìm thêm ít củ mài và cây trái rừng ăn dặm với gạo còn lại, mới tính đến chuyện vào Mả Voi được.

Tôi thấy ý kiến ông Chúp hợp lý, và sau một giấc ngủ trưa ngắn ngủi tạm lấy lại sức, chúng tôi rời khỏi hang

núi.

Chúng tôi quay về nơi đã dựng lều từ hôm mới đến, nghỉ lại năm hôm. Trong ba ngày đầu chúng tôi đi đào củ mài và hái trái rừng. Củ mài, củ nhen ở đây khá nhiều. Một phần chúng tôi xắt nhỏ phơi khô để dành nấu trộn với cơm, một phần làm bột. Không có dụng cụ chúng tôi mài những củ nhen trên đá, đặt trong một tấm khăn lớn, rồi nhồi bột ấy thành những bánh nhỏ. Để kịp thời gian chúng tôi không thể chờ phơi ngoài nắng, vì nắng ở đây thường bị bóng mát cây dày và trời mù sương che kín, nên nung trên lửa than hồng. Các bánh củ nhen khô cứng, khá nhẹ, mang theo thật là thuận tiện, cần ăn chỉ cần khuấy trong nước đun sôi với một ít muối hay đường là có chất bột thơm ngon. Về muối, chúng tôi vẫn phải dè sẻn và thường ăn dặm bằng loại rễ tranh, lá sim đốt cháy. Các loài cây cỏ này có chất muối nhưng không đủ mặn như muối bể, dù vậy cũng giúp cơ thể chúng tôi chịu đựng được thiếu thốn giữa rừng già. Còn đường thì chúng tôi thật khan hiếm, phải tìm những loại cây rừng chín ngọt sấy trên than hồng dành để mang theo. Trai rừng có khá nhiều loại, nhiều thứ thật ngon ngọt nhưng chúng tôi không biết tên, cũng chưa hề gặp những giống tương tự ở dưới đồng bằng. Chúng tôi luôn luôn lo đủ vì núi rừng là một kho thực vật phong phú lạ lùng.

Sau năm ngày nghỉ nhưng thực là dành cho việc chuẩn bị khai thác Mả Voi, chúng tôi lên đường. Mọi sự gian khổ trong chuyến đi này không có gì lạ để tôi nhắc lại ở đây. Chúng tôi đã phải đương đầu với cọp, với voi, với nhiều loại thú dữ nữa, để tự bảo vệ và bảo vệ con ngựa quý bây giờ là cái phương tiện tiếp vận duy nhất mà chúng tôi có. Dù sống quen giữa núi rừng, con ngựa chúng tôi cũng cảm thấy nỗi khiếp sợ khi vào thung lũng Ma Voi, nơi đông đảo chúa sơn lâm ngự trị, nên chúng tôi phải mất nhiều công sức để giữ nó vững tinh thần.

Số ngà được chúng tôi chờ mỗi lần từ năm đến sáu cặp thôi, vì không thể buộc con ngựa đèo quá một trăm kilô. Những cặp ngà tốt trên hai chục ký và chưa phai màu vì sức thời gian phá hoại được chúng tôi lựa chọn trước. Cứ vậy, ông Chúp đi đầu dẫn đường, tôi bước theo sau hộ tống, đoàn của chúng tôi vượt qua rừng già, gai góc, vượt qua mây mù của giông ba vở hút máu, vượt qua những cuộc tấn công quyết liệt của loài ác thú, để về một hang đá lớn được che đầy kỹ làm cái kho tàng chất chứa ngà voi.

Cứ sau một chuyến vận tải như vậy, chúng tôi lại nghỉ vài ngày dưỡng sức. Người và ngựa đều vất vả vì sự căng thẳng trong cuộc đối phó với nhiều kẻ thù, vì sự gian khổ của mỗi chuyến đi. Chúng tôi cũng tự giới hạn không cho phép mình nổ súng ở trong thung lũng, sợ làm kinh động quá đáng các loài dã thú hoặc khiêu khích chúng. Bây giờ đã thuộc đường lối, chúng tôi tiến vào thung lũng Mả Voi một cách âm thầm, lén lút, như những kẻ trộm lấy bớt của quý ở trong kho tàng rừng già được giao cho loài thú dữ trông coi. Chỉ khi ra ngoài thung lũng chúng tôi mới bắn những con mồi nhỏ để làm thức ăn. Ở đây thịt rừng khá nhiều nên sự bồi dưỡng thật là dồi dào. Trong các ngày nghỉ, chúng tôi chỉ cần đi săn vào một đôi giờ là có đủ thịt ăn đôi ba tuần. Các loài rau ở ven suối ngồn ngộn tươi xanh và thật ngon ngọt.

Từ chỗ chúng tôi hạ trại đến hang núi được sửa soạn để cất ngà voi không xa vì vậy sau vài chuyến đi, trở về chúng tôi dời hẳn đến ở nơi hang cho tiện. Chúng tôi đốt củi trong hang suốt ngày cho bớt khí ẩm, rồi dẫn những cây gỗ dài kê trên lớp đá làm bục chất các thớt ngà. Ở nơi miệng hang, chúng tôi làm một cửa bằng cây lớn và chèn thêm nhiều đá to. Tuy không sợ sự phá phách hay mất cắp giữa rừng già, nhưng chúng tôi muốn kho tàng được an toàn, bởi chuyến vận còn đòi hỏi dài ngày.

Sau khi đi được tám chuyến, chúng tôi đều đã thấm mệt và quyết định nghỉ đôi ba tuần lễ để hồi phục lại sức khỏe và có thể về những miền gần nơi qua lại khách buôn hỏi thăm giá cả để bán ngà voi. Chúng tôi đã nhìn thấy trước những món tiền lớn sẽ thu được và viễn ảnh ấy phần nào lại làm chúng tôi thành biếng lười hơn.

Hôm ấy, vào một buổi sáng tốt trời chúng tôi lên đường mang theo năm cặp ngà voi đẹp nhất. Riêng con ngựa chở bốn cặp, tôi và ông Chúp một cặp, dặm về của ba chúng tôi không kém gian nan vì con đường vào thung lũng Mả Voi là một hành trình ít ai kham nổi từ trước đến giờ.

Phải mất gần hai tuần lễ chúng tôi mới đến vùng đất gần miền phố thị. Món hàng chúng tôi được tiêu thụ sớm với một giá hời do các Hoa Kiều sinh cơ lập nghiệp tại các khu chợ miền núi mua lấy để bán ra ngoài. Đã có tiền rồi đáng lẽ tôi nấn ná lại phố phường một thời gian dài cho quên bớt nỗi mệt nhọc của những tháng ngày vất vả, cô độc, để hưởng thú vui chỉ tìm thấy được ở những chỗ đông người với những tiện nghi của cái thời đại gọi là văn minh, nhưng chừng như tôi đã mất hẳn thói quen ấy, thói quen sống giữa sinh hoạt xô bồ trong một xã hội mà tôi nhìn toàn là giả dối, mưu mô, với những con người mang những mặt nạ gớm ghiếc. Tôi nhớ những khu rừng rậm gai góc mọc đầy, nhớ những hoa ngàn, nước suối, nhớ cả những loài

thú dữ mà tôi đã từng gặp gỡ hay từng bắn ngã, nhớ những buồn Thương cheo leo trên các sườn non, nhớ cả những nỗi đe dọa trong các đêm dài thao thức không yên. Tôi đã mất niềm tin tưởng nơi các con người sống giữa phố phường, mất cái thói quen trao đổi với họ, mất cả hơi hướng của họ ở trong sinh hoạt, và tôi muốn gần ông Chúp, gần sự câm lặng đầy những khôn ngoan của ông, muốn là một người bạn đường mãi mãi của ông trên những dặm dài trắc trở.

Tôi chỉ mua những đồ dùng cần thiết, thuốc men và những vật thực có thể dùng được nhiều ngày, mua cho ông Chúp và tôi những món quần áo có thể chống lại hữu hiệu lạnh lẽo rừng sâu, và tôi cũng tìm mua một ít sách có thể giúp tôi tiêu thụ một cách hữu ích những phút nhàn rỗi nằm chờ giấc ngủ bên suối một buổi trưa nào hay bên những ngọn lửa hồng sáng rỡ về đêm.

Ông Chúp đợi tôi ở một xóm buôn gần chợ, nơi đó ông có một người em ruột tên là A Don sống với gia đình bên vợ. Khi thấy tôi đến, ông ngạc nhiên, không ngờ tôi trở lại sớm như thế.

- Ông không ghé thăm nhà sao?

Tôi đáp:

- Không còn có nhà nào nữa.

- Ông không có bạn bè sao?

- Không. Nhà tôi là núi, là rừng, và bạn bè tôi là ông Chúp đấy.

Ông Chúp có vẻ cảm động khi nghe nói thế vì không bao giờ ông nghĩ tôi nói để đùa hay cốt làm vui lòng ông. Tôi đem những món quà mua tặng ông, và ông tỏ ra hết sức bằng lòng.

- Ông lo cho tôi nhiều quá. Ông tốt với tôi nhiều lắm.

- Đừng nói như thế, ông Chúp. Chúng ta đã sống với nhau giữa chốn rừng già, không có ai quen thuộc khác là loài thú dữ, không có ai đùm bọc khác là tôi và ông. Chúng ta dù không bà con nhưng còn hơn cả ruột thịt, chúng ta sống chết có nhau. Tôi đã tính rồi, nếu bán được thêm một số gà nữa, chúng ta có đủ một cái vốn lớn để lập vườn tược, và tôi với ông sẽ sống bên nhau đến mãn cuộc đời.

Ông Chúp nhìn tôi một cách triu mến, rồi nói:

- Ông không thể đi mãi trong rừng núi. Không ai lại đi như thế. Ông phải nghĩ đến cái ngày có vợ, có con, sống yên ở một nơi nào.

- Tôi không thể nào lấy vợ được nữa, đó ông Chúp à.

- Sao vậy?

- Tôi ghét đàn bà.

Ông Chúp có vẻ không được bằng lòng khi nghe tôi nói như thế. Tâm hồn của ông không chấp nhận sự cực đoan và những ý tình lệch lạc. Ông hơi lắc đầu, rồi nói:

- Không người đàn ông nào có thể ghét người đàn bà. Có những đàn bà xấu bụng nhưng cũng không thiếu những đàn bà tốt. Không nên nói thế, ông phải có vợ mới được.

- Tôi đã nhất quyết rồi mà. Tôi không thể lấy người Kinh làm vợ.

Ông Chúp làm sao có thể hiểu rằng một khi đã bị tuyệt vọng, người ta không còn thiết tha gì nữa, dù sự oán ghét lắm lúc chỉ là mặt trái của sự yêu thương. Để chấm dứt những chuyện ay, tôi bảo:

- Ngày mai, ta sẽ lên đường về lại Mả Voi.

Hang núi chúng tôi cất dấu gà voi vừa hiện trước mắt đã thấy có nhiều dấu vết khả nghi. Chúng tôi vội vã

chạy đến. Cửa hang bật tung như bị một đám người nào phá phách để vào cướp đoạt những món ngà quý mà tôi cất giấu bên trong. Một số ngà bị kéo tung đây đó trên đất, nhiều vết chân nhỏ xéo giày như có một cuộc giành giật xảy ra. Chúng tôi thâu nhặt những gì đã bị vung vãi, và khi kiểm tra lại những chiếc ngà chúng tôi rất đỗi ngạc nhiên thấy chẳng có gì mất mát. Thế thì những sự xáo trộn như vậy do đâu mà ra, và để làm gì? Tất nhiên chúng tôi nghĩ ngay đến những con người - hay là con vật - xuất hiện trong những đêm khuya và thấy nặng nề thêm một bí ẩn không sao giải tỏa. Ông Chúp vẫn còn cái vẻ sững sờ như trước nhưng nỗi sợ hãi đã giảm phần nào. Tôi làm ra vẻ tươi cười bảo ông:

- Đây hẳn là những bạn cũ của chúng ta thôi. Kể cũng phiền thực, lợi dụng chúng ta vắng nhà mà vào phá phách, thật là quá tệ. Phen này nếu gặp lại họ, tôi quyết hỏi cho ra lẽ.

Ông Chúp trầm ngâm rồi chợt hỏi tôi:

- Ông tin là họ không có ý gì muốn hại ta chứ?

- Chắc chắn là không?

Thấy ông vẫn còn hồ nghi, tôi tiếp:

- Ông xem, họ có muốn lấy gì của ta đâu? Nếu có ác ý họ vẫn có thể ném hết đồ ăn mà ta cất giấu xuống dưới suối kia một cách dễ dàng. Ta đã rời xa nơi đây gần hai tháng trời, chứ phải một ngày một buổi gì đâu. Không, họ chỉ là những con người tò mò, vậy thôi. Họ muốn làm quen với ta cũng chưa biết chừng.

- Nhưng họ là ai ?

Phải rồi, họ là ai vậy? Họ có phải là người không hay là một loại thú rừng có những nét giống với người? Họ từ đâu đến, và họ được gọi là gì? Thật ra họ có nguy hiểm hay không? Tất cả điều này tôi vẫn chưa giải đáp được. Để trấn an ông già Chúp, tôi bảo:

- Chúng ta sẽ biết, lo gì.

Hôm sau trời còn nặng trĩu sương mù, núi rừng bị xóa mờ trong màn trắng mênh mông, chúng tôi quyết định nghỉ thêm ngày nữa mới vào thung lũng Mả Voi. Vào khoảng mười giờ trời chưa tỏ hẳn, không thể ở mãi trong không khí u uất ấy tôi xách khẩu súng lang thang quanh rừng hy vọng tìm gặp con mồi nào chẳng. Đi trên một giờ chưa bắn được thú rừng nào tôi toan quay về bỗng thấy trước mặt một con nai lớn phóng qua. Lập tức, tôi rượt đuổi theo. Con vật băng trên sườn non lao đi như một mũi tên, tôi không sao kịp nổ súng. Một phần bị lớp sương mù dày đặc khiến sự theo đuổi khó khăn, một phần con vật lanh lẹ khác thường, mang vẻ hoảng hốt của con thú rừng đã bị săn huyệt nhiều lần.

Tôi đã chạy theo như vậy khá lâu, con mồi nhấp nhử khiến tôi bị lòi cuốn mãi. Đồi lặn tôi muốn bỏ cuộc nhưng vẫn chạy theo con vật ẩn hiện trước mắt. Đến một thung lũng, con nai chui vào một rừng lau dày, biến mất. Tôi đứng ngơ ngác vừa lau mồ hôi trong cái buổi sáng lạnh ngắt vừa tự an ủi là nhờ con vật mà được trải qua mấy giờ thể dục vô cùng hào hứng.

Lúc tôi quay về, trời đã xế trưa, sương đã tan nhiều. Tôi lên một mỏm núi cao, đảo mắt nhìn quanh thấy mình đã đi khá xa khỏi nơi dựng trại. Chỉ có những nỗi say mê mới khiến chúng ta quên đi những quãng đường dài và mới làm cho chúng ta lạc lối một cách lạ lùng như thế.

Lúc đổ xuống một triền núi, tôi chợt nghe tiếng kêu thét. Tiếng thét hãi hùng giống tiếng của người, vụt xé sương dày, xuyên vào tai tôi như mũi dao nhọn. Ở đây không có ai khác ngoài chúng tôi ra, và tiếng kêu ấy không phải xuất phát từ nơi cổ họng một người tuổi tác là ông già Chúp.

Tôi chạy băng về hướng có tiếng kêu như bị một sự thu hút kỳ lạ. Qua một bờ cỏ tôi thấy ở dưới vực nước có một con người nhỏ bé chống chọi tuyệt vọng với một con hổ trên bờ đang tìm mọi cách nhào mình xuống chộp miếng mồi. Mỗi lần con hổ trườn tới, phóng những vuốt nhọn vào người đứng dưới tôi lại nghe tiếng kêu thét như xé không khí vang lên. Không một phút giây lưỡng lự, tôi vội nổ súng. Con hổ trúng đạn nhưng chưa nhằm chỗ tử huyệt, nhào lặn trên cỏ, rồi lao mình vào bụi rậm.

Chạy đến mé nước, tôi thấy con người ban nãy nhào trên bờ cỏ và nằm ngất lịm, bê bết những máu. Định

ninh đó là một đồng bào Thượng ở trong buôn nào tới đây rồi bị cộp đuổi, tôi chạy đến gần và rất ngạc nhiên thấy kẻ trước mặt không phải là người. Tôi bước lùi lại theo một phản ứng tự nhiên, phân vân chưa biết phải làm thế nào thì nghe con vật giống người trước mặt kêu lên những tiếng rên rỉ đau đớn. Những tiếng kêu ấy hoàn toàn giống hết tiếng người, và khi kẻ ấy ngẩng đầu ngược về phía tôi với sự ngạc nhiên pha sự sợ hãi thì tôi thật sự hoảng hốt. Tôi đã hoảng hốt, vì đó chính là một khuôn mặt người, pha trộn những gì của loài dã thú với những lông lá phủ đầy nhưng vẫn mang vẻ dịu dàng nào đó dưới mái tóc rối thành từng vểnh về lớn.

Tôi chưa trông thấy một giống loại nào như vậy, ở khắp núi rừng trải qua từ trước đến giờ. Phải đây là một trong số những kẻ lạ mặt đã đến quấy rầy tôi trong giấc ngủ từ trước đến nay, đã gieo khủng khiếp cho ông già Chúp đến độ kinh hoàng muốn rời bỏ hẻm núi rừng mà đi về lại buôn xưa? Có thể đây là giống loại dã nhân thỉnh thoảng vẫn nghe xuất hiện ở chốn hoang vu, mà kẻ nằm trước mặt tôi là một trong bầy đám ấy đã bị lạc loài vì sự đe dọa của chúa sơn lâm? Dù sao tôi không thể đứng mãi đây suy đoán mông lung và sự tình ở trước mặt rõ ràng đòi hỏi giải quyết, hoặc là bỏ đi hoặc là cứu cấp. Tôi đang lưỡng lự giữa suy tính đó thì con vật-người - xin tạm gọi vậy - lại ngược nhìn tôi với vẻ đau đớn tột cùng rồi ngất lịm đi.

Bây giờ tôi mới thực đủ can đảm cúi xuống sờ vào người đó, nghe hơi nóng vẫn còn trong da thịt, hẳn là có thể sống được. Tôi sờ soạng tìm chỗ ngực để nghe tim đập và thật thẹn thùng khi nhận biết rằng nạn nhân thuộc về giống loại đàn bà.

Con vật người này bị ra máu nhiều và ngất lịm thôi. Nó có sức khỏe, chắc cầm cự được với sự suy kiệt lâu dài. Mang được nó về, tôi hy vọng cứu nó thoát khỏi tay tử thần và đó cũng là dịp tốt giúp tôi tránh được những nghi kỵ của giống loại này, đồng thời đem lại cho ông già Chúp ít nhiều bạo dạn hơn trước.

Tôi bèn cúi xuống đỡ con vật-người kia dậy. Nó nằm mê man, các vết thương vẫn rỉ máu. Tôi phải đặt nó nằm cạnh bờ nước, rửa bớt những chỗ dính bê bết máu và xé khăn tay cột đỡ những chỗ không cầm máu được. Con đường về chỗ tạm trú còn xa, tôi không biết mình có đủ sức vác con vật-người này về tận nơi không. Hơn nữa, nếu tôi cố gắng đưa về tận nơi, liệu nó còn sống được chăng.

Giữa lúc tôi đang phân vân, bỗng nghe ngựa hí từ xa, ngẩng lên thấy ông già Chúp cưỡi con ngựa tía phóng đến. Ông ta nói lớn:

- Ông đi sao mà lâu thế? Tôi chờ suốt một buổi mai, vội vã đi tìm. Không nghe tiếng súng vừa rồi, để gì mà đến được đây?

Rồi không đợi tôi trả lời, ông già xuống ngựa chạy lại:

- Bắt được con mồi gì vậy?

Vừa thoát nhìn thấy con vật-người kia, ông đã kêu lên:

- Trời ơi! Ông bắn nó sao?

- Không. Nó bị cộp vồ, tôi bắn cộp để cứu nó.

Ông ta lại cúi xuống nhìn:

- Con gì thế kia?

- Tôi cũng không biết là con vật gì. Có phải là dã-nhân không?

Ông Chúp nhìn kỹ, lắc đầu:

- Không phải là dã-nhân đâu. Có lẽ là con Xà Niêng.

- Xà Niêng?

- Tôi cũng chưa thấy giống này bao giờ. Từ lâu tôi chỉ nghe các ông già bà cả nói về nó thôi. Chắc là lâu nay chúng ta đã bị bọn nó quấy phá trong những đêm khuya.

Tôi cũng được nghe nói đến mơ hồ về giống loại này. Đặc tính của nó là mọc tóc rối như là bông bong. Cha mẹ khi thấy con mình đầu tóc bù xù vẫn thường la bảo: trông giống như con xà niêng. Người ta mô tả về nó như một giống loại ma quỷ ở chốn rừng sâu. Bây giờ tôi đã được nhìn tường tận một con vật ấy trước mắt và tôi nhận thấy nó chẳng khác với loài người bao nhiêu, trừ những lông lá ở trên mình mẩy. Ông Chúp khi thấy rõ được kẻ đã ám ảnh giấc ngủ của mình trong bấy lâu nay, xem chừng đa vơi bớt nỗi lo sợ, cúi xuống hỏi tôi:

- Giờ tính sao đây?

- Mang về cứu cấp, hy vọng có thể sống được.

- Nó có chịu để cho ta sờ mó hay không?

Ông Chúp lộ vẻ suy nghĩ, rồi tiếp:

- Chỉ ngại đồng bọn của nó tưởng mình hại nó thì lời thôi lắm. Chúng sẽ báo thù.

- Tôi nghĩ nó không khác với con người bao nhiêu, nó phải khôn hơn loài khỉ. Chúng ta đã giúp đỡ nó, tất nó phải biết. Con người có thể nhớ ơn với nhiều tính toán, nhưng loài vật thường trả ơn một cách sòng phẳng tự nhiên.

Tôi tiếp:

- Cho dù nó chẳng nhớ ơn thì cũng không sao. Chúng ta chẳng mong hưởng lợi khi làm như thế. Để cho nó chết ở đây là điều bất nhẫn, nếu chần chừ thêm tôi sợ không cứu sống được.

Ông Chúp gật đầu. Chúng tôi cùng khiêng con vật-người ấy lên ngựa, ràng buộc cẩn thận, rồi vội trở về. Qua một chặng rừng thật rậm, cây cối bủa vây giăng như một màn lưới bao la bỗng nhiên tôi nghe có những tiếng kêu riu rít. Ông Chúp vội nói:

- Ông có nghe những tiếng gì đấy không? Những tiếng mà ta đã nghe trong những đêm khuya.

- Chắc là đồng bọn của con Xà Niêng.

Chúng tôi im lặng đi qua nhưng được một đoạn khá xa lại nghe những tiếng riu rít như thế ở gần đầu đó bên mình. Ông Chúp bảo tôi:

- Chắc là chúng đến đòi lại đồng bọn.

- Nếu quả như thế chúng ta sẽ giao trả lại chứ giữ làm gì.

- Làm sao biết chúng có ý định ấy? Chỉ có một cách là chúng ta bỏ con vật này trên tảng đá nào đó rồi rình thử xem. Nếu chúng muốn thế thì chúng sẽ tới mang đi.

Ông Chúp nói thật có lý, nhưng ông quên con Xà Niêng cần được cấp cứu mới hy vọng sống. Bỏ nó nơi đây để chờ xem đồng bọn nó phản ứng ra sao thì chẳng khác nào coi sự chết sống của nó là chuyện dừng đứng. Hơn nữa, nếu đồng bọn chúng mang đi, chắc gì chúng có thể cứu nó được? Tin rằng loài thú có những khả năng cứu cấp hơn cả con người là chuyện phi lý. Nghĩ ngợi như thế, tôi bảo ông Chúp:

- Chúng ta cứ việc đi thôi.

Qua khỏi một thung lũng dài rồi băng qua một triền núi khá cao, thỉnh thoảng chúng tôi vẫn nghe tiếng kêu riu rít như thế theo gần. Nhìn quanh không thấy một dấu vết nào khả nghi, không có một bóng dáng nào xuất hiện. Sự xuất hiện của loài này thật là kỳ diệu, và hẳn vì vậy mà những kẻ thường qua lại nơi chốn núi thẳm rừng sâu, nếu không dừng lại quá lâu như bọn chúng tôi, khó lòng biết được có chúng hiện diện.

Đến khi vượt qua một cánh đồng cỏ khá rộng cách quãng giữa hai dãy núi, chúng tôi không còn nghe những tiếng riu rít kia. Có lẽ quang cảnh trống trải khiến loài Xà Niêng e sợ, và cho đến khi chúng tôi về nơi tạm trú thì không còn nghe chúng nữa. Tôi nói:

- Thế là ta đã rời xa được bọn chúng rồi

Ông Chúp đáp lại:

- Nhưng mà tối nay chúng sẽ lại đến cho xem.

- Càng hay, ta đã có một con tin, không sợ gì nữa. Bây giờ phải lo cấp cứu nó thôi.

Lập tức tôi bắt tay ngay vào công việc đó. Các vết thương được rửa sạch, được băng bó kỹ. Tôi cũng tiêm loại phòng ngừa bệnh sài uồn ván có thể gây ra do các vi trùng đủ loại ở nơi móng vuốt loài cạp, và để con vật chịu được đau đớn một cách dễ dàng, tôi chích thêm mũi thuốc ngủ với liều lượng nặng.

Loay hoay bao nhiêu việc đó thì trời gần tối. Tôi đem con vật-người ấy vào hang, đặt nằm trên một nệm lá và bên một bếp lửa lớn. Ông Chúp vừa lo cơm tối vừa theo dõi việc tôi làm một cách tò mò, dần dần cảm thấy thích thú vì được chứng kiến một việc khác lạ ơ trong sinh hoạt.

Con Xà Niêng đã làm chậm công việc đi vào Mả Voi của chúng tôi lại. Nhưng ngoài nhiệm vụ cấp cứu cho kẻ bị nạn, dù kẻ đó không thuộc hẳn vào giống loài người, chúng tôi còn bị thu hút trong sự tò mò về một chủng loại sống nơi rừng già mà từ trước giờ chỉ nghe nói tới một cách mơ hồ.

Già Chúp bảo tôi:

- Ông xem, con vật này có thể giúp chúng ta khiêng các ngà voi được chăng?

- Tôi chưa nghĩ đến điều ấy, nhưng nếu nó chịu ở lại và giúp chúng ta thì tốt không biết chừng nào.

Ông Chúp đáp lại:

- Các loại thú rừng không ưa đời sống trói buộc và nếu lành các vết thương nó sẽ chạy trốn ngoài rừng. Muốn giữ nó lại, hãy cột vào một gốc cây.

Tôi có thoáng nghĩ điều này, nhưng nhìn con Xà Niêng kia mê thiếp với những vết thương tôi thật không đành. Nó có đầy đủ dáng vẻ để được xem như con người. Trói một con vật, điều ấy coi còn hợp lý, nhưng trói một con người lại, thực là bất nhẫn. Tôi bảo ông Chúp:

- Để xem. Chúng ta còn có cách nào khác không?

- Không có cách nào khác đâu. Để tôi vào rừng chọn ít loại dây thật chắc và đánh kỹ lại mới giữ nó được.

Ông Chúp không thể nhìn con Xà Niêng bằng một đôi mắt nào khác. Theo ông, đó chỉ là một con vật không hơn không kém, và với những ý nghĩ thiết thực ông chỉ muốn sử dụng nó cho công việc mình.

Không đợi tôi có ý kiến, ông lặng lẽ đi vào rừng tìm các loại dây. Chẳng rõ khi muốn cột giữ con Xà Niêng lại ông có ẩn ý trả thù hay không, bởi nó và đồng bọn đã làm ông mất ăn mất ngủ nhiều ngày, khiến ông chập chờn, hoảng hốt không phải là ít.

o o o

Khi tôi cúi xuống sờ vào ngực con Xà Niêng để xem tim đập, tôi lại cảm thấy một nỗi sợ sùng. Đây là con vật giống cái, và một con cái còn trẻ qua cái dáng dấp khỏe mạnh, gọn gàng. Tôi chưa bao giờ có những kiểu cách sỗ sàng với người đàn bà, và trong mối tình đầu tiên với người đã gieo cho tôi những nỗi đau khổ sâu xa, tôi vẫn luôn giữ một niềm tôn trọng, cả ở trong vòng thân mật. Thâm tâm, tôi chưa bao giờ nghĩ xấu về người đàn bà. Trái lại, tôi vẫn hiểu rằng con người có thể đạt đến tốt đẹp tuyệt vời nếu không bị những điều kiện xấu xa của một xã hội sa đọa làm cho hư hỏng. Tôi cũng nhìn thấy những nỗi thiệt thòi, khó khăn mà người đàn bà phải chịu giữa cuộc sống này. Trong cái nhiệm vụ lưu tồn nòi giống, phát triển nhân loại, giống cái rõ ràng đã chịu vất vả hơn hết, thế mà cuộc đời đã chẳng đền bù cho họ được gì ngoài việc luôn luôn đòi hỏi nơi họ những sự hy sinh. Hy sinh cho con, hy sinh cho chồng, hy sinh cho những thành kiến hẹp hòi, hy sinh cho những quan niệm hủ lậu, cứ vậy họ bị dồn mãi trong thế bị động triền miên. Và đã bị động, làm sao

tránh khỏi những thứ áp lực điều ngoa của xã hội này?

Nhìn con Xà Niêng nằm phơi thân hình gần như trần truồng, tôi thấy ái ngại, lấy bộ quần áo của tôi mặc vào cho nó. Và mặc quần áo vào người, nó càng giống hệt như người. Tôi bỗng nghĩ rằng nơi hang hốc này lại có một cô thiếu nữ lạc loài tới nằm yên ngủ và tôi lấy làm kỳ quái cho ý nghĩ ấy. Khi ông Chúp về, mang một đòn dây khá lớn được đánh thật kỹ ngoài suối, tôi thật phân vân:

- Ông xem, có khác gì là người đâu? Ai nỡ đi trói một kẻ lâm nạn đến đây nhờ vả chúng ta.

Ông Chúp lâu bầu:

- Muốn nó ở lại thì không còn cách nào khác. Trói một thời gian, rồi nó quen đi.

Tôi không trả lời. Ông Chúp hiểu sự im lặng là cách đồng tình và ông tiến tới vòng dây thắt ngang lưng nó, cột lại, rồi dùng dây gốc cây lớn bên ngoài và quấn thật chặt. Tôi không đành lòng, bảo ông:

- Làm thế chỉ khiến nó càng sợ hãi và càng căm ghét ta thôi. Tốt hơn, chúng ta nên chần lại một phần hang bên trong, như cái chuồng giam và để nó được thông thả. Nó cũng không làm hại gì ta được.

Ông Chúp nghe theo lời tôi, phụ lực với tôi đốn cây, đào đất, đưa con Xà Niêng vào hốc bên trong, mở các dây trói rồi dựng một hàng rào cản thật chắc có cánh cửa lớn gài bằng dây ngang bên ngoài.

Phải mất một ngày chúng tôi mới dựng xong gian buồng ấy. Vào tối hôm đó, đang ngủ tôi bị đánh thức bởi tiếng ồn ào náo động bên ngoài. Ông Chúp đã dậy từ bao giờ rồi. Thấy tôi choàng tỉnh, ông nói:

- Bọn chúng lại đến. Coi bộ làm dữ hơn là mọi khi.

Giọng ông chỉ nghe một thoáng lo âu chứ không hoảng hốt như là ngày nào. Tôi ngược nhìn ra, thấy một đám đông lồ lộ, rõ ràng là những họ hàng Xà Niêng đang đứng chen chúc, nhiều lần như muốn vượt hàng rào lửa, tiến vào trong hang. Sợ chúng tràn vào, tôi rút khẩu súng ban dọa một phát cho chúng rút lui. Tiếng nổ làm chúng dạt ra, và tôi nã tiếp phát súng thứ hai. Tôi bắn đến phát thứ năm mới nghe im hẳn. Nhưng khi nằm xuống, chúng tôi nghe một tiếng hú nào nùng vọng lại từ xa. Tiếng hú kéo dài trong nỗi đau thương được nối tiếp bằng nhiều tiếng hú khác cùng một âm thanh như thế. Họ hàng Xà Niêng bày tỏ nỗi niềm đau khổ, vì phải xa cách một kẻ thân yêu đó chăng?

Suốt quãng thời gian gần sáng, chúng tôi vẫn còn nghe chúng kéo đến lảng vảng nhưng không dám xáp lại gần cửa hang như trước. Chúng đi quanh quẩn, riu rít, thở than qua tiếng hú dài, rồi lúc mặt trời hiện lên lại chìm khuất vào trong lòng rừng thẳm.

Đáng le chúng tôi phải vào Mả Voi hôm ấy vì đã bỏ mất mấy ngày chờ đợi, nhưng chúng tôi muốn nghỉ thêm một hôm xem con Xà Niêng có sống được không và nó phản ứng ra sao một khi tỉnh lại. Suốt ngày hôm đó nó vẫn nằm vùi, me man, hơi thở mệt nhọc. Tối đến, tôi nghe tiếng nó rên rỉ. Như thế, nó gần tỉnh lại. Giữa khuya, khi tôi tỉnh giấc rồi đèn bấm vào tôi thấy con Xà Niêng vẫn nằm thiếp nhưng bộ quần áo mà tôi mặc vào cho nó đã bị xé rách tả tơi, vứt bỏ đó đây từng mảnh.

Nghe động, ông Chúp hỏi tôi:

- Gì thế?

- Lại đây mà coi.

Ông Chúp ghé mắt nhìn vào, chép miệng:

- Uổng chưa. Nó đã quen sống như vậy, đâu có chịu được áo quần.

- Nhưng trông nó nằm như thế, thật là bất nhẫn.

Tôi nảy một ý, lấy kim chích thêm cho nó một mũi thuốc ngủ, rồi sau khi băng lại các vết thương, lấy dao cắt sát các móng chân tay khá dài của nó. Xong rồi tôi lựa bộ quần áo ấm vào loại dày nhất của tôi mặc vào cho

nó. Tôi cũng cẩn thận gài nút ra phía sau lưng của con Xà Niêng, phòng khi tỉnh dậy nó khó tháo gỡ.

Ông Chúp nhiều lần tỏ ý muốn ngăn cản tôi, nhưng thấy thái độ sốt sắng của tôi, ông lại không nói thành lời. Khi tôi làm xong, ông bảo:

- Lỡ nó xé rách luôn bộ đồ ấy thì sao?

Tôi cười:

- Thì thôi, chứ sao. Nhưng tôi tin rằng nó chẳng xé rách nữa đâu.

Ông già nhìn tôi, lộ vẻ không tin. Qua ngày hôm sau, chúng tôi chuẩn bị đi vào Mả Voi. Sau khi cho thêm lửa vào trong hang, tôi đặt cạnh con Xà Niêng một mo cơm lớn, một ít thịt khô và vài thỏi đường. Tôi cũng để thêm vào đấy một ít trái rừng hái chín đã được sấy khô, và gàu nước suối được treo gần cửa ra vào. Thấy sự sẵn sàng của tôi, ông Chúp cười bảo:

- Nó sẽ chẳng ăn gì đâu. Quen những thịt sống và những cây trái ngoài rừng, nó đâu thèm các món này.

Đồ ăn mà tôi để lại dự tính đủ cho hai ngày, bởi tôi vào trong Mả Voi trở về cũng mất ba hôm. Con Xà Niêng còn ngủ vui ít nhất một ngày mới tỉnh.

Chuyến này tôi muốn đi mau để sớm trở về. Tôi thấy nôn nao mong trở lại gấp để xem bệnh trạng của con Xà Niêng ra sao. Tôi cũng ngại nó đã thoát khỏi hang hoặc được đồng bọn kéo đến phá vỡ cửa rào kiên cố để mà giải thoát. Kể ra, tôi đã ngăn chặn thật kỹ trước khi ra đi, đã cột thêm dây mò tró, chèn thêm nhiều tảng đá lớn ngoài hang.

Lúc tôi trở về, một số tảng đá ở nơi miệng hang đã bị xô dịch, nhưng vào bên trong, ngoại trừ bếp lửa tàn lụi còn chút hơi nóng thoi thóp, tất cả vật dụng vẫn nguyên như cũ. Trên nền đất có những vết chân nhỏ, đôi chỗ vết chân khá dày, chứng tỏ họ hàng Xà Niêng đã kéo vào đây.

Tôi vội vàng đến gian buồng nhờ ánh sáng từ kẽ đá bên trên hắt xuống lơ mờ như một bóng điện huyền ảo, thấy con Xà Niêng vẫn còn nằm đấy. Cửa buồng nguyên vẹn, đồ ăn thức uống được dùng cạo sạch.

Nghe động, con Xà Niêng bỗng ngồi dậy. Nó ngược đôi mắt sợ hãi nhìn tôi một cách chăm chú. Đôi bàn tay nó bực dọc sờ soạng lên mình như tự cảm thấy xa lạ trong bộ quần áo. Tại sao đồng bọn của nó không vào giải cứu? Đó là một điều khiến tôi hết sức phân vân. Tôi đem ý ấy nói với ông Chúp. Ông bảo:

- Có lẽ chúng sợ vì thấy ta rào cản quá kỹ chăng? Hoặc muốn chúng ta chữa lành cho con Xà Niêng rồi sẽ giải thoát?

- Nhưng biết đâu chúng cảm thấy xa lạ vì con xà niêng đã mặc áo quần? Có thể vì thế mà chúng bỏ đi cũng chưa biết chừng.

Ông Chúp gật đầu:

- Bọn chúng hẳn là một giống đa nghi, như tất cả loài vật sống trong rừng. Còn về phần con Xà Niêng, muốn lưu lại phải tìm những phương cách khác. Tốt nhất đó là món ăn. Vốn quen với những thịt sống, nếu tập dần ăn thịt nướng chắc nó sẽ phải thay ngon hơn. Ban đầu chỉ nên nướng chín một nửa để nó không thấy lạ lùng, muối cũng pha ít, tăng thêm mỗi ngày. Muối sẽ là món quan trọng để lưu giữ nó.

Tôi thấy ý kiến ông Chúp rất hay và đem thực hiện. Bây giờ công việc chúng tôi trở nên bận rộn vì sự chăm sóc con Xà Niêng này. Ở giữa núi rừng sâu thẳm, tự nhiên có một việc làm như thế, người ta dễ quên bớt nỗi hoang vu.

Trong thời gian con Xà Niêng chưa bình phục tôi cố gắng tranh thủ nó, để giữ nó lại chỗ hang hốc này. Nếu nó không bị suy yếu và gần như tê liệt hẳn một chân do các vết thương gây nên, tôi chắc nó đã bỏ đi từ lâu. Những ngày đầu tiên, khi nó tỉnh dậy và tôi tiến lại gần bên chăm sóc, tôi thấy vẻ mặt của nó cau lại một cách dữ dằn và cố lết vào một hốc đá gần, như tìm con đường lẩn trốn. Tôi phải ngồi yên khá lâu, giữ một vẻ mặt hiền từ để gọi thiện cảm. Rồi vừa tươi cười vừa có cư điệu nhẹ nhàng tôi tiến lại gần bên nó, chỉ vào các chỗ

đã được băng bó. Con Xà Niêng cứ nhìn tôi chăm chăm, cuối cùng thấy tôi không làm gì để hoảng sợ, nó dịu mặt lại, ngồi yên. Tôi phải giữ ý hết sức khi băng bó các vết thương trên mình nó. Dần dần, nó không còn vẻ bức tức hay là sợ hãi như trước, chỉ lộ ít nhiều nghi hoặc rồi lại ngoan ngoãn ngồi yên để tôi săn sóc.

Tôi tự dành lấy phần việc đem lại thức ăn cho nó. Do sự suy yếu vì máu ra nhiều, do các vết thương làm cho cơ thể đuối liệt, con Xà Niêng đã ăn sạch những gì tôi đem cho nó hàng ngày. Được trên một tháng, tôi dọn những miếng thịt rừng nướng chín đặt cạnh những miếng thịt sống và tôi thấy nó không chạm tới thịt sống nữa. Rồi tôi dọn món thịt lạt đặt cạnh món thịt ướp muối và con Xà Niêng đã thấy thêm khát chất vị mặn mòi.

Tôi bảo ông Chúp:

- Hy vọng là nó sẽ ở lại với chúng ta

Ông Chúp thở dài:

- Nó không ở lại, thiệt là đại khờ. Chúng ta chưa chăm sóc người thân nào của ta kỹ càng như vậy. Con tôi, vợ tôi, bây giờ sống ở một buôn nơi xa xôi, tôi nào có biết là họ ra sao? Vậy mà phải lo mọi việc cho "con rừng" này.

- Ông nói chỉ đúng một phần sự thực mà thôi, đó ông Chúp à. Không phải nó cần chúng ta mà chúng ta cũng cần nó. Ông xem, từ hôm có nó đến đây ông không còn lo sợ nữa. Nhớ mới ngày nào ông ăn không ngon, ông ngủ không yên, thậm chí biết bao. Ông còn muốn nó giúp ta chuyên chở ngà voi trong thung lũng nữa.

Rồi tôi nói tiếp:

- Nay ông Chúp xem, nó chỉ khác với chúng ta ở cách cảm thông với kẻ đồng loại và ở khả năng sử dụng dụng cụ để mà làm việc. Ta tập cho nó nói đi. Rồi tập cho nó quen những thói quen cần thiết của chúng ta nữa. Tôi tin là nó làm được.

Từ hôm mang về đến giờ, con Xà Niêng không mở miệng nói một lời nao. Tiếng nói riu rít và tiếng hú dài của giống loại này chúng tôi chỉ được nghe ở nơi xa nên không có một ý niệm thật rõ về cách phát biểu, phát âm của nó. Dầu sao loài chim như sáo hay nhông nói được tiếng người, thì con Xà Niêng có thể nói hơn như thế. Và lại, ở giống loại này bộ não có lẽ đã được cấu tạo tinh vi hơn nhiều loại dã thú khác, và cái cốt cách như người của chúng cho tôi hy vọng chúng sẽ nói được tiếng người và se cảm hiểu gần giống như người. Con Xà Niêng không phải là loài thú, nó là một thứ người rừng, và cái khuynh hướng của nó về những sinh hoạt đổi mới, nâng cao ắt hẳn phải có, như trong các loài sinh vật biết sống cao hơn cuộc sống bầy đàn.

Tôi nhớ lại ngày mang con Xà Niêng về hang và đồng bọn chúng theo mãi chúng tôi, lân la quanh quẩn, cho đến hôm chúng vào được bên trong rồi lại biến mất. Như thế, giống loại ấy rõ ràng có suy luận, dầu là đơn giản. Chắc rằng chính bộ quần áo của tôi mặc vào cho con Xà Niêng làm cho họ hàng Xà Niêng e ngại, coi đồng bọn mình như kẻ phản bội, một kẻ chấp nhận nếp sống khác lạ với mình, nên đã bỏ đi. Nhưng còn con người rừng này, liệu sự chăm sóc của tôi có quyền rũ nó được không, có làm nó quên được những họ hàng, quên được cuộc đời lang thang ở trong núi thẳm rừng sâu?

Tôi bèn nghĩ cách tập cho nó quen tiếng nói của mình. Mỗi lần đem các thức ăn, tôi nói thật rõ tiếng "ăn" và lặp nhiều lượt để gây ấn tượng về ngôn từ ấy. Những lúc tôi và ông Chúp ngồi lại dùng bữa, tôi cũng gọi thật lớn tiếng như thế, và lúc ban đầu tôi không cố tình ép nó ghi nhớ cho nhiều. Được vài hôm sau, đến giờ cho ăn, tôi cố tình quên mang lại thức ăn cho nó, và tôi ngạc nhiên vừa mừng rỡ biết chừng nào khi thấy con Xà Niêng ngược nhìn tôi, mấp má đôi môi rồi nói một cách khó khăn tiếng "ăn" hay một âm thanh tương tự như thế. Tôi hỏi lại nó:

- Ăn?

Nó ra dấu hiệu như gật đầu. Tôi bảo ông Chúp:

- Ông xem, người bạn chúng ta đòi ăn rồi đó.

Tôi bèn mang thức ăn đến, không quên nhắc lại cái tiếng quen thuộc hàng ngày. Cứ thế con Xà Niêng đã nói được tiếng "ăn", cảm hiểu với tôi một cách dễ dàng. Sau tiếng "ăn" đến tiếng "uống", đến những động tác cụ

thể và những việc làm có thể biểu diễn thành những cử điệu. Mỗi khi tôi nhắm mắt lại, nói "ngủ" con Xà Niêng ngoan ngoãn nghe theo lời và nằm lặng lẽ trên mớ lá dày, riu riu nhắm lại đôi mắt. Tôi điều khiển dần con Xà Niêng bằng những tiếng nói đơn giản, và qua nhiều ngày chúng tôi có thể cảm thông qua nhiều ngôn ngữ.

Ba tháng trôi qua, con Xà Niêng lành hẳn các vết thương. Số ngà voi đã tích trữ được nhiều, chúng tôi nghĩ cách chuyển về tiêu thụ ở các thị trấn ven núi. Để con Xà Niêng lại đây là sự khó khăn nhưng mang về theo là cả vấn đề.

Tôi đưa ý đó bàn với ông Chúp, ông bảo:

- Hãy thả nó ra ngoài đi.

- Nếu nó lại chạy vào rừng?

- Kể cũng uổng công trong bấy lâu nay. Nhưng ông đã muốn giúp nó chữa lành được các vết thương, bây giờ đã lành thì tùy ý nó là hơn. Không ai ràng buộc được một giống loại khôn ngoan.

Ông Chúp nói đúng ý tôi trong buổi ban đầu nhưng từ khi con Xà Niêng đã biết trao đổi với tôi những tiếng đầu tiên và tỏ ra rất chăm chú bắt chước ngôn ngữ của người, thì ở nơi tôi nảy sinh một niềm quyến luyến. Dầu sao ông cũng có lý: ràng buộc được một giống loại khôn ngoan là chuyện khó lòng.

Và tôi định qua ngày mai, sau bữa cơm sáng, đưa nó ra khỏi gian buồng phải bị cầm giữ lâu nay.

Lúc tôi mở rộng cánh cửa, con Xà Niêng vẫn không có một cử động nào. Nó ngồi chăm chú theo dõi hành động của tôi, không lộ mảy may xúc động. Tôi chỉ lối đi đã được khai thông, đưa tay làm dấu mời mọc, và bảo nhẹ nhàng:

- Đi ra.

Con Xà Niêng ngược nhìn tôi, lộ vẻ muốn hỏi tất cả sự việc như thế có nghĩa là gì. Trên khuôn mặt đã hòa dịu, như có một vẻ giấu cợt hay một nụ cười. Tôi lặp lại một lần nữa:

- Đi ra!

Con Xà Niêng vẫn không chịu nhúc nhích.

- Nay ông Chúp ơi, ta làm cách nào bây giờ?

- Chờ xem.

- Thế mà cứ sợ nó bỏ chúng ta đi mất.

- Chắc nó đang nghi kỵ mình muốn giờ trò gì, và nó tìm hiểu. Khi hiểu rằng mình để nó tự do, nó sẽ quyết định

- Theo ông, nó sẽ quyết định thế nào?

- Tôi nghĩ nó không ở lại với chúng ta đâu.

- Tôi thì nghĩ khác. Tôi đoán nó sẽ ở lại với chúng ta đó.

- Để coi.

- Minh cuộc gì nào?

- Tùy ý ông đấy.

- Nếu ông đoán đúng, tôi sẽ...

Tôi không biết phải chịu mất cái gì cho ông Chúp. Ở đây gần như tôi không có gì để mất. Và nếu tôi thắng, ông Chúp cũng chẳng có gì để mà đền bù. Nhưng ông Chúp đã mỉm cười, bảo tôi:

- Từ lâu cái gì của ông cũng như là của tôi rồi. Ngược lại, phần tôi cũng thế. Mình nói cho vui, đánh cuộc với nhau làm gì. Này xem, con Xà Niêng muốn đứng dậy...

Tôi thấy nó nhồm người lên rồi lại ngồi xuống, cặp mắt lấp láy một vẻ lém lỉnh. Tôi tiến lại gần, nắm cánh tay nó diu lên. Con Xà Niêng thoáng một vẻ phản ứng nhưng tôi vốn quen thuộc quá và nó hiểu tôi không hề hại nó bao giờ. E dè nó nhìn về phía ông Chúp. Liệu người đang ngồi phun khói nơi miệng đằng kia có ý gì hại nó không? Tôi bèn khích lệ:

- Đứng lên. Hãy đi ra ngoài hang nào.

Rồi tôi diu nó bước lần ra ngoài. Con Xà Niêng ngập ngừng bước theo tôi rồi lại liếc nhìn ông Chúp.

- Ông Chúp đầy mà. Ông Chúp thật là tử tế, không làm hại gì ai đâu.

Tuy nhiên tôi thấy khó khăn tìm một tiếng gọi con Xà Niêng này. Bây giờ tôi không thể dùng tiếng "nó", và khi đối thoại, tôi cũng không thể dùng tiếng "mày, tao". Ở trong đời sống hàng ngày, tôi cũng không quen dùng các tiếng ấy với bất kỳ ai, dù là ngang hàng hay là bé nhỏ hơn mình. Vậy gọi con Xà Niêng này bằng gì? Coi như súc vật là điều bất nhẫn, mà đối như người kẻ cũng khó khăn. Cuối cùng tôi bèn dùng lối cười cợt để vượt qua chướng ngại này. Tôi bảo con Xà Niêng rằng:

- Bây giờ thì... "cô" lạnh rồi và "cô" có thể tự do. Muốn đi, hay là muốn ở, đều tùy "cô" cả. Đây là hang hốc tối tăm, chật hẹp, và kia là núi, là rừng mệnh mệnh. "Cô" có toàn quyền lựa chọn.

Ra tới miệng hang, con Xà Niêng hơi chóa mắt vì mấy tháng nay ở mãi trong bóng tối mờ chỉ được soi sáng bằng bếp than hồng. Nó ngược nhìn tôi, ngỡ ngàng. Tôi nói thêm một câu nữa:

- Bây giờ "cô" quyết định đi.

Và tôi đưa tay chỉ vào trong hang rồi lại chỉ ra ngoài rừng.

Con Xà Niêng lộ vẻ muốn tìm hiểu tôi nói gì. Tôi bèn dắt nó đi thêm một quãng, rồi tôi buông tay, lặng lẽ quay lại hang đá.

Một lát, nhìn lại tôi thấy nó đang quay nhìn theo tôi, rồi đảo mắt nhìn chung quanh với vẻ e dè. Trông nó có vẻ lạc loài tội nghiệp. Nhiều lần tôi muốn hú gọi nó lại, nhưng tôi nghĩ nên để nó tự do là hơn. Nếu nó không thích, tôi sẽ không có cách nào giữ được khi tôi còn sống trong chốn rừng già.

Gần đến miệng hang, quay lại tôi thấy con Xà Niêng chạy như biến vào rừng. Tôi gọi ông Chúp:

- Nó đã bỏ chúng ta mà đi rồi.

Ông Chúp nheo mắt nhìn đám cây rừng lớp lớp ngoài xa:

- Nó phải về với bầy đàn, chứ ở với ta sao được.

- Nếu đã chịu cuộc, thì ông thắng rồi.

Ông Chúp cười bảo:

- Ấy chính vì thế mà tôi không chịu cuộc đấy.

Rồi ông chép miệng:

- Biết vậy, đừng cho nó mặc bộ áo quần tốt, phí của.

Chúng tôi nói chuyện vắn vơ vài câu rồi cùng ngồi im. Sự cô độc dễ xảy ra với hai người. Khi một trong hai người không muốn nói, người kia không cách nào gọi chuyện được.

Chúng tôi còn ngồi khá lâu sau khi con Xà Niêng đã đi rồi mà không ai nói với ai lời nào. Dù sao, sự nó ra đi tạo một khoảng trống trong cuộc sống chúng tôi. Ở trong tâm tư mỗi người có mỗi suy tưởng khác nhau. Phần tôi, một nỗi lưu luyến âm thầm đối với con người rừng ấy đã được hình thành và tôi cảm thấy nỗi buồn thấm thía của sự thiệt thòi. Tôi không mong gì gặp lại con Xà Niêng lần thứ hai, và cái dịp tốt được cấp cứu nó thoát khỏi tai nạn ở chốn rừng sâu chẳng còn bao giờ có thể xảy ra. Phần ông già Chúp thì lại khác hẳn. Tôi nghĩ ông đang bắt đầu lo sợ mọi điều về sự ra đi của người rừng ấy. Ông sợ báo thù, sợ những xuất hiện kỳ quái khác nữa, sợ về những nỗi bất trắc khôn lường của một ngày mai.

Như để trả lời cho sự suy đoán của tôi, ông đột ngột nói:

- No đã biết rõ chúng ta, biết nhiều quá rồi, bọn nó có thể phá phách hơn trước.

- Trước kia chúng chỉ tò mò chứ có phá phách gì đâu?

- Bởi vậy bây giờ mới thật đáng sợ.

- Thôi đi, ông Chúp. Ông có quá nhiều những nỗi lo sợ vẩn vơ chỉ làm cho ông mệt lòng vô ích. Giống Xà Niêng này là một giống loại rất hiền. Có thể nó hơi đa nghi hơn loài khỉ vượn vì nó gần gũi với con người hơn, có những khả năng suy tính tương tự như người. Nhưng nhất định nó không phải là loại thú rừng hung bạo thềm ăn thịt sống hay thềm giết chóc.

Buổi tối, sau khi con Xà Niêng đã đi rồi, chúng tôi lại rơi vào trong tình trạng im lìm, cô độc. Chúng tôi đi ngủ thật sớm, nhưng cả hai nằm yên lặng bên lửa không buồn chuyện trò. Tôi cảm thấy rõ con người vốn thích săn sóc kẻ khác cũng như thích được kẻ khác săn sóc. Từ lâu chúng tôi bị giam hãm trong cũi, tất cả năng lực đều được chuyển thành khả năng đối phó với một thiên nhiên bất trắc, do đó những gì là nỗi khát vọng âm thầm ở nơi lòng mình đã được biến chất hoặc trở thành sự dồn nén mỗi ngày một lắng sâu thêm. Con Xà Niêng đã khơi dậy nơi lòng chúng tôi những nỗi khao khát tiềm tàng, và khi nó đã đi rồi tôi mới nhận rõ điều ấy.

2

Buổi sáng hôm sau, khi tôi thức giấc đã nghe có tiếng khua động bên ngoài. Ông Chúp đang nấu nước sáng cũng ngẩng đầu lên, có vẻ chăm chú. Rồi không ai bảo ai chúng tôi cùng chạy ra ngoài cửa hang. Nhìn quanh, không thấy gì hết, chúng tôi bước thêm ít bước ra ngoài. Ông Chúp bỗng kêu to lên:

- Coi kìa!

Theo hướng tay ông, tôi thấy con Xà Niêng ngồi ep mình trong một bụi cây, trần trụi như là hôm nào. Chỉ ở bên phải còn vương một nửa tay áo, còn thì tất cả vải bô đã bị cởi bỏ, hay là xé nát, và thân hình mang đầy vết cào cấu. Con Xà Niêng lại bị cộp vồ sao?

Tôi bước đến gần, nó ngược nhìn tôi co ro như kẻ đói lạnh, cặp mắt trở nên hiền dịu đượm ý van lơn. Ở trên da thịt có nhiều vết máu, không phải vết sâu và mạnh như những vết cộp hôm nào. Tôi cúi xuống kéo nó lên, vừa chạm đến tay nó rụt người lại, cau có nhìn tôi một cách khó chịu đầy ý nghi ngờ, căm giận. Tôi vỗ về nó:

- Nào ngoan đi xem, chẳng ai làm gì hại tới cô đâu.

Hắn con Xà Niêng không thể hiểu điều tôi nói. Nhưng tôi hy vọng bằng loại trực giác nào đó nó cảm thông được tôi không có ý hại nó mà chỉ muốn giúp đỡ thôi. Con Xà Niêng lại ngồi im, tôi lại dỗ dành:

- Đứng lên, vào trong hang đi.

Sau một đôi chút do dự, con Xà Niêng bèn đứng lên, dáng vẻ lúng túng. Tôi hỏi ông Chúp:

- Cô ta thấy gương mặt ông sao?

- Không đau. Nó bị cào cấu khắp mình, chắc là đau đớn.

- Nếu cuộc, bây giờ tôi thắng cuộc rồi. Tôi bảo nó trở lại mà.

Ông Chúp bật cười:

- Hai chúng ta đều thắng cả.

Đoạn ông chép miệng:

- Mất một bộ quần áo tốt.

Ông có vẻ muốn nói nữa nhưng giữ im lặng. Tôi đón trước ý nghĩ ấy:

- Mình phải mất thêm một bộ quần áo nữa rồi. Đừng lo, nay mai về chợ rồi sẽ mua sam.

Đưa con Xà Niêng vào hang tôi xem xét kỹ các vết thương trên mình nó. Những vết cào cấu khá dài như những móng tay sắc bén nhưng không phải là vuốt nhọn của loài thú dữ. Tôi băng bó lại cẩn thận rồi tiêm một mũi thuốc mê. Sau khi nó chìm sâu vào giấc ngủ, tôi lấy bộ quần áo khác mặc vào cho nó.

Mười giờ đêm, vừa đi nằm chúng tôi nghe tiếng xao xác bên ngoài. Ông Chúp nhồm dậy:

- Chúng đến!

Tôi cũng ngồi yên, yên lặng nghe ngóng.

- Nay ông Chúp à, ông có nghĩ rằng đồng bọn con Xà Niêng này gây thương tích cho nó không?

Ông Chúp lộ vẻ suy nghĩ nhưng không trả lời. Mảnh áo còn sót lại trên tay con người rừng ấy và cái dấu vết cào cấu không phải là của cạp beo đã làm cho tôi ngờ vực... Họ hàng Xà Niêng có lẽ từ lâu đã chờ đợi cô gái ấy trở về, nhưng kẻ quay về đã thành xa lạ với bộ quần áo trên mình khiến chúng nghi hoặc và thành giận dữ. Thay vì mừng đón một sự sum họp bất ngờ, chúng đã xông vào xé cho tan nát dấu vết quá xa lạ kia. Và con Xà Niêng sợ hãi tìm đường trốn chạy. Nó tìm đến với chúng tôi, tìm sự che chở yên lành, và bởi chúng tôi không có móng vuốt của loài dã thú.

Tôi đem sự suy luận này nói với ông Chúp, và ông gật đầu tỏ ý tán thành.

Tôi suy đoán tiếp:

- Có lẽ họ hàng Xà Niêng tưởng rằng nó sẽ trở lại sau cơn hành hạ, nào ngờ nó đã đi luôn. Chắc suốt đêm qua nó ở ngoài rừng chờ đợi chúng ta thức giấc. Và ngày hôm nay, khi nó vào đây thì đồng bọn nó vẫn còn chờ đợi. Mãi đến tối nay vẫn không thấy bóng dáng nó, bà con suốt ruột đi tìm. Chúng biết rõ con Xà Niêng quay lại nơi đây. Một điều lưu ý là nơi trú ẩn của chúng hẳn gần đây thôi. Rõ ràng ta đã tìm tới một miền đất lạ, thật là xa khuất, có lẽ ít người lui tới xưa nay. Miền của Mả Voi, của giống Xà Niêng, chắc còn bao nhiêu vật kỳ quái khác cũng chưa biết chừng.

Lúc ấy, ở ngoài cửa hang tiếng nói riu rít tăng dần, những bước di chuyển dồn dập xem ra nóng nảy bồn chồn. Chúng tôi cùng ngồi cả dậy, cầm lấy vũ khí ra ngoài. Qua ánh lửa hồng nhiều khuôn mặt lạ nhồn nháo, tôi nhận ra dần gia đình Xà Niêng với đủ khuôn mặt già trẻ khác nhau. Khi thấy chúng tôi, cả đám bỗng im như đang chờ một phản ứng.

Hai bên nhìn nhau một lát, không nói năng gì. Lửa hồng cháy sang phần phật với những tiếng nổ lách tách giòn tan, bên ngoài là tiếng hú của gió ngàn qua những lá cành, tiếng thác đổ dồn từ xa, tiếng loài thú dữ tìm mồi lung lộn đây đó vọng lại như một đe dọa thường xuyên của chốn rừng đêm. Ông Chúp quay sang bảo tôi, giọng đầy xúc động:

- Nổ súng đi thôi.

Tôi khẽ lắc đầu, bảo nhỏ:

- Để xem bọn họ muốn gì. Nếu họ quả không có ý làm hại chúng ta thì đừng nên đe dọa họ.

Tôi làm thỉnh tiến bước tới, đi về phía đám Xà Niêng lổ nhỏ bên ngoài. Vừa tới đồng lửa, tôi đang lưỡng lự không biết có nên thử lách ra ngoài xem phản ứng chúng ra sao, bỗng chúng kêu lên một tiếng rồi biến trong đêm. Tôi đứng thật lâu chờ đợi, vẫn không thấy chúng thấp thoáng. Tôi bảo ông Chúp:

- Ông xem, chúng đã đi rồi. Rõ ràng chúng không muốn hại ta đâu.

Ông Chúp đáp lại:

- Ông hiểu bọn chúng hơn tôi.

Câu nhận xét ấy làm tôi suy nghĩ. Tôi có thật hiểu giống Xà Niêng kia hơn ông Chúp không? Nếu tôi có vẻ như đoán được những ý nghĩ của chúng rõ hơn ông ta hẳn vì tôi có cái nhìn khác ông về giống loại này. Tôi vẫn xem chúng như một giống loại gần gũi của người, một hình ảnh người, dù là hình ảnh vụng về mờ nhạt, và chúng có thể phản ứng không quá khác xa với người. Ông Chúp quan niệm về chúng rất là đơn giản. Ông chỉ thấy đó là một loài vật như bao nhiêu loài vật khác trong chốn rừng xanh. Trong mọi suy luận, ông đều gạt chúng khỏi lãnh vực người, không muốn xem như những kẻ có thể gần gũi với mình. Phải chăng như thế ông đỡ cảm thấy khó chịu, bởi không thể nào chấp nhận một sự tự hạ qua so sánh ấy.

Khi chúng tôi trở vào hang, vừa nằm xuống bên đồng lửa bỗng nghe một tiếng hú dài rền rĩ cất lên. Tôi không làm sao tả lại được tiếng hú ấy vì nó thật là lạ lùng. Ông Chúp nhận xét:

- Nghe sao buồn quá.

- Chúng thương nhớ con Xà Niêng này chăng?

Rồi tôi cố gắng giải thích:

- Có lẽ sau những hành động tàn bạo khiến con Xà Niêng bỏ đi, họ hàng nhà nó cảm thấy hối hận. Hối hận gây ra đau khổ...

Ông Chúp ngồi lên, khuỵu lại bếp lửa cho cháy sáng thêm, không nói năng gì. Hình như những lời dẫn giải của tôi thật quá xa vời, ông khó cảm thông, nên chẳng quan tâm.

Bên ngoài tiếng hú càng kéo dài ra, rền rĩ, xen lẫn với tiếng gió rít trong cây, thác đổ xuống ghềnh. Tôi nhìn về con Xà Niêng. Liều thuốc ngủ mạnh nên nó vẫn còn nằm im như chết.

- Ông Chúp, nếu nó tỉnh thức, sợ nó chạy theo tiếng hú kia thôi. Chỗ ngăn giữ này chỉ là tạm bợ. Nếu muốn vượt thoát, nó vẫn phá vỡ dễ dàng. Nhất là những ngày chúng ta đi khỏi, vào trong Mả Voi, ai mà cản nó trốn chạy vào rừng.

- Mình không cách gì giữ nó được sao?

- Nó cũng như người, không thể giữ bằng trói buộc mà bằng tình cảm. Ông xem, chúng ta săn sóc như thế cũng là một cách giữ nó. Chẳng vậy mà nó không chạy tới chỗ nào khác, lại tìm đến ta trong lúc nguy nan.

Tôi bắt đầu thấy nơi con Xà Niêng có sự thay đổi. Ít nhiều, đối với chúng tôi, nó đã quyến luyến, vì đã tin cậy. Giữa cái đời sống rừng rú đầy sự cấu xé bạo tàn, con Xà Niêng chỉ trông chờ sự giúp đỡ của đồng bọn. Từ bao nhiêu đời trải qua, trong một cuộc sống âm thầm khắc nghiệt, con Xà Niêng thấy chung quanh chỉ có kẻ thù, chỉ có vô số khuôn mặt tàn bạo chờ để giết hại hoặc uy hiếp nó. Cái dáng mềm mại của một con trăn hay vẻ uyển chuyển của một con hổ đều ngấm chứa một tai họa lớn lao. Bởi vậy, khiếp sợ chung quanh, nghi ngờ kẻ khác, thành một bản tính ăn sâu vào trong máu tủy nó rồi.

Nhưng từ khi gặp chúng tôi, con Xà Niêng hẳn thấy khác. Giống vật đánh ngã được cạp, cứu nguy được nó, phải là một kẻ hung hãn khác thường. Thế mà ngược lại, chúng tôi đã săn sóc nó, đã nuôi dưỡng nó hơn cả đồng bọn, đồng loài của nó xưa nay.

Khi tiếng hú dài náo nức tắt trong đêm khuya của chốn rừng núi âm thầm, tôi còn nằm bên đống lửa đợi chờ giấc ngủ. Lúc tôi bắt đầu đi vào trong cơn mê thiếp, tôi nhớ mơ hồ như tiếng hú ấy lại văng vẳng lên trong chốn xa vời. Chẳng rõ đó là tiếng vang vọng lại từ những cổ họng buồn thương của đám Xà Niêng lang thang, hay là dư âm phảng phất của một hồi tưởng mơ hồ?

Qua ngày hôm sau, chúng tôi chuẩn bị thu xếp vài hôm rồi chuyển ngựa voi về chợ. Vấn đề khó nghĩ đối với chúng tôi, là con xà niêng sẽ như thế nào? Để nó ở lại một mình là chuyện không thể. Hay là thả nó quay về lại với đồng bọn? Nhưng nó chịu quay về không? Và thả về trong trạng thái trần trụi hay cho mặc quần áo người để nó lại bị đồng bọn tấn công? Tôi vốn không muốn nó quay về lại cuộc sống hoang dã mà mong mỗi đứa ra khỏi những sinh hoạt sơ khai để vào cuộc sống loài người.

Tôi bày tỏ nỗi băn khoăn với ông già Chúp. Ông nói:

- Thật là khó nghĩ, nhưng không còn cách lựa chọn nào khác. Đành cho nó quay về với bà con nó thôi.
- Thế đem nó theo được không?
- Tôi ngại nó chẳng chịu đi. Hơn nữa, ra các buôn ngoài sợ còn gặp những khó khăn.
- Tôi không muốn nó phải quay về rừng.

Cuối cùng tôi không còn cách nào khác, ngoài việc ở lại và để ông Chúp đi về phố chợ một mình. Ông Chúp không nói năng gì nhưng lộ một vẻ khó hiểu về quyết định ấy. Phần tôi, tôi cũng cảm thấy ái ngại phải để ông Chúp ra đi như thế, dù tôi hiểu ông không cảm thấy nỗi cô độc trên những dặm dài hoang vu. Ý thức về nỗi cô đơn chỉ là tâm bệnh của người thành thị. Còn với ông Chúp, núi rừng tuy đầy chạm bẫy như là khung cảnh quen thuộc và ông đi lại trong đó như cá bơi lội trong nước thênh thang. Nỗi lo ngại chính là chuyện mua bán, nhưng trong chuyến đi dài ngày vừa qua tôi đã có dịp sắp đặt những kẻ quen biết tiêu thụ hộ mình và ông già Chúp đã biết đầy đủ những liên hệ ấy.

- Ông cứ an tâm mà đi. Đừng mang quá nhiều ngựa voi mà thêm khổ nhọc. Mọi sự mua bán, hãy ghé lại buôn Cà Đoi là có người quen chúng ta sẵn rồi. Ông mua cho tôi gạo mấm, thuốc men, và nhiều quần áo...

Mờ sáng hôm sau, ông Chúp lên đường. Tôi nắm tay ông, ân cần:

- Cố đi về sớm, nghe ông.

Ông nhìn tôi thật triu mến rồi nói bằng giọng xúc động:

- Ông cứ yên lòng, tôi sẽ cố gắng đi mau.

Tôi đứng nhìn theo ông già cùng con ngựa thồ khuất dần sau đám rừng cây rậm rạp.

Khi tôi quay vào thì con Xà Niêng vẫn ngủ chưa dậy. Đã mấy hôm nay tôi cho thuốc ngủ khá mạnh để nó quên bớt đau nhức và khỏi nghe tiếng hú dài áo náo của đồng bọn nó. Sự kêu gọi thường xảy ra về khuya, đôi khi vào sáng tinh sương hay chiều tà, hoàng hôn sụp xuống vội vàng trên chốn núi rừng. Chứng như vào những lúc ấy đồng bọn của nó mới thấy nhớ thương hơn hết, lo âu hơn hết về nỗi nó bị lạc loài. Tôi ngại con Xà Niêng sẽ xúc động khi nghe tiếng gọi thấm thiết vang dậy trong đêm và không dẫn được tấm lòng nhớ bầy, nhớ chốn rừng xưa.

Nhưng chẳng lẽ bắt nó ngủ mê mệt như thế này mãi, khi các vết thương của nó bớt đau nhức rồi. Tôi đợi cho nó thức dậy, vào săn sóc nó, luôn miệng nói lời dịu ngọt và dùng cử chỉ ve vuốt nhẹ nhàng. Tôi muốn con Xà Niêng có ấn tượng là nó đang được thương yêu, đang ở giữa một loài thú rừng khác với tất cả loài mà nó đã gặp, đây là một loại thú rừng có được sức mạnh kỳ lạ nhưng cũng có sự dịu ngọt khác thường. Trong một tuần lễ con Xà Niêng mất dần những phản ứng hằn học, và sự e dè của nó cũng phai nhạt dần. Nó đã biết nhìn với một cặp mắt chăm chú mở rộng, cặp mắt trẻ thơ ngơ ngác như muốn khám phá thế giới bên ngoài để mà tìm hiểu không ngừng. Mỗi ngày, ngoài các công việc thường xuyên như hái củi, nấu cơm, bẻ các trái chín ngoài rừng, tôi dành thời gian săn sóc và hướng dẫn nó tập nói tiếng người. Những tiếng cụ thể hôm nào, đến nay con Xà Niêng vẫn nhớ rõ và hiểu dễ dàng, nhưng nó phát âm vẫn còn hết sức khó khăn. Sau những tiếng rời, tôi tập nó nói thành những câu ngắn, chẳng hạn bảo nó: "ngồi lên", "đi tới", "cầm cái ống

nước"... lời nói luôn đi đôi với cử điệu, và tôi cùng nó lặp đi lặp lại nhiều lần trong ngày. Mỗi khi thấy nó có những dấu hiệu mệt mỏi, tôi ngừng ngay lại, chia nhau một trái cây chín hoặc ngụm nước suối và người bạn rừng của tôi biểu lộ một sự xúc động thật rõ.

Điều tôi để ý là những lần tôi thay lớp áo quần cho cô bạn tôi, chạm vào người cô là bị phản ứng lập tức. Tôi không hiểu được về cau có pha giận dữ xuất phát từ đâu, phải chăng bản năng tự vệ của loài thú rừng còn lại đậm đà hay tính thận trọng nơi một loài vật giống cái chưa quen những nếp sinh hoạt thuần thành? Tất nhiên mỗi lần như thế tôi cố tránh mọi đụng chạm có thể gây nên hiểu lầm. Tôi đã là kẻ làm ơn cho cô và không thể giúp đỡ người để hồng kiếm chác những sự đòi hỏi thấp hèn. Nhưng hễ khi nào sự đụng chạm ấy tình cờ hay là bắt buộc gặp phải những phản tương đối kín đáo ở trong cơ thể, thì cô Xà Niêng có một kiểu cách giận dữ khiến tôi nhiều lúc đến phải bật cười. Tôi phải vội vàng nói tiếng "xin lỗi" và cô ngược lên nhìn tôi với vẻ khó chịu đầy yự dò xét. Thật ra cô có những cảm nghĩ gì trong lòng tôi không hiểu nổi, nhưng tôi có ấn tượng rằng cô đang tìm hiểu về tôi. Cuối cùng tôi nghĩ nên tap cho cô mặc lấy áo quần. Ban đầu cô ta có vẻ hết sức lúng túng. Tôi ngồi yên lặng theo dõi từng cử chỉ một, thấy cô loay hoay cho cánh tay vào trong áo một cách suy tính. Đã một tuần nay tôi không bắt mặc áo quần trơ ngược như trước vì tôi thấy cô đã quen với sự ăn mặc, không cầu xé như lần đầu. Khi nhìn cô sẫm soi từng hột nút và từng khuy áo, rồi gài vào thật cẩn thận, tôi chợt nhận thấy chúng ta đã có một cái gia tài lớn lao và thật kỳ diệu về những phản ứng quen thuộc nhưng rất hữu ích làm nên sinh hoạt hàng ngày.

Kể từ hôm đó tôi khỏi bận tâm về công việc làm có thể gây nên hiểu lầm giữa tôi và cô bạn rừng, đó là việc mặc quần áo, nhưng tôi còn phải mất nhiều thì giờ để nhắc cho cô hiểu được lúc nào thì cần phải thay ra, và sau khi đó thì nên giặt giũ ra sao. Bất cứ việc gì cô cũng theo dõi cẩn thận, và nhìn vàng trán nhú lại dưới mớ tóc rối loa xòa tôi tưởng thấy được những phản trí tuệ bắt đầu nảy nở và phát hiện lần trải qua cố gắng của sự làm việc. Chỉ có mỗi sự làm việc mới đem lại những hiểu biết thực sự và những cảm nhận hữu ích.

Tất cả những việc làm ấy đều có kèm theo lời nói, và lời nói cùng động tác dần thấm sâu vào tâm não cô gái Xà Niêng. Chính sự cố gắng của cô là một điều khuyến khích tôi, bởi nếu cô không nỗ lực như thế liệu óc tò mò có đủ là nguồn khuyến khích để tôi bền lòng mà hướng dẫn cô trong từng cử điệu, qua từng lời nói? Trường học giữa thiên nhiên ấy chỉ có mỗi một thầy dạy và mỗi học trò, và cái lớp học là một hang đá dài sâu, âm khí trong đó luôn luôn bập bùng một bếp lửa hồng soi rọi chung quanh.

Nhưng một buổi tối, đang ngủ, tôi bỗng nghe những tiếng động thật mạnh. Tỉnh giấc, tôi nghe tiếng hú rền rĩ từ xa và cô bạn của tôi đã ngồi chồm dậy có vẻ hoảng hốt một cách dị thường. Đã mấy ngày rồi tôi không cho dùng thuốc ngủ, và hôm nay đây tiếng gọi vắng dậy một cách bất ngờ khiến cô bối rối.

Tôi nói to lên:

- Ngủ đi! Ngủ đi!

Nhưng lời nói ấy không có một tác dụng nào. Đôi mắt trợn trừng như muốn nhìn vào trong khoảng đen dày hun hút sâu thẳm của cái hang đá về khuya, hai tay run rẩy, co giật liên hồi, vẻ mặt trở nên hốc hác như bị thu hút theo cái tiếng gọi kỳ quái vang dài, cung thân hình như sẵn sàng nhô dậy phóng chạy ra ngoài.

Tôi hét to lên:

- Hãy nằm xuống đi!

Tiếng hét làm cô Xà Niêng hoảng hốt thêm lên trong sự căng thẳng cùng độ. Liệu người bạn rừng của tôi có chạy thoát khỏi đây không? Tôi nên can lại, hay cứ để mặc?

Như trả lời những ý nghĩ của tôi, cô Xà Niêng đưa hai tay sờ soạng trên cúc áo. Có lẽ cô muốn rút bỏ những áo quần này để về lại với họ hàng, về lại cuộc sống hoang dã triền miên giữa rừng núi sâu. Tôi bỗng ngồi nhô dậy ngay và xách khẩu súng ra ngoài cửa hang. Tôi chong tai nghe lần nữa cho thật rõ ràng những tiếng kêu gọi khá thảm thiết ấy vọng lại từ phương hướng nào, rồi tôi nhắm về hướng ấy lấy cò.

Tiếng nổ vang rền trong đêm như xé toang màn âm u đen dày chứa đầy đe dọa. Khi những dư âm của nó lắng xuống, tan loãng trong muôn ngàn tiếng mơ hồ khác lạ của núi rừng khuya, thì tôi không còn nghe những lời réo gọi kia vang dậy. Họng súng đã làm họ hàng Xà Niêng im lặng, ít ra cũng trọn đêm nay.

Tôi đứng ở ngoài cửa hang chờ đợi rất lâu, để nghe tiếng hú có thể vang vọng đâu đó hay không, rồi mới quay vào. Cô bạn rừng núi của tôi vẫn ngồi yên lặng, vẻ mặt đờ đẫn, như tiếng gọi đã tắt lịm rồi. Đôi mắt thu hẹp dần lại như tiếng trong tâm não, cặp môi mấp máy nhưng không nói được thành lời, cô ta ngồi đấy mà như lạc lõng nơi đâu.

Tôi bước lại gần, đặt tay lên vai cô ta, và cô nhìn tôi ngơ ngác. Tôi nói:

- Ngủ đi! Hãy nằm xuống đi.

Tôi khẽ đẩy nhẹ cô ta ngã xuống trên nệm lá dày. Cô ngoan ngoãn nghe lời tôi nhưng trên vẻ mặt vẫn còn đọng lại đôi chút bàng hoàng. Tôi vỗ lên cánh tay người bạn rừng, vỗ nhẹ như một an ủi, và hát một bài hát cũ thuộc lòng tự thuở xa xưa trong thế giới đầy kỷ niệm huyền hoặc của tuổi ấu thơ.

Tôi đem những tình cảm thật dịu dàng săn sóc người bạn rừng này vì chính tôi đang khao khát những tình cảm ấy. Lớn lên và chịu nhiều nỗi dày vò của cuộc sống này, tôi thêm muốn những ý tình dịu ngọt như kẻ đói là bên đường thêm một chén cơm. Tôi đã gặp cô Xà Niêng hoạn nạn lạc loài khi tôi gần như cô độc, ở đây, và tôi dành hết những gì có thể gọi là chăm sóc ngọt ngào cho người bạn đó.

Ít nhất trong cuộc sống trơ trọi và buồn bã này tôi có bên mình một người bạn nhỏ để cùng chia sẻ phần nào những mối cảm nghĩ không lấy gì làm phấn khởi, và khiến cuộc sống không còn quá mức trần trụi đến độ thê lương. Hơn nữa, điều tôi biết chắc là người bạn rừng không hề biết đến phản bội, và tôi có thể tin cậy nơi sự thành thật của người bạn đó, dù chỉ là sự thành thật hết sức đơn giản như những đá núi, cây rừng.

Khi cô Xà Niêng đã nằm yên lặng, đôi mắt nhắm lại, tôi vẫn còn ngồi một bên mà hát một điệu trẻ con như thể cho đến lúc tôi nghĩ rằng cô ta đã ngủ say rồi, và rón rén tôi ngồi dậy đi ra phía ngoài. Nhưng được ít bước, quay đầu nhìn lại, tôi thấy người bạn rừng đã mở mắt nhìn theo. Trong vùng lửa đêm bập bùng cặp mắt óng ánh trên khuôn mặt nhỏ đã bị tóc rối làm cho nhỏ bé hơn lên. Tôi nói:

- Khuya rồi, cô nên ngủ đi. Ngủ đi...

Và người bạn tôi khẽ nhắm mắt lại. Tôi biết cô ta chưa ngủ nhưng tôi không thể thức hơn được nữa. Thoảng trong ý nghĩ tôi muốn tiêm liều thuốc ngủ cho cô khỏi bị khuấy động về lời réo gọi bên ngoài, nhưng tôi xóa bỏ cái ý định ấy. Tới mức độ này hãy để cho cô lựa chọn, tôi sẽ gắng hết sức mình giành lấy cô ta, không phải bằng sự trói buộc mà bằng cuộc sống thực sự của người, bằng những hấp dẫn về một cuộc đời cao hơn, để thoát khỏi những sinh hoạt thấp kém, nặng nề giữa núi rừng sâu.

Tôi ra nằm gần cửa hang kề cận đồng lửa bên ngoài nghe gió rít dài trong đêm, và thấy cuộc sống của mình có một vẻ gì quái lạ. Sự tách rời khỏi xã hội loài người, khỏi những liên quan gần gũi nào đó, làm cho chúng ta trở nên kỳ dị và nhiều lúc tôi cảm thấy xa lạ với mình một cách đáng sợ. Cô bạn Xà Niêng là gạch nối giữa tôi với thiên nhiên, và ông Chúp là gạch nối giữa tôi với xã hội. Chỉ có hai cái gạch nối cô đơn, cuộc sống hóa nên bé nhỏ lạ lùng.

Ba ngày tiếp theo, tiếng réo gọi kia không thấy vắng lại. Họ hàng Xà Niêng đã đi xa rồi? Liệu chúng có rời xa hẳn vĩnh viễn hang đá này không? Thật không có gì quả quyết được điều ấy cả. Những loài thú rừng có một trí nhớ kỳ lạ và giống Xà Niêng là loài vật rừng cao hơn bất cứ loài nào thì trí nhớ ấy có thể sâu sắc hơn nhiều. Biết đâu sự im lặng này không chứa đựng một cạm bẫy, và không gì có đoan chắc chúng chịu bỏ mặc một kẻ đồng bọn.

Phần cô bạn rừng của tôi tuy đã trở lại bình tĩnh song thỉnh thoảng vẫn có những phút giây ngơ ngác đến độ sửng sờ. Núi rừng vẫn còn quanh đây và tiếng réo gọi vẫn còn âm thầm đâu đó. Trước khi cho cô một sự tự do lựa chọn, tôi nên cố gắng đưa cô về với loài người, về với cuộc sống mà tôi tin rằng sẽ làm lợi ích cho cô.

Để tránh tiếng kêu hú kia bắt đầu réo gọi trở lại, tôi phải rời xa núi rừng bọc vây thung lũng Mả Voi và đi về một miền khác có thể yên ổn nhiều hơn cho bọn chúng tôi.

Ông Chúp đi đã mười ngày. Ông có quay trở về đây cũng còn khá lâu, sớm nhất cũng hai tháng nữa. Tôi sẽ đưa người bạn rừng của tôi tới mạn Cà Đum, gần cái sông lớn làm cái biên giới ngăn cách mạn rừng phía dưới với những núi cao rừng thẳm trên này. Nơi bờ sông đó, tôi sẽ chờ ông già Chúp. Chúng tôi đã quen ngừng nghỉ ở một hẻm núi bên sông gần như là đường độc đạo dẫn về ngã này. Phải về nơi đó để tránh xa

bớt bao nhiêu đe dọa bên mình, và có thể rút khỏi sự kêu gọi có thể càng ngày càng thành ám ảnh kinh hoàng đối với cô bạn của tôi.

Qua sáng hôm sau, tôi dậy thật sớm chuẩn bị cơm nước rồi dồn tất cả những gì không thể mang theo vào trong lòng hang, đoạn tôi cùng người bạn rừng dùng bữa cơm sáng. Xong tôi mang một gùi lớn chứa thức ăn và vật dụng, bỏ ít đồ đạc trong cái gùi nhỏ đưa cho cô nàng:

- Mang xem.

Sau phút ngần ngừ nhìn tôi với vẻ dò xét, cô bạn người rừng trông vào vai mình. Tôi nói:

- Đi thôi.

Rồi tôi đi trước, quay lại ra dấu cho cô đi theo. Cô ta yên lặng bước đi, nhẹ nhàng qua những bờ đá nhấp nhô, qua những cây cối gai góc lan tỏa trên đường. Tôi lặng yên đi suốt ngày như thế, không thể trao đổi với cái vốn liếng ngôn ngữ ít ỏi của bạn đồng hành, song cảm thấy không đến nỗi cô quạnh như là ngày nào. Phần cô bạn rừng chiếc gùi không làm cho cô nhọc mệt thêm một chút nào, và chân cô vẫn thoăn thoắt, vẻ mặt động lại trong sự bất động lầm lì. Bây giờ tôi mới cảm thấy lời nói thật là cần thiết, vì thiếu trao đổi con người bỗng nhiên trở thành rời rã một cách thảm thương.

Buổi trưa, chúng tôi nghỉ bên bờ suối và nấu ăn xong tôi nằm dưới một bóng cây cổ tìm giấc ngủ. Cô bạn ngồi dựa vào một bờ đá, yên lặng, cặp mắt mở rộng nhìn lên vòm xanh như không cảm thấy chút xa lạ nào trong sự di chuyển vừa qua.

Buổi chiều, tôi cố gắng đi thật mau cho kịp căn lều bỏ lại hôm nào, trước khi trời tối. Đây là nơi tôi lần đầu nghe những tiếng lạ giữa khuya, khi cùng ông Chúp ngồi chờ trời sáng và bị cơn mưa dội xuống xóa sạch dấu vết khả nghi của chốn rừng già.

Trời vừa sụp tối thì đến căn lều. Cô bạn Xà Niêng có vẻ bối ngỡ khi nhìn mái lá dột nát và cô hít thở một cách khác thường. Tôi bảo:

- Ta vào trong thôi.

Nhưng cô kêu lên như một tiếng rít, bước lùi, một tay bám chặt vào tôi kéo giật trở lại. Tôi hiểu trong lều không được an toàn, vội đèn bấm vào quét sáng, đồng thời rút súng phòng hờ. Liền đó tôi nghe tiếng động trong lớp lá khô và sự kéo lê sần sật qua những lá cành. Ánh đèn cho tôi kịp thấy màu da láng mượt ửng sáng của một con trăn cỡ lớn đã vào chiếm ngụ chiếc lều hoang phế lâu nay.

Chúng tôi vào lều, sắp đặt chỗ nằm, chuẩn bị lửa đêm cùng ăn cơm tối. Số củi dự trữ ngày xưa còn nhiều và cái dấu bếp hoang tàn chứng tỏ ông Chúp trong chuyến trở về vừa rồi đã không ghé ngủ lại đây. Có lẽ ông đi quá vội, đã vượt khỏi lều trước khi trời tối.

Tôi đốt lửa lên, lấy phần cơm còn từ trưa chia cho người bạn rừng rú. Chúng tôi ngồi ăn yên lặng, nghe những tiếng động âm thầm vây bủa xung quanh. Đôi lúc tưởng như rừng đêm siết lại, ôm chặt lấy tôi như những cánh tay man rợ khổng lồ. Về khuya gió núi lồng lộn rú qua thung lũng dưới kia và tiếng xào xạc liên hồi ở trên mái lều ru dần tôi vào giấc ngủ say sưa.

Một lúc nào đó, trở mình, tôi lại nhìn thấy cô bạn Xà Niêng vẫn ngồi yên lặng, y như vào lúc ban trưa. Tôi bảo:

- Ngủ đi! Hãy ngủ đi nào!

Nhưng cô Xà Niêng có vẻ không nghe lời tôi vừa nói. Mắt cô hướng vọng ra ngoài đêm dày, như chờ đợi tiếng réo gọi bất thần sẽ hiện lên một nơi nào, vào giữa đêm khuya.

Buổi sáng thức giấc, tôi đã thấy cô bạn ngồi trước lều, vẻ mặt bình tĩnh. Có lẽ đây là biên giới cuối cùng của người Xà Niêng và tôi hy vọng rời khỏi nơi đây chúng tôi sẽ không bao giờ bị quấy phá nữa. Tuy nhiên, đoạn đường phải đi còn khoảng chừng năm ngày nữa mới tới bờ sông Ra Mun, nơi tôi hy vọng có thể sống an toàn hơn. Trong năm ngày dài trước mắt tôi sẽ thực hiện một số công việc để chuyển đi tránh được sự buồn

nản vừa làm rút ngắn đoạn đường mà tôi muốn đưa người bạn rừng kia về với sinh hoạt của người.

Tôi sẽ dạy cô Xà Niêng nấu cơm, đun nước, dạy cô hái củi, nhúm lửa về đêm, và giúp cô hiểu biết thêm ngôn ngữ của người. Như thế, những nỗi vất vả của chuyến đi này để được xua tan và ngày như đêm sẽ được trôi qua một cách nhẹ nhàng.

° ° °

Chúng tôi tới sông Ra Mun vào một buổi trưa nắng gắt, mặt nước phản chiếu chói chang như những vũng bạc mênh mông. Ở đây có nhiều tảng đá, chúng tôi tìm nơi quen thuộc đã được lựa chọn từ xưa làm cái quán trọ lý tưởng cho mỗi chuyến đi, chuyển về. Dấu vết than củi và lá lót nằm cho thấy ông Chúp đã ghé lại đây, đôi bãi phân ngựa đã khô lưu chút gì về con vật được trao cho tôi một cách lạ lùng. Tôi bảo cô bạn:

- Chúng ta ở đây và chờ ông Chúp. Bây giờ hãy lo sửa soạn cuộc sống mới này, và làm thế nào để cho hang đá chúng ta được dễ chịu hơn.

Sau một ngày nghỉ, chúng tôi bắt tay vào việc dọn dẹp chỗ ở. Cô bạn Xà Niêng giúp tôi quét sạch từ trong ra ngoài, và chúng tôi mở một con đường rộng từ chỗ hang đá ra đến bờ sông. Bây giờ tôi có thể giao bếp lửa và chỗ ở cho người bạn để mỗi buổi sáng vào sâu trong các thung lũng kiếm các con mồi. Buổi đi đầu tiên, vừa quay trở về tôi không tìm thấy cô ta. Chờ đợi lát sau vẫn bất tăm hơi. Một nỗi ngờ vực thoáng hiện trong óc... Có lẽ cô Xà Niêng đã từ già nơi đây để quay về chốn rừng sâu bát ngát rồi chăng? Nếu thế, sao cô ta chẳng trở về từ khi vừa rời chốn cũ mà phải chờ đến hôm nay? Tôi không tin cô đã bỏ tôi để về rừng. Nơi cô chưa diễn biến nào chứng tỏ có ý định ấy. Cô gái Xà Niêng không có kiểu lối che giấu tình cảm của người văn minh, và sự buồn vui nơi cô đều là trạng chứng trung thực của tâm hồn. Tôi không thể đoán gì hơn về sự mất dạng thình lình của người bạn đó. Bị ném trả lại bất thần vào nỗi cô độc tôi cảm thấy mình choáng váng, một điều mà tôi không sao nhận thấy từ xưa, trải qua bao tháng năm dài đắm mình trong chốn rừng già. Tôi leo lên một tảng đá thật cao, hy vọng có thể nhìn thấy bóng dáng người bạn ở nơi nào đó, nhưng chung quanh tôi chỉ là màu xanh ngút ngàn vây phủ và sự im lặng dày đặc nhấn chìm tất cả dấu vết. Tôi bỗng nghĩ đến đoàn người Xà Niêng họ hàng của cô gái đó... Có thể là họ vẫn đi theo tôi, vẫn đi lặng lẽ âm thầm như thể bên cạnh chúng tôi để mà dò xét, đừng tìm dịp tốt mang về cô gái lạc loài... Nếu thế, lần này không chắc gì cô trở lại, và tôi chỉ còn có mỗi công việc là đợi chờ thôi. Dù sao cô đã hiện diện đến với tôi một cách ngẫu nhiên và sự quay lại lần trước cũng thật bất ngờ. Khó lòng chờ đợi những sự bất ngờ kỳ lạ tái diễn liên tiếp trong cuộc đời mình.

Nhưng tôi không phải chờ lâu. Chỉ vài phút sau, khi rời tảng đá, tôi đã nhìn thấy cô bạn Xà Niêng lóp ngóp bò lên từ một chỗ vực sông sâu. Thân hình ướt đẫm, cô trồi lên khỏi mặt nước với mấy con cá khá lớn giữ chặt trong tay. Tôi vội chạy lại. Và cô bạn rừng nhìn tôi với một nụ cười, đúng hơn là một nhếch mép nhẹ nhàng mà tôi suy đoán như một niềm vui. Cô trao những con cá ấy cho tôi và tôi cầm lấy, cảm động trong lòng. Cô đã tự nguyện góp phần với tôi trong cuộc sống này. Khi tôi lặn lội săn tìm thú rừng trong núi sâu kia, cô cũng lặn lội dưới dòng sông sâu tìm cá. Đã chẳng từ già ra đi cô còn chung tay duy trì cuộc sống của chúng tôi nữa. Sau cái giây phút tưởng là xa cách vĩnh viễn, bây giờ gặp lại tôi cảm thấy một niềm vui thật lạ. Tôi muốn noi với người bạn một tiếng cảm ơn, nhưng tôi hiểu cô không thể nào hiểu những kiểu cách đó.

Buổi tối hôm ấy bữa cơm chúng tôi thật là vui vẻ. Thịt rừng, cá sông nướng chín tỏa mùi ấm áp nồng nàn trong hang đá rộng. Tôi cảm lụi thịt đã được ướp muối thêm vào chút vị ớt hiểm nhan nhản trên núi rừng này, nướng trên than hồng trong khi cô bạn Xà Niêng loay hoay đặt những con cá đã chín trên những chiếc lá rừng lớn. Bây giờ cô như đã mat bớt vẻ rừng rú và tôi có cảm tưởng như đang sống với một thiếu nữ nào đó, tuy không có được nhan sắc bình thường của người đàn bà nhưng có một tâm hồn bạn thật dễ hòa hợp.

Tôi tự nhủ rằng:

- Thôi thế cô ta sẽ không quay về rừng nữa. Chắc là cô sẽ bằng lòng sống mãi ở đây.

Nhưng tôi cũng tự hỏi mình: làm sao tôi có thể sống mãi mãi thế này trong chốn hoang vu? Làm sao tôi lại phải cứ dần thân trong cõi bất trắc quanh hiu, trong chốn mênh mông buồn nản thế này? Dù tôi có nuôi ý định một ngày nào đó sẽ mua những mảnh vườn ruộng sống với ông Chúp, bằng những hoa lợi thâu hái do những nỗ lực của mình, điều này cũng còn là một mơ tưởng. Cuộc đời có bằng lòng để cho ta hưởng sự yên ổn vắng lặng đó không, ông Chúp có chịu rời những nhà sàn bám tận sườn non để tìm nhàn rỗi trong chốn đồng bằng xa lạ?

Và còn cô bạn Xà Niêng của tôi, cô sẽ làm gì? Liệu cô có hòa hợp được với cái cuộc sống xã hội của người, hay sẽ chỉ là một giống vật lạ nuôi ở trong nhà?

Mỗi ngày tôi thấy mình gần gũi hơn với người bạn rừng, cảm thấy mình là sức mạnh che chở nhưng đồng thời mình cũng được che chở. Chúng tôi nương tựa vào nhau mà sống, trở thành cần thiết cho nhau. Chúng tôi tạo thành sức mạnh chống chọi được những bất trắc của một cảnh sống gian nan. Bây giờ lời nói không còn là điều ngăn cách. Chúng tôi đã hiểu được nhau trong sự im lặng, và trong sự im lặng ấy chúng tôi dần dần tìm hiểu nhau hơn.

Khi ngã mình bên nệm lá chất dày, phì phèo điều thuốc trên môi, tôi thấy bên kia đồng lửa cô bạn yên lặng, một tay vắt ngang che mắt như sợ ánh sáng chiếu vào. Đó có phải là một người đàn bà không? Mỗi lần ý nghĩ tương tự như thể hiện đến tôi bỗng cảm thấy xấu hổ. Tôi đã bắt gặp nơi tôi cái ý háo hức tìm kiếm khía cạnh đàn bà trong đối tượng ấy và tôi đã chiều theo nó một cách dễ dãi. Từ khi xa rời Diễm Tuyết, tôi muốn làm con người mạnh, một người không dễ bị sự lôi cuốn dù ma lực đến từ đâu. Hơn nữa, ý tưởng xem cô Xà Niêng là một người vợ hay là người tình làm cho tự ái của cái con người gọi là văn minh sót lại nơi tôi cảm thấy xót xa. Tôi không muốn tự xem mình là kẻ thất bại thảm thương đã bị xã hội loài người xua đuổi phải vào chung sống ở trong hốc núi với loại thú rừng.

Tuy nhiên, nơi cô Xà Niêng, những hành động có tính cách cao hơn phản ứng bản năng dần dần đã được biểu lộ. Tôi nhớ lại tiếng kêu thét của người bạn rừng khi chúng tôi ghé vào căn lều nát trước đây, tiếng kêu báo nguy cho đồng bạn mình chứ không phải sự sợ hãi hoàn toàn vị kỷ. Hình ảnh cô bạn loi ngoi từ dưới sông lên với những con cá trên tay đã làm cho tôi cảm động. Con người rừng ấy không có sự tính toán nào vụn vặt, không có sự gian lận nào ở trong ý nghĩ, hành động hướng về chia xẻ một cách hồn nhiên. Tôi cũng hiểu rằng những đức tính ấy xuất phát từ cái bản chất trong lành của một trạng thái nguyên thủy, chưa thật là một giá trị đúng nghĩa vì thiếu hẳn một cơ sở trí thức, nhưng dù sao đó cũng là hình ảnh khích lệ cho người vươn đến những nếp sinh hoạt cao hơn. Tôi bỗng nhớ tới Diễm Tuyết... Có lẽ Diễm Tuyết mới chính là một người rừng. Nàng chỉ có lớp phấn son và những quần áo lòe loẹt của cái xã hội gọi là văn minh, nhưng dưới lớp trang sức ấy chỉ toàn là những thể hiện bản năng, những nỗi khao khát thấp hèn. Trong cuộc sống chung kéo dài bao năm, Diễm Tuyết hầu như không muốn khổ nhọc vì tôi một chút nào hết, và nàng cũng không có thái độ nào chứng tỏ muốn vươn đến một cuộc sống cao hơn về mặt tinh thần. Tất nhiên, tôi cũng phải chịu trách nhiệm về người đàn bà đã chung đời sống với mình. Nhưng Diễm Tuyết như khá nhiều kẻ khác trong xã hội này đã bị nhiễm độc bởi cái không khí cuồng loạn, xa hoa, cơ hồ chỉ còn biết có riêng mình, ngoài ra không còn muốn nhìn đến ai khác nữa, dù đó là kẻ thân thích, ruột thịt, nói chi đến những đồng bào, đồng loại. Sự ích kỷ đã thành nếp sống sâu đậm lạ lùng, đục ruỗng tâm hồn của họ, và ta chỉ bắt gặp được những cái bóng mờ thay vì là những con người như ta vẫn hằng mong ước thương yêu. Nhưng xét cho cùng họ làm sao thoát khỏi những điều kiện xấu xa của hoàn cảnh họ, nếu cuộc sống ấy không bị lay chuyển đến tận cội rễ và được soi sáng bởi một lý tưởng hoàn toàn vị tha?

Trong chốn hang đá chập chùng ánh lửa tôi quay lại nhìn cô gái Xà Niêng, cảm thấy thương hại con người rừng đó. Cô có bao giờ nghĩ gì về đời cô không? Cô có bao giờ chép miệng nói đến thân phận, duyên số và bao nhiêu danh từ khác quen gặp trong ngôn từ các cô gái thị thành? Cho đến tận kiếp người con của rừng núi ấy vẫn không bao giờ có những băn khoăn như thế, ở trong đời mình.

Tôi bỗng nảy ý đặt cho cô bạn một cái tên gọi. Cô có quyền mang tên như mọi người, cô cũng là người với nghĩa thật đúng của danh từ ấy, vì cô đã muốn vươn lên khỏi những nếp sống cũ kỹ, nặng nề, cô biết chia xẻ và biết hy sinh. Những giá trị thuộc riêng về con người lương hảo đã được manh nha nơi cô và tôi hy vọng mỗi ngày sẽ thấy rõ hơn. Tôi loay hoay tìm một cái tên gọi, một tên phù hợp với cảnh ngộ nàng. Thanh Lâm... cô nàng ở chốn rừng xanh, sẽ mang tên đó. Và sáng hôm sau, đặt tay lên vai của người bạn rừng, tôi gọi:

- Thanh lâm!

Cô bạn ngơ ngác nhìn tôi, nhưng tôi đã lại chỉ vào nơi mình gọi tên của mình, rồi chỉ vào cô và gọi nhiều lượt bằng cái tên mới. Như thế, cô hiểu và cô gật đầu.

° ° °

Chúng tôi đã sống những ngày yên ổn đợi chờ ông Chúp trở lại, công việc được phân chia đều vui vẻ giữa

hai chúng tôi. Buổi sáng, chúng lo cơm nước rồi tôi vào rừng săn bắn. Thanh Lâm xuống sông, xuống suối bắt cá, mò cua. Buổi chiều, nếu không có những công việc như lau chùi súng, vót tên, sửa nỏ, đốn củi thì tôi tìm hái trái rừng, Thanh Lâm đến ven bờ suối hái rau. Cô bạn gần như nói được tất cả những tiếng chỉ các vật dụng quanh mình và dần dà nói được các câu ngắn rời rạc. Giọng cô uốn éo trong thanh, pha trộn tiếng chim với tiếng thú rừng.

Trong những nỗ lực học theo sinh hoạt của người, Thanh Lâm gần như không biết mệt mỏi. Những gì chỉ vẽ cho cô, cô rất chăm chú nghe theo, chịu khó lặp đi lặp lại chẳng hề nhàm chán. Khi tôi dạy cô vót những nan tre, đan những chiếc giỏ, bao giờ cô cũng lúng túng một cách vụng về, nhưng sau khi đã hiểu xong và biết thực hiện, cô làm một cách say mê. Cô có thể ngồi suốt đêm làm việc, nếu tôi không tìm mọi cách cản ngăn. Ở nơi cô bạn rừng xanh có sức bền dai chịu đựng những nỗi khó nhọc và những bất thường thời tiết thật là lạ lùng. Thanh Lâm như không hề biết ốm đau, ốm đau là dấu chứng của loài vật đã tách rời khỏi thiên nhiên để chống đối lại, nhưng chưa hoàn toàn cưỡng chế được nó.

Cứ thế, mỗi ngày cuộc sống gần gũi giữa hai chúng tôi làm phai mờ dần dấu vết rừng rú hoang dại nơi người bạn gái Xà Niêng.

Một hôm tôi đang theo các con mồi trong núi bỗng nghe có tiếng súng nổ về phía hang đá. Tôi đứng sững lại, chong tai nghe ngóng. Tiếng súng vang lên rời rạc, rồi bỗng im bật. Tại sao có tiếng súng nổ quanh đây? Trong miền xa xôi và hẻo lánh này đã có những tay thợ săn bén mảng đến sao? Tôi đã đến được nơi đây thì người khác có thể đến, điều ấy cũng chẳng lạ gì. Giữa lúc tôi đang ngỡ ngàng bỗng thấy Thanh Lâm chạy như bay về phía tôi. Qua những cây, đá chập chùng cô như con nai lao thẳng mình tới hay một con vượn chuyền nhanh qua những lá cành.

Nhưng Thanh Lâm biết chỗ tôi theo dõi con mồi, giữa chốn núi rừng trùng điệp là điều kỳ quái. Tôi đã lang thang, xê dịch không ngừng, chẳng có lộ trình rõ rệt. Linh tính đã giúp cho nàng đoán biết, hay là khả năng hít thở qua các hơi gió đón bắt giữa rừng đã giúp cho nàng nhận rõ lối đi?

- Thanh Lâm! Thanh Lâm!

Nhưng ở sau nàng một quãng khá xa tôi thấy thấp thoáng những người cưỡi ngựa phóng theo. Chạy tới gần tôi, nàng nhảy chồm đến, ẩn núp trong tôi với một dáng điệu cuồng cuồng. Tôi ôm lấy cô bạn rừng:

- Có việc gì thế?

Nàng quay nhìn lại phía sau, về mặt còn đậm dấu vết hải hùng. Cũng vừa lúc ấy ba kẻ cưỡi ngựa phóng đến. Tôi thấy hai người ngoại quốc và một người Việt. Các người ngoại quốc đầu tóc vàng hoe, với đôi mắt màu xanh lơ dừng dục, ăn mặc theo lối các nhà thám hiểm, lưng đeo súng ngắn và trên vai mang những súng săn dài.

Tôi đã đoán hiểu việc gì xảy ra nhưng cũng hỏi họ:

- Các ông muốn gì?

Bọn họ nhìn nhau, rồi người Việt nói:

- Chúng tôi đi săn.

- Sao các ông lại săn đuổi người này?

- Người nào? Ông bảo đây là người sao?

Tôi tức giận đáp:

- Không cần tôi bảo, các ông phải biết điều đó.

Người kia mỉm cười:

- Quần áo không đủ làm nên con người.

Tôi không nén được:

- Đúng vậy. Nhiều kẻ ăn mặc đầy đủ mà chỉ là loài vật thôi.

Người kia vẫn thản nhiên nói:

- Nếu ông cho biết rằng đó là vật sở hữu của ông thì chúng tôi không săn đuổi. Còn ở trong núi rừng này, ai cũng có quyền săn bắn, và chúng tôi đã có phép để làm điều đó.

- Nếu ông có phép thì ông cứ việc tùy tiện. Còn tôi, tôi chẳng cần đến một phép tắc nào.

Rồi tôi dắt tay Thanh Lâm định quay trở về. Nhưng vừa lúc ấy tôi nghe một trong hai gã ngoại quốc quay sang người Việt hỏi bằng tiếng Pháp bằng một giọng điệu không lấy gì làm rành rẽ:

- Thế nào? Con vật đó thuộc về anh ta à?

Người Việt đáp lại:

- Chắc của nó nuôi.

- Hỏi mua lại xem nó có bằng lòng hay không?

- Vâng.

Anh ta quay lại phía tôi:

- Mấy người này muốn mua lại con vật của anh, anh nghĩ thế nào?

Tôi đáp gọn lỏn:

- Không bán.

Gã lại quay sang thông dịch cho mấy người kia. Bọn họ hẳn không phải là người Pháp, vì nói tiếng Pháp chẳng mấy thành thạo. Tôi cũng có biết chút ít về ngôn ngữ này, muốn nói trực tiếp với họ, nhưng suy nghĩ lại tôi thấy làm thỉnh có lẽ tốt hơn.

Mấy người ngoại quốc thấy tôi bước đi, vội ngoắc tôi lại. Người Việt bảo tôi:

- Mấy ông này là những nhà bác học nhằm vào mục đích thám hiểm hơn là săn bắn. Họ thấy con người rừng đó và họ rất thích. Dù phải mua bằng giá đất họ cũng bằng lòng. Ý ông thế nào?

Tôi đáp:

- Giá nào tôi cũng không bán.

- Ông muốn đánh đổi một thứ gì không?

- Tôi không có quyền.

- Thế nó chả thuộc về ông là gì?

- Người này thuộc về tôi sao? Không, ông lầm. Chúng tôi chỉ là bạn thôi. Không ai có quyền đem bán bạn hữu của mình hoặc đem bạn mình đổi chác.

Người Việt kia bỗng mỉm cười:

- Thế thì càng tốt. Chúng tôi cứ ngỡ nó thuộc về ông nên phải thương lượng. Bây giờ mới rõ không phải như vậy. Chúng tôi sẽ bắt lấy nó.

Tôi bỗng cảm thấy cơn giận sôi lên:

- Ông không có quyền. Đó là bạn tôi!
- Ông đùa. Bạn thế nào được với một con vật.

Tôi biết phân trần với gã không lợi ích gì, bèn nói:

- Tôi cảm các ông động đến người này.

Gã kia khinh khỉnh đáp lại:

- Nếu ông liệu thấy có thể cấm được thì cứ tùy tiện.

Rồi quay sang mấy người kia, gã bảo:

- Nó không chịu bán, nhưng ta có quyền bắt con vật đó.

Một người ngoại quốc mang râu quai nón có vẻ lớn tuổi hơn cả, bảo gã:

- Chắc là nó muốn giá cao. Được rồi, ta bằng lòng trả giá đó.
- Nó không muốn bán. Thương lượng vô ích. Hãy dùng sức mạnh bắt buộc nó phải nghe theo!
- Bọn ta đông hơn nhưng nó có thể liều lĩnh. Nó phải là tay thợ săn có hạng mới dám một mình sống giữa vùng này.

Người ngoại quốc trẻ tuổi hơn, góp lời:

- Võ lực là biện pháp cuối. Nên khéo léo hơn, kéo nó có thể giết con quái vật để khỏi lọt vào tay ta cũng chưa biết chừng.

Người Việt kia hỏi:

- Vậy làm thế nào?

Người râu quai nón đáp lại:

- Tìm cách thân thiện với nó xem sao. Chắc nó phải ở gần đây, và chúng ta cũng cần chỗ nghỉ ngơi. Sau đó sẽ tính cũng chẳng muộn gì.

Người Việt dọn một bộ mặt tươi cười quay sang bảo tôi:

- Mấy nhà thám hiểm này bảo tôi nói với anh rằng họ chỉ hiếu kỳ thôi, họ thấy con người rừng đó và muốn tìm hiểu. Nếu điều đó làm cho anh khó chịu, thì họ xin lỗi. Họ rất muốn được làm quen với anh, nghĩ rằng anh hiểu biết nhiều về núi rừng này. Anh sẽ làm họ vui lòng hết sức, nếu cho họ về lều trại của anh để được nghỉ ngơi. Và anh cần súng hay đạn hoặc thuốc men gì, họ sẽ biếu anh.

Gã dùng những lời ngon ngọt để lừa gạt tôi. Rất may tôi đã không lộ cho chúng biết mình có hiểu tiếng Pháp nên nhờ vậy tôi biết được ý định chúng. Dù vậy tôi cũng không thể từ chối lời yêu cầu ấy: làm sao chống chọi một lúc được ba kẻ thù? Tôi sẽ liệu cách đối phó về sau, nên đã thản nhiên trả lời.

- Tôi không có lều trại gì, chỉ ở trong một hang đá gần sông. Nếu các ông muốn, xin mời theo tôi.

Bọn họ thấy đều vui vẻ gật đầu. Tôi dắt cô bạn Xà Niêng đi trước dẫn đường. Đôi lúc tôi cũng thoáng nghĩ họ sẽ bắn lên sau lưng để cướp Thanh Lâm, nhưng tôi trấn tĩnh được mình. Hẳn chúng chưa ra tay sớm, còn đợi dò xem lối sống của tôi, để hòng mua chuộc và khai thác tôi nhiều việc.

Trong lúc đi đường tôi nghe gã lớn tuổi hơn hỏi người thông dịch:

- Tên dẫn đường cho chúng ta là thổ dân hay người Việt?
- Nó là thổ dân.
- Thuộc bộ lạc nào?
- Chắc nó là sự pha trộn giữa người Ra Đê và người Mơ Nông.

Tôi cố nín cười về sự bịa đặt của gã. Người ngoại quốc thường tìm hiểu xứ sở chúng ta qua một tầng lớp thông dịch biết nhiều ngoại ngữ hơn là văn hóa. Lớp thông dịch nông cạn ấy được đào tạo để phục vụ cho ngoại bang chứ không phải cho dân tộc, và họ đã gây biết bao ngộ nhận về xứ sở mình đối với người ngoài. Gã không muốn nhận tôi là người Việt, cũng thật dễ hiểu. Tôi sống một mình giữa núi rừng này, ăn mặc như người thời cổ với mớ tóc tai rối bù trông thật man rợ. Hơn nữa việc tôi nhận một người rừng là bạn đủ làm cho gã xấu hổ. Tôi còn lắng nghe họ nói nhiều điều buồn cười về các phong tục núi rừng, và tôi nhận thấy không đốt nát nào lố bịch hơn sự đốt nát đội lốt thông thái. Tôi cũng biết được dự tính của họ là sẽ tìm đủ mọi cách để mua hay bắt Thanh Lâm như một chiến tích quan trọng của chuyến đi này. Quay lại phía người thông dịch, gã ngoại quốc lớn tuổi bảo:

- Ông nên cố gắng, tôi sẽ tưởng thưởng cho ông xứng đáng. Giống người rừng này tìm được là cả một khám phá lớn làm cho các nhà nhân chủng ở trên thế giới kinh ngạc. Đó sẽ là chiến thắng của chúng tôi.

Họ chỉ nghĩ đến chiến thắng của họ nhưng quên rằng kẻ quyết định là tôi. Họ muốn có được vinh quang dễ dàng bằng cách mua chuộc hay là cưỡng đoạt, và coi như sự hiện diện của người Việt Nam trên đất nước này không có chút quyền lực nào. Đó là quan niệm thực dân ở trong đầu óc những kẻ tự nhận bác học, và tôi nghĩ mình nên có thái độ thích đáng để trả lời họ.

Gần đến chỗ ở tôi bỗng sực nhớ sách vở tôi để bừa bãi trong hang, điều đó sẽ làm lộ hình tích tôi dưới mắt bọn họ. Tôi bèn dẫn họ đi quanh quẩn một hồi lâu, rồi đưa ra phía bờ sông và bảo:

- Các ông ở đây chờ chúng tôi dọn chỗ ở, vì hang đá dơ bẩn lắm.

Bọn họ đã đi nhiều rồi và bờ sông thật rợp mát nên thích ngồi đợi nơi các ghềnh đá ven bờ, vực nước rửa mặt, cho ngựa uống nước. Tôi cùng Thanh Lâm đi thật mau về hang đá, gom lại tất cả những gì là dấu vết của cuộc sống văn minh: sách vở, đạn dược, thuốc men, một vài thức ăn thức uống, tất cả đều được dấu kỹ vào trong khe sâu.

Rồi tôi quan sát lần cuối chỗ hang động ấy. Không còn chút gì chứng tỏ ở đây đã có ít nhiều sinh hoạt tinh thần, đã có bóng dáng văn minh. Chỉ còn sót lại mỗi khẩu súng trên vai tôi, nhưng khẩu súng không chứng tỏ được giá trị gì của người. Bây giờ tôi cũng thoáng nghĩ là nên tránh họ và tìm cách ẩn vào một nơi khác. Nhưng tôi tự tin ở sự sáng suốt của mình và cũng tò mò muốn biết bọn họ sẽ giở trò gì. Hơn nữa, đối gạt kẻ khác khi chưa có đủ bằng chứng cụ thể để xem họ như kẻ thù là một hành động mà tôi nhận thấy không xứng với mình. Tôi sống ở rừng và cần phải giữ thể diện cho người rừng rú. Đã thế quá quen với những bất trắc tôi hóa coi thường bất trắc. Những loài thú dữ bủa giăng trên các lối đi tôi không ngần sợ, kể gì ba tên ngớ ngẩn, khi tôi đã biết rõ được ý định của chúng. Vả lại tôi không muốn đưa Thanh Lâm quay về xứ sở Xà Niêng, và cần quanh quẩn nơi này để đón ong Chúp.

Khi tôi quay lại, bọn họ có ý sốt ruột đợi chờ. Đến lúc vào hang, nhìn thấy chung quanh sạch sẽ, họ có vẻ vui, hẳn nghĩ tôi đã đối xử quá tốt và tôi chính hiệu là một thổ dân hiếu khách. Gã người Việt kia rào quanh quan sát nhưng chắc anh ta chẳng thấy gì hơn ngoài lớp đá núi cây rừng. Về phần Thanh Lâm, sự e dè với những kẻ lạ mặt thật là rõ rệt. Nàng chạy vào ngồi trong góc hang sâu, và tôi cũng muốn nàng ngồi như thế cho được an toàn.

Sau khi đã nghỉ ngơi rồi, bọn người ấy mang các thức ăn ra mời tôi, nhưng tôi từ chối. Gã ngoại quốc cầm một khúc bánh lớn đưa cho Thanh Lâm, vẻ mặt của nàng cau lại một cách kỳ quái tương tự như những ngày đầu tiếp xúc với tôi. Nàng cũng lộ vẻ sợ hãi và cứ thụt lùi vào trong, nép vào vách đá. Tôi bảo gã ấy:

- Đừng có làm thế, nguy hiểm cho chúng ta đấy.

Gã quay lại phía người Việt, để nhờ thông ngôn cho gã câu ấy. Thái độ của gã có vẻ không cho lời tôi là đáng lưu tâm. Khi gã tiến vào định đưa bàn tay vuốt tóc Thanh Lâm thì nhanh như cắt cô bạn rừng núi của tôi đã quay người lại cào giữa mặt gã một cách quyết liệt, khiến gã rú lên và nhảy lùi lại. Tôi nói:

- Đã bảo rồi mà.

Gã ôm lấy mặt vừa lầm bầm chửi. Hai người kia vội chạy lại, dìu gã ngồi xuống tảng đá, lo chăm sóc vết sưng khá dài trên má trái. Sau phản ứng đó Thanh Lâm có vẻ lo lắng, cô ngược nhìn tôi với một nét mặt dò hỏi. Tôi nhìn cô ta, mỉm cười, như muốn ngầm bảo là tôi tán thành những cách xử sự như thế đối với bọn người lỗ mãng. Từ đó, thái độ của ba người kia đối với Thanh Lâm có phần kiên dè, nhưng vết thương của gã kia mang trên mặt có thể khiến gã sẽ quyết tâm hơn trong sự đoạt lấy Thanh Lâm. Gã không ngừng tìm mọi cách gây lại thân thiện với nàng, nào là cầm khúc bánh thịt đem đến tận nơi, đặt trên bệ đá, ra dấu cho Thanh Lâm đến, nào rót những cốc nước pha trái cây mời mọc. Gã cũng mỉm cười, vẫy tay, nói trong họng gã những tiếng líu lo dịu ngọt như lời dụ dỗ ân cần. Nhưng trước những biểu lộ ấy cô bạn rừng núi của tôi chỉ biết khiếp sợ, không có chút gì gọi là cảm động hoặc chú ý đến. Gã ngoại quốc kia hỏi tôi qua lời thông dịch:

- Anh làm thế nào mà người rừng kia chịu sống với anh một cách hòa hợp như thế?

Tôi đáp:

- Không làm một cách nào cả.

- Chả nhẽ gặp nó, anh gọi nó về được sao? Phải có một trường hợp nào giúp anh thân thiện được với nó chứ?

- Cô ta bị cộp vào ngã mang nhiều thương tích, tôi đưa về đây săn sóc và cô ta muốn ở lại.

- À, thế chứ. Phải có trường hợp thuận lợi gây nên quyến luyến, bởi nó cũng biết trung thành như loài gia súc.

- Tôi cho rằng đó là cách nhớ ơn của một con người.

Gã cười:

- Cái đó là tùy ở cách nhận định. Nhưng cần đánh giá đúng với điều kiện của nó.

- Ông đâu hiểu hết điều kiện của con người ấy!

- Còn ông? Ông có hiểu hết hay không?

Tôi nghĩ câu đó là một cạm bẫy. Y muốn gài cho tôi nói rõ về sự thực của giống loại này mà y cho rằng tôi chắc biết nhiều, để làm cái vốn kiến thức cho y và giúp y mở những chuyển lòng lợi sâu hơn trong cõi rừng già. Tôi không có ý định che dấu những hiểu biết hãy còn sơ khai về người Xà Niêng mà tôi có dịp tiếp xúc chập chờn trong bấy lâu nay, trừ cái kho tàng Mả Voi mất bao năm dài lặn lội nơi chốn rừng sâu núi thẳm mới tìm ra được, nhưng thái độ của bọn này cùng những toan tính của chúng khiến tôi ác cảm và tôi không muốn tiết lộ gì hết. Vì vậy, tôi lắc đầu đáp:

- Tôi chẳng hiểu gì về giống người này.

- Thế ông tìm gặp nó ở đâu vậy?

- Ở ngay trong khu rừng này.

- Hẳn là ông gặp chúng ở từng bầy?

- Không, tôi chỉ gặp mỗi một con người đó.

- Lạ thật, thế thì nó không thể ở nơi đây mà phải từ một nơi nào chạy lạc đến thôi. Ông có nghe nói về giống

loại này từ trước hay chưa?

- Chưa. Tôi chưa nghe ai nói đến bao giờ.
- Ông đã từng đi thật sâu vào núi rừng này hay chưa?
- Tôi chỉ một mình, không dám đi sâu.
- Thế ông chỉ sống bằng nghề săn bắn?
- Chính thế. Tôi chỉ sống bằng mỗi một nghề ấy.

Gã gục gặc đầu, không phải là để xác định những điều tôi noi nhưng để lộ rõ một nỗi hoài nghi. Đúng ra với chút suy luận gã sẽ nhận biết dễ dàng tôi không nói thực, và còn có một bí mật nào đó ẩn chứa sau những lời lẽ đơn giản của mình. Tôi sẵn gì đây, lang thang trong núi rừng này, với một người rừng bên cạnh? Nhưng gã không để lộ những ý nghĩ thầm kín của mình, vì còn mưu toan một việc gì đó. Lát sau, bọn họ trao đổi lảm rảm với nhau khi tôi bận lo gom củi nhúm bếp, rồi gã người Việt hỏi tôi:

- Này anh, có bao giờ anh nghe nói đến Mả Voi không?

Tôi bỗng giật mình, nhưng chỉ lắc đầu. Gã tiếp:

- Có một bọn người tìm được nơi ấy, và hình như họ cũng đi ngả này. Anh không hề gặp họ sao?

Tôi làm ra vẻ ngờ ngác:

- Chẳng gặp ai cả.
- Thật à?
- Ông xem, nếu tôi biết họ ít nhất tôi cũng phải có những ngà voi chứ.

Gã nhìn quanh tôi, ra vẻ suy nghĩ:

- Thế sao anh lại ở trong rừng này một mình?

Tôi tìm một lời nói dối:

- Chẳng giấu gì anh... tôi lỡ phạm tội giết người. Quả đó là điều mà tôi không muốn, nhưng làm sao được? Pháp luật không chịu tin tôi, và tôi phải lánh xa hẳn loài người.
- Anh có thể dẫn chúng tôi đi vào sâu hơn rừng già kia không?
- Tôi chẳng dám đâu. Tôi đến bờ con sông này là yên thân rồi, không muốn đi thêm hơn nữa.

Gã im lặng một lát, rồi hỏi:

- Nếu tôi thuê một giá cao?
- Ở đây, tiền thật vô nghĩa.

Nghe giọng tôi nói dứt khoát, gã cũng im lặng.

Buổi tối hôm đó, chúng tôi quây quần bên lửa và tôi phải đốt riêng cho Thanh Lâm một bếp lửa khác ở mãi trong xa. Về mặt của nàng rầu rĩ như thấy những kẻ lạ mặt đã giữ lấy tôi không cho gần nàng như là mọi ngày. Trong lúc chờ đợi giờ ngủ, gã ngoại quốc lớn tuổi nhờ người thông dịch hỏi tôi:

- Ông định làm gì về người rừng đó?

- Tôi không định làm gì cả. Tôi không có quyền.

- Thật là lạ lùng khi chúng tôi nghe ông cứ nói mãi về quyền nào đó. Chúng tôi không hiểu đó là quyền gì. Rõ ràng là ông có quyền, nếu muốn nói đến cái danh từ ấy. Ông là thợ săn, ông bắt được mồi, tất nhiên ông sử dụng nó theo như ý muốn.

- Nhưng tôi đâu có săn được người này?

- Ông không săn được, nhưng bắt gặp được, cũng thế mà thôi.

Tôi không muốn nói thêm lời nào nữa, nhưng tôi thấy im lặng thế cũng chẳng giải quyết được gì, tôi bèn bảo gã:

- Giữa ông và tôi có một cách nhìn khác biệt, và khác biệt đó làm cho chúng ta nói mãi cũng thành vô ích.

- Khác biệt thế nào?

- Tôi nhìn cô bạn của tôi như một con người, ông lại chỉ thấy như một con vật.

Gã không trả lời, giây lâu mới nói:

- Ông không có vẻ là người rừng núi. Trình độ một người không thể xét đoán ở nơi quần áo, mà ở ngôn ngữ. Ngôn ngữ của ông là ở thành phố, trong những thư viện. Ông muốn nói đến giá trị con người và xét mọi việc thuần bằng tình cảm. Nhưng tôi mong ông nên thực tế hơn.

- Với tôi, không còn thực tế nào khác những điều tôi đã trình bày.

- Thế ông nhất quyết không nhường con người rừng ấy cho bọn chúng tôi, bất cứ gia nào?

- Tôi xin lặp lại lần cuối: tôi không có quyền làm thế.

Gã lại lăm bằm hồi lâu rồi mới dãi bày:

- Ông làm cho tôi không sao hiểu được, này ông thợ săn. Chúng tôi có một ngân quỹ rất lớn cho việc tìm kiếm, và tôi sẽ không ngần ngại trả ông một giá khá cao để mua con người rừng này. Dù ông cứ bảo nó không thuộc hẳn về ông, tôi cũng không thể bắt nó mà mang đi được, vì ông là người đã tìm thấy nó, đã săn sóc nó. Chúng tôi tôn trọng cái quyền sở hữu. Với món tiền chúng tôi tặng, ông có thể rời núi rừng, sống xa hoa ở thị thành và mua chuộc được pháp luật. Hoặc ông có thể đi tới nơi nào ông muốn. Và xin nói đùa một tí, ông sẽ có cả hàng trăm cô bạn xinh đẹp hơn là con người rừng này.

Gã đã xét đoán mọi việc theo cách nhìn thật đơn giản xoay quanh thế lực đồng tiền, điều đó làm tôi khó chịu. Nhưng tôi đã học được sự bình tĩnh của núi rừng này. Sự im lặng của núi rừng thật cao cả, nhiều khi chứa đầy đe dọa hãi hùng. Thấy tôi im lặng, gã tiếp:

- Nếu ông muốn hợp tác với chúng tôi để đi sâu vào rừng già, thật là lợi ích cho cả đôi bên. Tôi tin là ông sẽ giúp chúng tôi được nhiều, và bù đắp lại, tôi sẽ dành riêng cho ông một khoản thù lao xứng đáng.

- Tôi đã từ chối ban nãy với người thông dịch này rồi.

Và tôi nhìn gã, cố gắng mỉm cười, lắc đầu. Tôi không hợp tác với những kẻ chỉ nghĩ đến trục lợi bằng mọi giá, tôi cũng không đem bán những bí mật của chốn núi rừng quê hương cho kẻ ngoại bang. Trong giây phút đó tôi bỗng cảm thấy lặn lội trong rừng sâu này là niềm kiêu hãnh, dù đó là niềm kiêu hãnh lạc loài. Ít nhất tôi cũng tìm biết kho tàng thiên nhiên của đất nước mình có được những gì, và tôi đang bảo vệ nó chống lại mọi sự khai thác đến từ bên ngoài.

Cả ba người kia trao đổi với nhau lăm thăm rồi họ mang đồ đến nằm bên lửa, chuẩn bị giấc ngủ. Phần tôi, những nỗi lo lắng khiến tôi không sao yên lòng. Bọn chúng có thể giết tôi, đêm nay, để mà đoạt lấy Thanh Lâm. Tôi bèn vào tận trong cùng, cạnh ben đồng lửa phía trong để nằm. Muốn vào đến được chỗ tôi họ phải qua chỗ Thanh lâm và tôi tin rằng bọn tôi có đủ tinh táo để biết âm mưu của họ. Tỉnh táo, sẵn sàng đối phó

với mọi bất trắc, đó là bản chất của nàng và tôi tin tưởng ở nàng như tin tưởng một vị thần hộ mạng.

Nhưng đêm đó tôi đã ngủ yên lành, dù thỉnh thoảng phải thức giấc đưa mắt dò xét chung quanh. Ba người kia ngủ say vui, ngáy giòn như tiếng cưa gỗ. Thanh Lâm nằm yên nhưng tôi biết nàng không ngủ. Chỉ cần một tiếng động nhỏ khả nghi cũng đủ làm nàng choàng dậy, nhanh hơn con sóc

° ° °

Qua sáng hôm sau, khi tôi mở mắt Thanh Lâm đã ngồi yên trên nệm lá của nàng. Ba người kia cũng dậy rồi và đang đun nước. Người Việt trong bọn bảo tôi:

- Hôm nay chúng tôi lên đường. Xin cảm ơn ông đã cho chúng tôi nghỉ lại một đêm. Nào mời ông dùng với anh em tôi một tách cà phê và xơi với chúng tôi một miếng bánh.

Thôi, họ ra đi là tôi yên lòng. Sống với đồng bào đồng loại như bọn người này sao tôi cảm thấy khổ sở hơn sống với những thú dữ giữa chốn núi rừng. Đã bao năm nay, lặn lội xông pha tôi có bao giờ thắc thỏm một cách khó chịu như thế này đâu? Vì thế tôi cùng ngồi lại ăn uống với họ, mong phút chia tay cho được sớm sửa nhẹ nhàng. Gã ngoại quốc rót một ly cà phê mời tôi, rồi hỏi:

- Người bạn rừng ông có uống thứ này được chăng?

- Tôi chưa bao giờ mời cô ta uống như thế. Ở đây chỉ có nước lá rừng thôi.

- Nào mời thử xem.

Nói xong, gã cầm một lon thiếc lớn đổ đầy cà phê đem đến chỗ Thanh Lâm ngồi. Nhưng gã vừa đưa tới trước mặt nàng, Thanh Lâm đã đổi sắc mặt thành ra dữ tợn khác thường như đánh hơi được ý gì ám hại. Nàng đứng chồm lên, hai tay thu lại như chực cào cấu, tư thế của kẻ sẵn sàng tấn công. Gã ngoại quốc phải lùi lại:

- Đúng là cô ta không thích loại nước uống này.

Rồi gã trở về chỗ ngồi, lấy một khúc thịt đưa sang cho tôi:

- Ông mời hộ tôi coi nào.

Tôi đem thịt đến cho nàng, và bảo:

- Ăn đi.

Thanh Lâm nhìn tôi rồi nàng yên lặng cắn vào khúc thịt một cách chậm rãi như nàng đã phải vì tôi mà ăn vật thực của những kẻ lạ. Khi nàng ăn xong, gã ngoại quốc vội tìm ống lồ ô nước suối đem đến cho tôi:

- Mời cô ta uống đi nào. Tôi phải nhìn thay mọi người ăn uống vui vẻ rồi mới yên tâm ra đi.

Gã cười một cách thân thiện.

Thanh Lâm cầm ống lồ ô với một dáng điệu nghi hoặc. Nàng đưa lên mũi hít ngửi với vẻ khó chịu. Tôi chỉ nhận ra điều ấy rõ rệt, mãi về sau này, nhưng lúc đó tôi nghĩ nàng thành kiến với bọn người kia nên đã tỏ vẻ dè dặt. Tôi giục giã nàng:

- Uống đi!

Nàng lại ngược lên nhìn tôi, có vẻ khó hiểu, rồi khẽ lắc đầu. Tôi tiếp:

- Uống đi, Thanh Lâm. Hãy nghe lời tôi.

Tôi lộ ra vẻ sốt ruột, vì tôi cũng muốn cái trò ăn uống tiễn đưa gượng ép kết thúc nhanh chóng để khỏi còn nhìn thấy lũ người này. Tôi lại giục nàng:

- Cứ uống đi nào, Thanh Lâm.

Và nàng ngược lên nhìn tôi, cầm ống nước uống. Tôi nhớ cái nhìn của nàng, cái nhìn của người rừng rú, nhưng mà dịu dàng, chịu đựng làm sao. Cái nhìn như muốn nhắn bảo: "Tôi đã vì anh mà uống thể này. Rõ ràng là tôi đã không muốn uống, tôi không thể uống".

Lúc nàng uống xong, trao ống lồ ô lại tôi thì tôi thấy cảm thấy chóng mặt. Tay tôi cầm lấy chiếc ống, mà tưởng như làm việc gì ở trong qua khứ xa vời. Mắt tôi mờ đi, rú lại, và tôi cảm thấy buồn ngủ như muốn rũ liệt. Tôi đi loạng choạng lại chỗ đồng lá trải nằm nhưng bước không còn nổi nữa. Tôi khụy hẳn xuống, tai nghe mơ hồ tiếng cười tiếng nói của bọn người kia lảng vảng đâu đây. Tôi cố rướn mắt, mở nhìn, qua cặp mí đề nặng xuống như có bàn tay vô hình chặn lấy, và tôi thoáng thấy Thanh Lâm đứng chồm lên sát cạnh tôi, tay cầm một khúc gỗ lớn hướng về trước mặt. Tôi nhắm mắt lại, hiểu rằng nàng đang chiến đấu để bảo vệ tôi. Nhưng nàng liệu có thoát khỏi chất thuốc mê này ngấm vào da thịt hay không? Tôi chìm hẳn trong mê mị. Một lúc nào đó, mở mắt một cách khó nhọc, tôi thấy Thanh Lâm đang vung gậy lên kháng cự một cách quyết liệt với đám người kia. Tôi nghe văng trong giấc ngủ những tiếng súng nổ và tôi thiếp đi không biết gì nữa.

° ° °

Khi tôi tỉnh dậy, chung quanh tối đen dày đặc. Hơi gió từ ngoài tủa vào bên trong buốt lạnh. Tôi ngồi vội lên, đầu còn choáng váng, nặng nề. Tôi đã ngủ suốt ngày nay, hay ngủ liền mấy hôm rồi?

Có gì xảy ra trong thời khoảng ấy? Thanh Lâm đã còn hay mất? Tôi nhớ quang cảnh nàng cầm khúc củi trên tay chiến đấu một cách gan dạ và tôi vội tìm bật lửa nhen gấp một đống lửa hồng. Ánh sáng soi tỏ dần dần hang đá và một cảnh tượng bừa bãi, ngổn ngang bày ra chung quanh. Lá khô rơi đầy, củi gỗ nghiêng ngửa, các đồ vật dụng rải rác, lỏng chổng. Tôi tìm khẩu súng nhưng bị lấy mất. Bọn khốn nạn đó đã tước khí giới của tôi mà không cần giết chết tôi, đây cũng là cách giết hại thâm độc hơn nhiều. Biết đâu chúng cũng đã tính sát hại tôi rồi nhưng vì một cản trở nào, có thể là của Thanh Lâm, nên không làm gì tôi được.

Nhưng sự tàn ác của chúng không vượt khỏi sự khôn ngoan của tôi. Thật không có kẻ săn bắn nào lợi giữa chốn rừng già mệnh mông mà chỉ mang ở trên mình mỗi một khẩu súng. Tôi đã sống giữa bao kẻ phản trắc của xã hội này và đã sống giữa một vùng thiên nhiên đầy những cạm bẫy, nên tôi luôn luôn biết cách phòng xa. Một số đạn dược và một khẩu súng phòng bị cùng với thuốc men, lương khô, vẫn được tôi đem cất giấu trong một hang hốc kín đáo gần nơi mình ở. Ngay cả ông Chúp là người thân tín duy nhất của tôi, là người mà tôi hết lòng tin cậy vì cái bản chất trung thành và tính tình đôn hậu, tôi vẫn không hề cho biết chỗ chôn cất ấy. Cuộc sống dạy cho tôi hiểu là nên tin cậy con người, nhưng vẫn phải biết đề phòng con người. Đối với những kẻ thật là gần gũi, nhiều khi chúng ta khó nhìn thấy những biến đổi bất ngờ có thể xảy ra vào lúc mà các điều kiện bình thường đã bị đảo lộn. Hoàn cảnh dễ làm thay đổi con người, khi bản chất của con người chưa được củng cố bằng một ý thức sâu xa đối với lẽ phải và chưa có một nghị lực bền vững để mà hộ trì cho ý thức đó.

Lửa càng sáng tỏ thì nỗi cô độc của tôi lại càng tăng lên. Đã quen sống với Thanh Lâm và đã tìm thấy nơi người bạn rừng một sự cảm thông âm thầm, một sự nương tựa vững chãi, bây giờ tôi bỗng bơ vơ trong nỗi xót xa. Chắc là Thanh Lâm đã bị bắt đi, nàng có bị họ đánh đập, bị gây thương tích nào không? Thật là tội nghiệp cho nàng khi phải tiếp xúc với một bọn người tự nhận thông thái và tự hào là văn minh theo kiểu loại đó.

Tôi không thể làm gì được trong cõi đêm dày đang bủa vây quanh. Đêm tối mệnh mông, đậm đặc đang ôm ghì lấy núi rừng và đang siết chặt lấy tôi. Tôi ngả người trên nệm lá, không thiết đến sự ăn uống, nghĩ ngợi về một ngày mai hầy còn mịt mờ.

Tôi bỗng thấy rõ nanh vuốt cuộc đời đã không bằng lòng dừng lại ở nơi ngưỡng cửa rừng sâu. Tôi đã rời bỏ cái xã hội ấy, trốn vào nơi thâm xa này, chỉ sống với mỗi một người bạn già chất phác, làm bạn với mỗi một con người rừng, thế mà xã hội đầy lòng tham lam và ác tính ấy đâu có chịu để tôi yên? Trốn chạy vẫn không thoát được. Bàn tay lông lá của nó quá dài và nanh vuốt nó đã bao trùm khắp. Chỉ còn có mỗi một cách là phải đương đầu với nó mà thôi. Người ta chỉ chiến thắng được bằng cách đương đầu, không thể nào thắng lợi được bằng cách trốn chạy.

Tôi đã thao thức suốt đêm, trần trọc, cảm hận trên cái nệm lá quá tả tơi rồi. Lửa đỏ không sưởi ấm được hồn tôi, bởi ở trong đó là cả một khoảng mệnh mỏng lạnh giá kết thành khối lớn như một băng sơn rọi sáng bao nhiêu hình ảnh ma quái của cuộc đời này. Tôi đã ngồi lên khi tiếng chim rừng đầu tiên báo hiệu canh tàn. Làn mờ lấy nước ngoài sông trong bóng cây rừng loạng choạng, tôi nấu một nồi cơm sáng. Bữa cơm đã được thanh toán trong nỗi buồn ba ngẹn ngào.

Khi trời rưng sáng lơ mờ ở chân mây xa, tôi đảo nhìn một lần nữa chỗ hang hốc này, đứng một giây lâu trước chỗ Thanh Lâm nằm ngồi hằng bữa, rồi tôi ra chỗ cất giấu, lấy súng và đạn cùng ít lương khô băng rừng mà đi.

Tôi đi về đâu, tôi cũng không rõ cụ thể hành trình sắp tới của mình. Tôi phải ra khỏi nơi hang hốc này, ra khỏi rừng này mới quyết định được hướng mình sẽ tiến. Giả thử có ông già Chúp bên mình thì tôi đỡ khổ bao nhiêu. Tôi sẽ không bị lũ người kia đánh thuốc mê dễ dàng như thế, và chắc chắn là Thanh Lâm cũng không bị họ bắt đi. Tôi biết ông Chúp không bao giờ chịu uống của người lạ bất cứ một ngụm nước nào, hay ăn của người lạ mặt bất cứ một miếng cơm nào. Con người già cả lặn lội gần suốt cuộc đời giữa núi rừng này có một bản tính đa nghi quái gở, hầu như ông nhìn ở đâu cũng thấy bất trắc, cạm bẫy, và ông giữ mình theo một kỷ luật vững chắc lạ lùng. Điều đáng quý ở nơi ông là không vì thế mà sự hiền lành, chất phác lại bị giảm mất, trái lại chính sự đề phòng thường trực chừng như lại làm cho ông càng biết điều hơn.

Tôi đợi mặt trời soi tỏ dấu ngựa của bọn người kia rồi men theo dấu vết đó lặn lội xuống một thung lũng đổ ra một ngõ sông hẹp. Bọn người kia đã qua sông. Căn cứ vào điều quan sát tôi biết họ đã đi trước tôi độ một ngày, và hẳn họ đã vượt qua nơi đây vào chiều hôm qua. Tôi vội cõng đồ, lội qua dòng sông lạnh buốt, rồi vừa lên bờ tôi theo dấu họ đi thật gấp rút. Tôi bắt gặp dấu lửa bếp, chỗ họ nghỉ chân, cách bờ không xa. Đã ba giờ chiều. Như vậy, sáng nay họ đã rời khỏi nơi đây, và tôi tự hỏi tại sao đã có sức ngựa mà họ tiến bước quá chậm như thế? Chắc họ không thạo đường đi, hay vì Thanh Lâm là một sức cản nặng nề với họ? Tôi cố đi thêm, hy vọng một lúc nào đó sẽ đuổi theo kịp, biết con đường về phố chợ gần nhất với núi rừng này cũng phải ít nhất mười ngày.

Tôi đi cho đến tối mịt mới chịu dừng lại. Không còn thì giờ để tìm củi khô và một hang hốc trú ẩn, tôi leo lên một cây cao mắc võng nằm đỡ qua một đêm dài. Về khuya, trời thật giá lạnh và sương rơi nhiều. Tôi nằm lơ mơ nghe loài thú dữ rảo quanh, tiếng suối rì rầm bất tận và nghe đất trời như đang rên rỉ trong nỗi đau thương khôn cùng.

Tôi lại dậy sớm, lo phần cơm nước đủ ăn cả ngày hôm ấy để khỏi mất công dừng lại dọc đường. Nhờ họ đi toàn bằng ngựa với những vật dụng công kênh nên dấu lưu lại trên đường thật rõ và tôi chẳng mất công nhiều để mà tìm theo.

Đến trưa hôm ấy, tôi gặp dấu họ nghỉ chân đêm qua. Như thế, họ mới rời khỏi nơi đây vào lúc sáng nay, và họ chỉ vượt hơn tôi độ nửa buổi đường. Chậm lắm là qua ngày mai tôi sẽ đuổi theo kịp họ. Cố gắng đi mau tôi có thể thấy được họ vào khoảng trưa mai, ở một chặng rừng nào đó. Nhưng tôi hiểu rằng chỉ mỗi một mình tôi sẽ gặp nhiều khó khăn nếu phải đụng độ vào lúc ban ngày. Tốt hơn, tôi sẽ tìm họ vào lúc đêm tối.

Tôi không đi quá vội vàng như ngày hôm qua và tối hôm ấy tôi dừng lại bên suối nước hơi sớm, đốt một đống lửa sưởi ấm và nướng mấy con thỏ rừng săn được ban chiều. Ngày mai, tôi tránh nổ súng vì ngại biết đâu bọn họ vẫn còn chênh mảng dọc đường, sẽ nghe thấy được và kịp đề phòng. Tôi phải ăn no, ngủ kỹ đêm nay, chuẩn bị lương thực cho cả ngày mai mà tôi đoán phải dùng sức khá nhiều.

Sáng dậy, tôi lo cơm nước xong xuôi, gói ghém đồ đạc gọn gàng, soát lại súng đạn và tôi lên đường. Bao giờ tôi cũng thu dọn dấu vết những nơi ngừng nghỉ của tôi rất là chu đáo, trước khi ra đi. Tôi quen với sự phòng ngừa như thế và khó ai biết rõ được chặng đường tôi đã đi qua.

Tôi định ninh khoảng gần trưa sẽ tìm thấy được dấu họ nghỉ chân đêm rồi. Nhưng mới đi chừng tiếng rưỡi đồng hồ tôi đã nhìn thấy dấu vết nơi họ tạm trú. Như thế, họ chỉ còn cách xa tôi trên dưới một giờ đồng hồ đường rừng, và nếu bọn họ dậy trễ, đi chậm, thì ở trước tôi chẳng xa. Bây giờ tôi phải đi thật chậm lại để chờ tới đến.

Đến trưa hôm ấy, tôi đang ngồi trên một tảng đá cao che khuất dưới một tàng lá kín đáo nhìn ngắm quanh mình bỗng thấy một làn khói dày bốc lên ở phía dưới núi. Bọn họ đang ở trước mặt tôi đây. Ý nghĩ sẽ gặp lại họ và được thấy lại Thanh Lâm càng làm cho tôi bồn chồn.

Cuối cùng, không đành lòng mình nữa, tôi thu xếp vội đồ đạc cất giấu vào một hốc đá rồi xách súng men tìm về hướng khói. Bọn chúng hẳn đang nghỉ trưa và phải một đôi giờ nữa mới lại lên đường. Tôi phải gắng đi thật nhanh để bắt gặp chúng ở trong giấc ngủ, hay trong lúc chúng chưa chuẩn bị gì.

Tôi bò lê sát mặt đất và luồn trong các bụi rậm khi biết mình đã tới gần. Tôi cũng lựa chiều hướng gió thổi tới để nương mình theo. Đó là việc làm trái ngược với sự săn rình, bởi khi săn bắn bao giờ người ta cũng phải đi ngược chiều gió để con mồi khỏi đánh hơi được mình. Nhưng tôi có dụng ý khác. Tôi hy vọng rằng Thanh Lâm có đây, và với khứu giác tinh tế của nàng thế nào nàng cũng bắt được trong gió sự hiện diện quanh đây. Chúng tôi có thể báo tin cho nhau qua hơi gió thổi man mác giữa núi rừng này, chúng tôi có thể dễ dàng cảm nhận được nhau mà không cần phải nhìn thấy, mà không cần nghe tiếng nói của nhau. Tự nhiên, trong phút giây đó tôi thấy Thanh Lâm gần gũi với tôi lạ lùng, gần gũi như nàng là một bạn đường đã chia xẻ hết những nỗi khổ nhọc mà chúng tôi phải gánh chịu.

Đi theo chiều gió có điểm bất lợi là những tiếng động vô ý gây ra dễ khiến cho bọn người kia chú ý. Nhưng tôi biết chúng không phải là những thợ săn lành nghề, và cái thái độ chủ quan của những bọn người tự nhận văn minh sẽ không giúp chúng nghe thay gì khác, ngoài các tiếng ồn bất tận của núi rừng này.

Khi còn cách chỗ bọn họ độ vài chục thước, hé mắt nhìn qua kẽ lá xanh dày, tôi thấy gã ngoại quốc lớn tuổi nhất, con người đeo một bộ râu quai nón và được kẻ như linh hồn bọn đó đang ngồi bên bếp lửa đỏ trên đặt chiếc nồi nhôm lớn. Gã đang nấu nước hay thức ăn gì hầm bổ sau giấc ngủ trưa. Bọn này mãi lo ăn uống, nên sự chuyển dịch chậm chạp và tôi đã đuổi theo kịp ngoài cái thời gian dự liệu.

Gã thông dịch và người trẻ tuổi nằm ngủ trên hai chiếc võng treo giữa các thân cây lớn. Ở một gốc cây gần bên Thanh Lâm đang ngồi dựa người, hai tay cũng như hai chân bị trói chặt lại. Tôi thấy đôi mắt của nàng mở rộng hướng về phía tôi, vẻ mặt tỉnh táo thoáng hiện một ý vui mừng. Tôi biết nàng đã nhìn thấy tôi qua hơi gió và tôi chỉ ngại nàng để biểu lộ sự khám phá ấy cho bọn người kia biết được thì thật nguy khốn. Nhưng chắc Thanh Lâm có đủ khôn ngoan để không làm hỏng kế hoạch tôi đến giải cứu cho nàng.

Thoáng trong lúc ấy, tôi có một sự tính toán thật mau. Nếu tôi nổ súng bắn ngã tên ngoại quốc kia đang ngồi thoải mái ở bên bếp lửa thì tôi chỉ còn có hai kẻ thù để phải đối phó. Hai kẻ thù ấy choàng dậy trong lúc tay không khí giới và không đoán biết được tôi hiện ở nơi nào sẽ làm những cái bia tốt cho những viên đạn của tôi. Nhưng giết chết cả ba người sao? Dù chúng đối xử với tôi một cách gian manh, nhưng sát hại chúng, lòng tôi không nỡ. Chúng đã cướp đoạt Thanh Lâm, nhưng đã để yên mạng sống cho tôi. Có phải vì lòng nhân đạo hay vì lý do nào khác, chúng đã để tôi nằm lại trong hang hốc đó sau khi tôi đã ngủ vùi vì chất thuốc mê. Dù sao chúng đã xử sự theo cái lẽ lối văn minh mà chúng tiếp nhận. Còn tôi, giết chúng vì tội cướp đoạt một người bạn rừng mà tôi có thể giành lại, tôi không nỡ lòng.

Một lát, bỗng tên ngoại quốc mang râu quai nón quay về phía hai người kia, gọi lớn:

Hê-lô!

Bọn kia choàng dậy. Tên thông dịch nói:

Chà, ngủ ngon quá đi.

Gã tuổi trẻ kia ngáp dài, làm bầm:

Mới có hai giờ thôi mà.

Hai giờ là quá trễ rồi. Tôi đã khuyên bảo các người là ở trong rừng chớ ngủ giấc trưa.

Nhưng phải nhận rằng giấc trưa ở rừng thật là thú vị.

Đừng làm, chẳng thú vị đâu. Sự mê mệt ấy không thể quan niệm như một giấc ngủ say sưa ở chốn đồng bằng. Chúng ta ăn món cháo này rồi lên đường thôi.

Gã quay lại phía Thanh Lâm:

Cái con vật này có chịu ngủ đâu. Tôi đã cho nó một mũi thuốc mê khá mạnh, thế mà nó chỉ chớp mắt giây lát rồi choàng dậy rồi.

Gã trẻ tuổi bảo:

Chắc là bản chất nó mạnh.

- Có thể như thế, mà có thể là loại thuốc này không hợp với tạng chất nó. Nhớ hôm nào ta cho cái thằng khùng kia uống chỉ nửa liều trong một ca nhỏ cà phê mà nó đã lăn ra ngủ như chết ngay liền sau đó. Con quái này uống gấp đôi trong ống nước kia mà có hề hấn gì đâu.

Tôi nghe bọn chúng gọi tôi là một "thằng khùng" và Thanh Lâm là "con quái" mà muốn bật cười. Dưới con mắt chúng, chỉ những kẻ sống như chúng quan niệm mới là sáng suốt và khôn ngoan thôi. Nhưng tôi đã hiểu vì sao Thanh Lâm chịu được các liều thuốc mê mà vẫn tỉnh táo như thường. Thời gian chữa trị cho nàng tôi dùng loại đó quá nhiều, cơ thể của nàng đã thành quen thuộc đến vô hiệu hóa các dược chất ấy. Đồng thời cũng nhờ sức mạnh của nàng, và sức mạnh ấy hẳn đã giúp nàng chống chọi lại được bọn này và làm trì hoãn hành trình của chúng không ít.

Khi bọn chúng quay lại ăn, tên râu quai nón đổ một phần cháo vào chiếc "cà mên" mang lại chỗ Thanh Lâm ngồi. Gã đưa tay làm dấu hiệu như mời mọc rồi cầm cái thìa múc cháo đưa vào miệng nàng. Thanh Lâm mím chặt lấy miệng, trợn mắt nhìn gã một cách dữ tợn. Gã làm như không quan tâm đến thái độ ấy, cứ nài ép nàng và ần múng cháo vào miệng. Nhưng một cái quay ngoắt đầu rất mạnh, Thanh Lâm đã hất múng cháo đổ hết ra ngoài, và đưa hai tay trối chạt đánh vào mặt gã. Gã nhảy lùi lại, chửi thề, đem cháo lại bếp. Tên người Việt nói:

- Cứ để cho nó đói thêm, rồi sẽ đến lúc nó xin chúng ta mà ăn.

Gã trẻ tuổi noi:

- Tôi sợ loài thú ở rừng thường nuôi quá lâu thù oán trong lòng. Chúng ta còn phải khó khăn rất nhiều mới mong thuần hóa nó được.

Gã râu quai nón lầm bầm:

- Sẽ đến một lúc nó không cử động được nữa. Đã ba ngày rồi nó có ăn chút gì đâu. Nó cũng không uống, chỉ trừ một lần qua sông nó nhào người xuống và làm một bụng khá đầy. Dù sao, tôi nghĩ nó có thể cầm cự được một tuần là ít. Ở rừng đâu phải lúc nào cũng sẵn thức ăn.

Bọn họ ngồi xúm xít ăn cháo không nói thêm lời nào nữa. Lúc này, thật là thuận tiện để tiêu diệt chúng. Nhưng tôi vẫn thấy không thể đành lòng làm vậy.

Khi họ chuẩn bị lên đường, tôi vẫn còn nằm dán mình dưới đất, đưa mắt qua kẽ lá dày theo dõi từng diễn biến nhỏ với những bối rối trong lòng. Thanh Lâm được gã ngoại quốc trẻ tuổi và người Việt kia khiêng lại đặt ngồi chung ngựa với gã có râu quai nón. Nàng đã kháng cự một cách quyết liệt khi họ tới lôi nàng dậy, và họ tỏ ra ngạc nhiên trước sự hung dữ trở lại với một cường độ như thế. Gã người Việt nói:

- Lạ thật! Nó vẫn chưa chịu yếu đi vì đói mà còn tỏ ra hung hăng gấp bội.

Gã trẻ tuổi bảo:

- Tôi đã nói mà. Nó còn chịu đựng khá lâu mới chịu khuất phục.

o o o

Thỉnh thoảng trong cơn vùng vẫy Thanh Lâm vẫn nhìn về phía tôi đang ẩn núp nhưng tuyệt nhiên nàng không tỏ vẻ gì quá đáng có thể tố cáo được tôi. Họ đã tháo rời dây trói chân nàng để nàng có thể ngồi trên mình ngựa và lấy sợi dây vòng qua bụng ngựa giữ hai chân lại, sợ nàng trốn thoát. Xong gã người Việt dẫn đường đi trước, rồi đến gã râu quai nón cùng chở Thanh Lâm, gã ngoại quốc trẻ tuổi thì đi sau cùng.

Nếu sát hại họ tôi đã có thể hành động bất cứ lúc nào. Một người chơi lại ba người trong trường hợp này thật là dễ dàng quá sức. Nhưng tôi đành phải im lặng quay lại nơi đã cất giấu đồ đạc rồi theo sau họ, giữ một khoảng cách cần thiết để khỏi gây nên ngờ vực. Bây giờ tôi hiểu vì sao họ đi quá chậm khiến tôi đuổi kịp họ ngoài thời gian dự liệu. Không chỉ vì sự ăn uống nghỉ ngơi kiểu cách nặng nề, họ còn bị cô bạn rừng của tôi quấy rầy không ít. Cảnh vực nàng ngồi lên ngựa không phải là không vất vả và chắc đưa nàng xuống ngựa cũng rất gian nan.

Tôi thông thả đi, thỉnh thoảng dừng lại hái đôi trái rừng chín mọng bên đường ăn cho đỡ khát. Trái rừng ở đây thật nhiều loại ngon đậm chất ngọt chua dễ làm kích thích vị. Ông Chúp đã cho tôi hiểu khá nhiều về cây trái rừng nhưng đi sâu về vùng này có những giống loại ông không biết được. Núi rừng là một thế giới phong phú kỳ lạ, chẳng ai có thể tự hào hiểu biết đủ đầy.

Khi hoàng hôn chưa rũ tấm màn đen trên chốn thiên nhiên quá mệnh mông này, tôi đã trông thấy đám người đi trước dừng lại bên một bờ suối, dựng lều, đốt lửa. Lều vải của họ khá rộng, được căng rất chóng và các phương tiện nấu nướng của họ cũng thật tiện lợi. Tôi tìm một chỗ khuất vắng bên trên dòng nước để nằm nghỉ ngơi và ăn phần cơm nguội lạnh đã được chuẩn bị từ sáng. Tôi cố ăn cho sạch nhẩn gói cơm còn lại và uống một bụng nước suối. Bóng tối đã xuống chập choạng từng mảng đó đây và tiếng rừng lúc chuẩn bị đêm ve xao xác chung quanh. Tôi nghe gió lạnh rít lên từ thung lũng xa xoáy về ào ạt qua những cây rừng và tôi nhồm dậy, chậm rãi tiến về phía đám người kia, lựa đúng hướng gió như tôi đã từng thấy rõ từ trưa tác dụng đối với Thanh Lâm.

Tôi đã tìm được một chỗ ẩn mình khá tốt giữa hai tảng đá có một khoảng trống đủ nhìn tường tận cảnh trí bày ra trước mắt của mình. Bọn họ chưa chui vào lều, còn đang chuyện gẫu quanh lửa, vừa ăn vừa uống một thức gì đó. Tôi hơi xa cách và không ở ngược chiều gió nên không nghe được họ nói với nhau những gì. Tôi thấy Thanh Lâm nằm yên, thỉnh thoảng như ngóc đầu dậy hướng về phía tôi có vẻ đợi chờ. Có lẽ nàng đã đoán hiểu được ý định tôi và nàng đang cố dần lòng nằm yên như thế chứ không ngẩn mình ngồi lên như lúc ban trưa.

Tôi xem đồng hồ. Mới chín giờ tối. Cả bọn lần lượt chui hết vào lều và Thanh Lâm cũng được đem vào trong. Tôi thấy gã râu quai nón lúi cúi cột một sợi dây vào gốc cây ở cạnh lều và tôi chợt hiểu. Chúng cột Thanh Lâm vào đấy, vì sợ dù trói chặt rồi nàng vẫn có thể trườn dậy tìm cách trốn đi.

Tưởng tượng nàng bị trói chặt như thế suốt đêm và gần như là suốt ngày, tôi thấy xót xa vô hạn và nổi căm hờn lại nghe bừng dậy trong lòng. Thế mà Thanh Lâm còn chịu đói khát đã mấy ngày nay. Nàng đã từ chối thức ăn, thức uống, đưa đến từ những bàn tay mà nàng coi như thù nghịch, và nàng chịu chết để khỏi khuất phục. Thái độ của nàng làm tôi cảm phục và tôi thấy nơi con người rừng ấy có gì cao hơn là cái bản năng, là lòng tự ái, hay sự cố chấp của một thành kiến hẹp hòi. Tôi đã lặn lội bao nhiêu năm nay ở trong rừng già, đã quan sát thật tường tận khá nhiều cuộc sống hoang vu, đồng thời cũng tìm đọc trong sách vở những gì là nét đặc biệt của các sinh hoạt thú rừng, và tôi moi ngày mỗi ngạc nhiên hơn nhận thấy có nhiều những thói tục tốt ở nơi loài vật mà con người vẫn tưởng rằng chỉ riêng họ mới có được. Tôi cũng từng thấy những đàn trâu lớn nghe mùi hổ báo bèn mảng đã vội quây thành vòng tròn, lừa các con nghé vào trong và chĩa sừng ra làm hàng rào cản kiên cố ngăn giữ kẻ thù. Loài trâu cũng biết kết đoàn, cũng biết bênh vực kẻ yếu trong đồng loại mình, và nhiều loài khỉ, loài vượn cũng biết san sóc những bậc tuổi tác trong bầy loại chúng. Thậm chí có những giống loại khỉ đột chỉ ăn khi nào các kẻ già nhất trong chúng đã ném qua thức ăn rồi và chúng luôn luôn lùi lại bên đường khi gặp các vị trưởng thượng đe nhường bước cho các vị đi qua. Những sự khép nép và cung kính ấy có một vẻ gì làm ta xúc động, khi nghĩ đến sự hỗn loạn và sự bất kính trong một xã hội của những giống loại thú rừng khác, gọi là con người. Trong các sinh hoạt ái tình, nhiều loại có những phản ứng rất đẹp. Những loài có vẻ hung dữ như sư tử hay hổ báo, vẫn không xử sự một cách tàn bạo đối với giống cái, và nhiều giống loại không hề biết đến bạc bẽo, phụ phàng. Ái tình của chúng thường bắt đầu bằng một sự gọi hỏi, một kiểu dò ý, một sự chiều chuộng thăm thẳm và sự âu yếm nồng nàn. Ngay cả giống mối là loại côn trùng bé nhỏ, tồi tàn là vậy, mà cũng có một kiểu cách chung sống thật là kỳ diệu: mỗi con vẫn quen đi động nhờ vào mấy chiếc râu sừng, vẫn quen đánh hơi kẻ thù, dò xét mọi việc bằng râu sừng ấy, thế mà khi chúng lấy nhau, chung sống cùng nhau thì chúng bắt đầu cắt đứt giúp nhau các chiếc râu sừng. Và kể từ đó, chúng phải cậy dựa lẫn nhau để sống, hòa hợp làm một, bởi tách rời ra chúng sẽ bị tiêu diệt ngay. Cái râu sừng ấy khiến ta nghĩ đến tấm lòng tự ái ở nơi con người, đó cũng là óc vị kỷ, là cái ý thức chủ quan hẹp hòi trong mỗi chúng ta. Trong cuộc chung sống loài người, nhiều khi khư khư giữ chặt lấy râu sừng ấy, và sẵn sàng tách khỏi cuộc đời chung một cách dễ dàng.

Người ta có thể nói rằng tất cả những hiện tượng đó chỉ là phản ứng âm u của các bản năng, không phải là

cái kết quả của một ý thức, của một suy luận. Lối lập luận ấy mang đầy tính cách tự tôn của người, và dầu có nói lên được ít nhiều sự thực vẫn không cho thấy được giá trị này: chính nhờ các đặc tính ấy mà các giống loại nói trên đã tồn tại và phát triển, nếu không chúng bị tuyệt diệt từ lâu trong cuộc cạnh tranh sinh tồn.

Nhưng các phản ứng có ý thức của một người như Diễm Tuyết thực sự có giá trị gì? Nàng biết trau dồi nhan sắc cho xinh đẹp hơn, nhưng sự ăn không ngồi rồi của nàng chỉ làm nguy hại thêm cho xã hội, nàng có thể biết đủ loại phim ảnh, nói các sinh ngữ, hát các bản nhạc, ăn các nhà hàng và phân biệt được xấu tốt, ngon dở trong các loại đó, nhưng nàng đâu biết bảo vệ đồng bào, đồng loại của mình? Thà rừng rú như Thanh Lâm, hoang dã như Thanh Lâm mà cái ý thức về mình không làm nguy hại đến những kẻ khác.

Với bao nhiêu mỗi cảm nghĩ ngổn ngang, tôi chờ giấc ngủ của bọn người kia cho thật chín mùi. Rồi tôi lấy ở trong gùi một nắm lá rừng học được của ông già Chúp mà suốt chiều nay tôi đã dò dẫm kiếm tìm dọc các khe suối trên đường theo vết kẻ thù, cẩn thận bỏ tới đồng lửa, ném vào trong đó. Không có thời gian phơi phong nên lá còn tươi, nhưng đồng lửa hồng to rực sẽ ngổn cháy hết, và trong thoáng chốc một mùi khói nồng hăng hắc xông lên. Tôi đã nhúng sẵn khăn ướt để choàng lên mũi cho khỏi hắt hơi, rồi bỏ lui ra khá xa, ngược lại chiều gió thổi về bếp lửa. Một lát, khói nồng loãng tan vào trong không khí rừng già. Tôi quay trở lại chỗ cũ, gần ngôi lều vải. Tiếng ngáy của đám người kia vang ồn như sấm, chúng đã ngủ mê mệt rồi. Tôi tự nhủ thầm: "Chúng mày đã dùng những chất hóa học của cái xã hội gọi là văn minh để đánh mê tao, nhưng tao cũng biết sử dụng chất liệu thiên nhiên để đối phó lại". Điều khác biệt chẳng là chúng đã khai thác lòng tin cậy, đã dùng đến sự dối trá để mà lường gạt đồng loại. Còn tôi, tôi không hèn hạ như thế. Tôi phải đối phó vì bị thiệt thòi, và những nỗ lực của tôi dù có quyết liệt bao nhiêu cũng chỉ là để đòi lại một sự công bằng.

Tôi đưa tay tìm hòn đá ném về phía lều. Tiếng ngáy vẫn cứ vang giòn trong một nhịp điệu say sưa. Tôi ném mạnh hơn một viên đá khác vào phía trong lều, vẫn không có gì chứng tỏ là chúng sẵn sàng tỉnh thức. Có lẽ chúng đã ngủ giấc ngon lành nhất trong đời chúng, và tôi không nên trì hoãn thêm một phút nao.

Tôi bước vội lại gốc cây, mở dây từ đôi chân của Thanh Lâm bị trói chặt được buộc vào đấy, rồi luồn vào trong lều vải mở gấp dây trói ở đôi chân nàng. Tôi thấy đôi mắt Thanh Lâm mở rộng long lanh nhìn tôi trong vùng ánh sáng lơ mơ từ ngoài chiếu rọi vào lều và hơi thở nàng mệt nhọc. Thanh Lâm đủ sự khôn ngoan để không cất lên một tiếng kêu nào, nhưng được tháo mở nàng đã vội vàng ngồi dậy. Vừa mới gượng lên, nàng đã té xuống vì chân tê liệt sau mấy ngày dài trói chặt. Tôi ấn nàng xuống ra dấu bảo nàng nằm yên rồi mở dây trói nơi tay của nàng. Xong tôi vực nàng ra khỏi chiếc lều, tiến về chỗ cột bày ngựa, đặt nàng lên con ngựa kim quen thuộc mà nàng đã từng đi chung trong mấy ngày qua. Lướt lẹ một lúc, tôi quay trở lại căn lều. Tôi phải lấy lại súng đạn của tôi và tất cả súng đạn chúng chất lên lưng một con ngựa. Như thế là lẽ công bằng. Gieo gì thì phải gặt nấy, và tôi đang làm những gì mà chúng đã làm cho tôi. Dù sao, chúng có ba người, chúng không khốn đốn như tôi. Vừa toan lên đường, tôi thoáng có một ý nghĩ và tôi rút một cây súng và một ít đạn quay lại bỏ vào trong lều. Tôi không muốn chúng hoàn toàn bị tước đoạt hết khả năng chống lại thú dữ ở chốn rừng già. Tôi cũng không muốn bọn họ thêm thịt nhưng phải ăn toàn rau rừng trái cây trong những ngày dài tìm về xã hội gọi là văn minh. Và tôi cũng muốn cho chúng thấy rằng con người rừng rú như tôi vẫn còn nhân đạo hơn chúng, vẫn biết nghĩ đến đồng loại, kể cả trong lúc mà tôi có quyền trừ diệt chúng đi như một mối họa.

Tôi xoa nắn lại tay chân Thanh Lâm rồi nhảy lên một con ngựa, ra dấu cho nàng đi trước. Tôi dắt thêm một con khác chở gùi của tôi và các súng đạn lấy được theo sau. Chỉ trong chốc lát Thanh Lâm đi được mau hơn và nàng như lành khoi cơn tê liệt vừa rồi.

Đường rừng về đêm rất khó di chuyển song với Thanh Lâm chẳng trở ngại gì. Đi được một quãng thì đến bờ suối, Thanh Lâm nhảy vội xuống ngựa và nàng nhào tới trên hai cặp chân chênh choạng vực người xuống nước uống thật hăm hở. Trong bóng rừng đêm tôi thấy đầu nàng như cắm sâu xuống dòng suối và tiếng ừng ực nuốt nước của nàng có một vẻ gì thật là quái gở. Tôi phải nhảy xuống kéo nàng ngồi lên, sợ nàng khát mà uống quá nhiều.

Thanh Lâm loạng choạng đứng dậy, thở dốc mệt nhọc. Tôi bảo:

- Hãy ngồi nghỉ cho khỏe lại đã nào.

Rồi tôi đưa nàng lại một tảng đá cạnh đấy. Chúng tôi cùng ngồi im lìm trong bóng đen dày, giữa cõi rừng đêm bao la, vẫn còn một mối hoài nghi nên chưa cảm thấy hết được nỗi vui thoát nạn. Tôi nghĩ đến sự may mắn trong cơn rủi ro vừa qua. Ba con ngựa kia và những súng đạn mà tôi lấy được sẽ giúp ích nhiều cho chuyến

khai thác Mả Voi sắp tới.

Tôi vỗ nhẹ lên bờ vai thon thả của người bạn rừng, vuốt mái tóc rối của nàng, mái tóc ẩm ướt nước suối rờn rờn chảy xuống mặt nàng. Gặp lại Thanh Lâm là điều vui sướng vì từ khi đã quen thân bao giờ tôi cũng cảm thấy yên ổn trong sự cận kề, chừng như Thanh Lâm là nỗi che chở an lành vô hạn.

Bỗng trong bóng tối cặp mắt Thanh Lâm như bừng sáng lên và nàng ngồi thẳng ngay dậy. Nàng muốn gì đây? Những phút im lặng vừa qua đã khuấy động trong hồn nàng suy tưởng gì chẳng? Rồi nàng đứng lên, đưa một bàn tay bấu chặt vai tôi như bày tỏ một quyết định. Và lần đầu tiên, tôi nghe giọng nói rùng rú của nàng cất lên tiếng nói phản truyền:

- Ngồi đây.

Thanh Lâm cố gắng khá lâu mới nói được hai tiếng ấy, giọng nàng khá rõ và thật thanh tao. Thỉnh thoảng trước kia nàng cũng từng nói những tiếng rời rạc, những câu ngắn ngủi, để trả lời tôi hơn là tự động phát biểu. Cái quyền được nói chưa thật quen thuộc với nàng và ngôn ngữ nàng cũng ở trong thế bị động như hoàn cảnh nàng. Nhưng bây giờ nàng truyền lệnh cho tôi ngồi lại tảng đá trong đêm, để làm gì đây?

Tôi vừa phân vân tự hỏi thì nàng đã bước chệnh choạng lại gần con ngựa và trong thoáng chốc nhảy lên con ngựa phóng đi.

Tôi thật bàng hoàng, định kêu nàng lại nhưng nàng đã biến mất rồi. Nàng đã bảo tôi ngồi đây là bảo đợi chờ, và đợi chờ nàng làm gì? Nàng vừa quay về trên con đường cũ... Tôi bỗng giật mình, chợt hiểu và thâm tự trách về sự suy đoán chậm chạp của mình.

Lập tức, tôi lại con ngựa đã cưỡi phóng lên và đuổi theo nàng. Rừng đêm, cây cối rậm dày khó tiến cho mau, tôi phải vất vả khá lâu mới đến được chỗ ban nãy, nơi đám người kia dựng lều. Tôi thấy một ngọn lửa lớn bùng lên từ nơi lều vải và Thanh Lâm ngồi sừng sững trên ngựa, bất động như một pho tượng, đôi mắt phản chiếu ánh hồng như rực cháy sáng trong đêm.

Tôi kêu:

- Thanh Lâm!

Nàng khẽ quay lại nhìn tôi, vẻ mặt động nét căm hờn dữ dội lạ thường. Tôi tiến về phía căn lều, ý định muốn dập tắt mau ngọn lửa đang hủy diệt ấy. Nhưng các vũng máu loang trên đất gần đấy đã cho tôi hiểu. Ba người kia bị Thanh Lâm giết chết trong giấc ngủ say, và nàng đã kéo xác họ ra đây cấu xé rồi dón vào trong lều kia nơi lửa mà thiêu rụi đi. Những đồng củi khô được nàng ném hết vào lửa, cũng như nàng đã ném hết vào đó tất cả đồ đạc của ba con người đã hành hạ nàng suốt mấy ngày qua. Nàng chứng kiến cho ngọn lửa đốt cháy tất cả, và sẽ không rời chốn này khi các dấu vết kẻ thù còn trước mắt mình.

Tôi cũng đứng yên chứng kiến sự thiêu hủy đó. Lâu lắm ngọn lửa mới tàn, thoi thóp trên đồng than hồng đỏ rực hắt chiếu trên các cây lá chung quanh như ánh sáng chiều soi sáng. Mùi thịt cháy khét cùng với mùi vải và nhiều chất cây lá khác tỏa nồng. Tất nhiên ngọn lửa không sao đốt cháy hoàn toàn được xác ba người. Nó chỉ phát biểu cho nỗi căm thù ngùn ngụt nơi lòng Thanh Lâm, nỗi căm thù ấy lạ thay như được bùng lên bằng chất nước suối vừa rồi. Có lẽ Thanh Lâm đã quá mệt nhọc vì phải nhịn khát nhiều ngày, nay nhờ uống một bụng nước mà nàng tỉnh lại, và ý báo thù nổi dậy nơi lòng nàng khiến nàng đã vụt chạy đi. Hay là nước suối nhắc lại cho nàng những phút khô khát tàn nhẫn mà nàng trải chịu, đã từng khiến nàng liều mình nhào xuống một lần nào đó để mà tìm uống một cách gian nan?

Dầu sao thì cùng với ngọn lửa tàn dịu lại, nỗi căm thù kia cũng đã nguôi khuây. Khi cái lưỡi lửa cuối cùng tắt sập chỉ còn than hồng râm ran, Thanh Lâm mới quay trở lại nhìn tôi. Ở trong ánh sáng lờ mờ vẫn còn khét nồng thịt người đốt cháy, tôi thấy một nụ cười nhẹ thoáng trên khuôn mặt của nàng.

° ° °

Sau cuộc trả thù Thanh Lâm bỗng có một vẻ quẩn rũ kỳ lạ, và tôi hiểu đó là sự cuốn hút của cái sức mạnh tinh thần. Tôi không nghĩ nàng chỉ có bản năng và những phản ứng hoàn toàn thấp kém, âm u, mà nơi nàng vẫn thao thức những mối căm nghĩ đơn giản nhưng cũng hết sức phân minh. Thanh Lâm đã biểu lộ rõ

thương yêu cũng như căm ghét và chưa hề tỏ một cử chỉ nào làm tôi khiếp hãi kể từ ngày nàng quay lại hang đá. Nhưng đối với lớp người này, những kẻ đã coi thường nàng, đã trối bực nàng và lợi dụng nàng như món đồ vật trang trí cho sự hiểu biết của chúng, thì nàng đã có thái độ thù nghịch và bất khoan dung thật là quyết liệt. Tôi yêu sự rành mạch đó, bởi tôi đã sống nhiều năm trong xã hội đầy những rối loạn tình cảm, nơi sự xấu tốt không còn phân biệt rõ ràng và sự yêu ghét chẳng được bao giờ rõ rệt. Chính sự lơ mờ, hỗn độn là nỗi đau khổ sâu xa cho những ai từng khát khao tìm các giá trị tinh thần, bởi lẽ trắng đen, chân giả không sao còn nhận định được.

Thật tôi không muốn có sự tàn bạo vừa qua, nhưng tôi lại thấy bằng lòng về sự phản ứng của nàng. Có những việc làm ta không bao giờ làm được, nhưng lại âm thầm tán thưởng khi một người khác thực hiện. Tôi cũng hiểu rằng ba kẻ vừa bị giết chết đều là hạng người nguy hại ở trong xã hội loài người. Nhưng nhân danh cái xã hội văn minh còn sót trong tôi, tôi đã để họ yên lành, và còn để lại cho họ cả súng đạn nữa. Tất cả chỉ là văn hóa, tôi tự bảo mình như vậy. Tôi đã hành động theo những yêu cầu văn hóa mà tôi đã tiếp thu được và tôi tin là hợp lý. Nhưng còn Thanh Lâm, hành động của nàng có một ý nghĩa văn hóa nào không?

Nếu hiểu văn hóa như những biểu hiện sinh hoạt vật chất, tinh thần đã tạo nên sự cộng đồng sinh hoạt của những lớp người đã có trên mặt đất này, thì hẳn Thanh Lâm không có nhận thức văn hóa nào cả. Thế nhưng ở nàng khởi đầu có một nhận thức văn hóa, bởi vì nàng có những phản ứng mới trong sự đối phó lại những đồng loại - nếu ba người chết thiêu kia cho phép tôi gọi như thế - để mà tự vệ, tự tồn. Nếu nàng chỉ là một loại dã thú hẳn nàng đã nghe theo họ từ lâu, hay đã giết họ từ sớm.

Khi chúng tôi quay lại tìm con ngựa bên suối, vắng nghe chim rừng báo hiệu canh tàn. Gần một đêm nay chúng tôi đã không chợp mắt, lại trải qua nhiều phút giây căng thẳng nên đều mệt mỏi. Nhất là Thanh Lâm qua nhiều ngày đêm đói khát cần được nghỉ ngơi. Kẻ thù đã không còn nữa, tôi đốt một đồng lửa lớn bên suối, dọn một chỗ nằm và khi Thanh Lâm ngã xuống bên ngọn lửa ấm thì tôi cố chống lại cơn buồn ngủ ngà ngật để nấu cho nàng một nồi cơm lớn. Khi cơm đã chín, tôi gọi nàng dậy ăn một bụng no để có thể ngủ một giấc thật dài trong ngày đang tới.

Lúc tôi đặt lưng nằm xuống, vầng đông hé rạng ở chân mây xa. Hơi lửa ấm áp và sự an lòng sau những khó khăn vượt qua nhận chìm tôi vào giấc ngủ thật là nhanh chóng. Tôi nằm mê mết như thế cho đến khi chợt tỉnh giấc, mặt trời đã lên đỉnh đầu. Vài tia nắng lọt vòm lá chiếu xuống trên mặt đã đánh thức tôi: Thanh Lâm còn ngủ, nhưng khi tôi chống tay trên đồng lá tạo những tiếng động thì nàng cũng vụt dậy ngay. Tôi bảo:

- Ngủ đi. Ngày mai, ta lên đường sớm.

Thanh Lâm ngoan ngoãn nằm xuống bên đồng lửa tàn. Tôi lấy khẩu súng, bảo cho nàng hiểu tôi đi tìm săn con mồi quanh đây và sẽ trở về vào lúc nửa chiều.

Tôi không cần đi thật xa đã nhìn thấy nhiều vết chân dẫm nát dưới một triền dốc. Sau khi nhìn kỹ tôi biết không phải là loài trâu rừng nhưng có bầy min đã kéo qua đây. Con min thuộc vào họ hàng trâu bò, là loài thú lớn và hung hăng nhất ở trong rừng núi chúng ta. Màu lông của nó đen huyền, bóng mượt, chỉ từ móng lên đốt chân đầu tiên là trắng mà thôi. Sừng nó vốn ngắn và mạnh, phía dưới màu trắng, ở giữa màu xanh và trên chóp cùng màu đen. Sừng của con cái hơi cong ép lại, như chõ vào nhau còn sừng con đực thường mở rộng ra và lớn hơn nhiều. Chỉ nhìn lông ngực to lớn của chúng, người ta cũng cảm thấy được sức mạnh và sự chịu đựng khác thường.

Thường thường chúng đi từng bầy từ năm, mười con cho đến ba bốn mươi con, di chuyển vào đầu mùa mưa tìm về những miền cao hơn và vào mùa khô đổ xuống những nơi thung lũng ẩm ướt để kiếm cỏ non.

Loại min chỉ thành nguy hiểm khi bị thương tích không còn phương cách trốn thoát, hoặc khi cần phải bảo vệ lũ con của chúng. Trong nhiều năm dài săn bắn tôi chưa bao giờ gặp loại min này tấn công một ai, khi chưa hề bị khiêu khích. Và nếu người ta cứ để cho nó sống đời yên ổn ở trong rừng sâu, tôi chắc thế nào chúng cũng tìm đến sống cạnh loài người mà không gây nên một tai hại nào.

Bây giờ đang ở vào giữa mùa khô, bầy min mà tôi nhìn theo dấu chân cũng độ mười con. Vì không có ý định săn loại ấy nên tôi không theo dấu chúng in đầy trên sườn ven núi mà rẽ qua một lối khác, đổ xuống một ngọn đồi thấp đầy những cỏ tranh và những cây nhỏ. Mùa xuân chưa qua nên cây lá còn xanh tốt, rừng núi chung quanh đượm vẻ hồi sinh thật là tươi nhuận sau một mùa đông ủ dột. Nếu không bị ám ảnh chập chờn về ba con người đã bị giết thì tôi có thể ngồi trên một tảng đá lớn có tàng cây che để ngắm cảnh vật phơi bày

trước mắt và chìm đắm trong các mối suy tưởng miên man về sự thoát ly cuộc sống phiền tạp của cái xã hội xô bồ ngoài kia để hòa nhập vào thiên nhiên tươi mát, lồng lộng ở trước mắt mình.

Tuy thế một ngọn gió mát từ xa thổi lại và tiếng chim rùng riu dặt vẳng đưa đã đẩy tôi ngồi dưới một gốc cây ổi rừng, phóng mắt nhìn sâu vào những cánh vật miên man giăng phủ quanh mình. Tôi nghĩ đến lòng tham của ba người đã đẩy chúng vào chỗ chết, nhưng tôi cũng thấy một phần do sự cả nể của tôi từ lúc ban đầu. Nếu tôi không đưa chúng về hang đá thì không xảy ra bao nhiêu là chuyện bi thảm và vất vả này. Kể ra muốn từ chối chúng, lúc ấy, cũng thật khó lòng. Tôi đang chìm sâu trong lòng rừng già, với mỗi một khẩu súng săn cỡ nhỏ, trong khi chúng có ba người có nhiều súng đạn và nhiều lòng tham... Thôi thế cũng tạm yên đi một nỗi lo âu, việc gì mà thắc mắc nữa? Trong rừng sâu này cũng như ở nơi xã hội ồn ào sau dãy núi đồi trùng điệp xa kia, những cảnh tàn sát, chèn ép, tiêu diệt lẫn nhau cũng là một chuyện thường tình. Ba người thám hiểm sẽ được ghi nhận mất tích ở trong bí mật Trường Sơn, và chỉ có mỗi mình tôi rõ hết được bí ẩn đó. Tôi cũng không biết tên họ của ba người ấy vì Thanh Lâm đã đốt cháy tất cả, nhưng dù biết rõ tôi cũng không muốn ghi nhớ làm gì. Tất cả điều đó thuộc vào định luật rừng sâu, không còn phải đáng bận tâm hơn nữa.

Tôi đang triền miên trong những suy tưởng như vậy, bỗng nghe một tiếng động nhỏ ở sau lưng mình. Vừa quay nhìn lại, tôi thấy một con mìn lớn đang lao nhanh về phía tôi. Biết không thể nào sử dụng được súng tôi vội nhảy qua một bên. Con mìn đã quay đầu lại ủi cặp sừng lớn, xốc tới. Tôi phải chạy vội núp sau thân cây ổi rừng, vừa đảo mắt tìm một chỗ lợi thế để mà ẩn núp. Chung quanh chỉ là đồi tranh, cây nhỏ và phía sau lưng là khu rừng già. Một chỗ để ngồi mơ mộng lại thường là chỗ để đẩy ta vào cõi chết.

Bây giờ chỉ còn một cách là đương đầu với hiểm nguy. Tôi vừa nép sau thân cây vừa tìm cách tránh con mìn cứ lao mình tới phóng sừng chạt sả, vừa chuẩn bị khẩu Mauser để nhắm bắn vào đầu nó. Con vật quay đầu một cách hần học dữ dội, thật khó lòng gởi viên đạn trúng đích. Nhưng dù tôi có bắn trượt chẳng nữa cũng không làm nó trở thành điên tiết hơn là bây giờ. Sự việc con mìn quá to lớn này tự nhiên đâm sâu vào tôi, cổ triệt hạ tôi như thế là điều lạ lùng. Điều này chỉ có thể nghĩ nó đã từng là nạn nhân của tay thợ săn nào đó, và đang sống trong tâm trạng trả thù. Vậy kẻ thợ săn nào đã vào trong chốn rừng sâu này? Chính kẻ đó đã chọc giận con thú bằng một viên đạn lạc lối và bắt tôi phải lãnh đủ khi gã không còn có mặt quanh đây. Tôi bỗng nghĩ đến ông Chúp, nhưng tôi biết ông không bao giờ săn loại này. Ông là người của rừng già và ông bảo vệ sinh vật ở đây một cách cẩn trọng, chỉ săn bắn khi cần thiết và thường chú trọng các loại mồi nhỏ đủ cung cấp thịt dùng đôi ba bữa chứ không phí phạm của trời như thế. Hơn nữa, ông Chúp là tay thiên xạ và loại tên độc của ông, dù không trúng đích nhưng đã chạm vào da thịt con mồi là sẽ vật ngã được ngay, sau một thời khoảng đủ đưa chất độc vào trong huyết quản.

Tôi nhắm vào cái tử huyết của nó nằm ở chính giữa khoảng ngắn dưới gốc cặp sừng, nã một phát súng. Con vật khụy xuống nhưng lại chồm lên. Đầu của loài mìn khá lớn nhưng óc của nó rất nhỏ, như thế viên đạn của tôi đã lệch sang một bên rồi. Tôi toan nã tiếp viên đạn thứ hai thì con vật đã vận dụng tất cả sức lực còn lại lao thẳng mình tới như hòn đá núi lỏng lốc lăn xuống từ một đỉnh cao. Tôi vụt nhảy sang một bên nhưng không kịp nữa. Một đầu sừng nhọn đã chém sả vào bắp đùi bên trái của tôi, quật tôi ngã xuống và trong giây phút chớp nhoáng tôi nhìn thấy mảnh da thịt của tôi bị chiếc sừng nhọn hất tung lên cao. Nếu chậm một giây là khó toàn mạng. Khi con vật chưa kịp quay đầu lại tôi cũng không thể nào gượng đứng lên, nên cứ nằm the nhắm vào phía mang tai nó bắn liều một phát. Con vật nhào xuống đám cây như một tảng đá rơi nặng. Vài tiếng thờ phỉ nặng nhọc, nó không còn cựa quậy nữa. Tôi lết lại gần, sau khi chắc rằng con vật không thể choàng dậy bất ngờ để mở cuộc tấn công khác. Viên đạn của tôi trúng vào tử huyết của nó, nằm dưới chân sừng và hơi trụt về đằng sau. Tôi còn nhìn thấy một vết thương khác dưới cổ, vết thương còn rỉ rỉ chảy chất nước vàng ngàu. Và ở bắp đùi con vật một dấu sừng húp cho biết nó đã bị đạn, và chắc viên đạn còn nằm trong thịt.

Tất cả sự việc xảy ra một cách dồn dập, bất ngờ khiến tôi không thấy đau đớn, nhưng rồi cảm giác nhức nhối bắt đầu xuất hiện và tôi như tê dại đi. Tôi xé vạt áo rịt tạm vết thương nhưng đùi tôi như liệt hẳn. Tôi cố gượng dậy mấy lần nhưng không sao gượng dậy nổi. Rồi tôi lết tới rút dao xẻo mạnh vào đùi con vật và tôi tìm được viên đạn. Đây là viên đạn của khẩu 404 mà tên ngoại quốc mang râu quai nón đã dùng.

Có lẽ hôm qua gã đã bắn trượt con mồi và khiến cho nó hôm nay trút sự điên tiết vào tôi. Tôi phải gánh lấy hậu quả về sự vụng về của gã, nhưng biết làm sao khi tôi bây giờ có lẽ là kẻ đại diện duy nhất cho lớp thợ săn ở giữa rừng già?

Tôi tưởng công việc xẻo thịt tìm đạn vừa rồi có thể làm cho tôi quên bớt đau đớn nhưng nó chỉ giúp khuây lãng giây phút rồi lại làm tôi đau đớn hơn lên. Tôi nghe trán mình ướt đầm mồ hôi, và nằm vật ra trên cỏ me

man.

Tôi không biết mình nằm được bao lâu thì nghe như có ai vực tôi dậy. Tôi mở choàng mắt thấy Thanh Lâm đang cúi nhìn với vẻ lo âu. Tôi trấn tĩnh nàng:

- Không có sao đâu. Tôi chỉ bị một vết thương nơi đùi.

Thanh Lâm không nói lời nào, dìu tôi lặng lẽ băng rừng mà đi. Đôi cánh tay nhỏ của nàng có một sức mạnh khác thường như gánh được cả sức nặng của thân hình tôi và bước chân nàng như không biết đến mệt nhọc. Giá nàng đem theo con ngựa thì tốt không biết chừng nào. Tôi sợ nàng mệt nhưng biết mình không thể nào tự lực bước nổi với vết thương này đành phải để nàng dìu đi qua những chặng rừng, cho đến khi về tới bờ suối nhỏ nơi chúng tôi đã nghỉ ngơi. Thanh Lâm đặt tôi nằm xuống rồi chạy biến vào trong rừng. Chỉ một thoáng chốc, nàng đã quay về, trong tay cầm một nắm lá. Nhiều loài ở rừng biết những loại lá trị bệnh thần diệu, do các kinh nghiệm nhiều năm trong sự thích ứng sinh tồn với những điều kiện thiên nhiên bất trắc.

Tôi đem mớ lá nghiền nát trên một tảng đá ven suối, cho vào ít muối, rồi rịt vết thương, đoạn băng bó lại. Các thuốc khử trùng và đồ băng bó bao giờ tôi cũng mang theo. Khi tôi đã nằm yên nghỉ bên lửa do nàng nhen nhúm, Thanh Lâm lại đi vào rừng và lát sau nàng mang về những mảng thịt min khá lớn.

Bây giờ tôi càng thấy rõ nơi nàng tiềm ẩn một loại kiến thức thật là sâu rộng về cuộc sống giữa rừng già. Bên đồng lửa rừng rực cháy, tôi nằm nghe bóng đêm về xao xuyến chung quanh với muôn ngàn tiếng động nhỏ, và nhìn Thanh Lâm bắc cơm, nướng thịt với vẻ chăm chỉ khác thường, tôi thấy hân hoan trong cái ý nghĩ có được một người bạn tốt, một người bạn thật xứng đáng cho cuộc sống này.

Suốt đêm hôm nay, tôi không cảm thấy nhức nhối chút nào. Vết thương đã được chất lá làm cho êm dịu. Và sáng hôm sau chúng tôi lên đường.

Thanh Lâm giúp tôi lên ngựa và theo đường cũ chúng tôi về lại hang đá ven sông. Như một phép màu, chỉ trong tuần lễ vết thương đã lành. Tôi nhìn Thanh Lâm, và nói:

- Cảm ơn.

Thanh Lâm không hiểu tiếng ấy, nhưng tôi nhớ ngày xưa khi tôi săn sóc cho nàng, vẻ dịu dàng hiện trên khuôn mặt nàng đã nói với tôi bao nhiêu là tiếng cảm ơn. Điều tôi băn khoăn là ông già Chúp đã lâu không thấy trở lại. Nếu ông đã đi qua đây, thế nào tôi cũng nhìn được dấu vết. Không rõ việc gì xảy đến cho ông. Đau ốm hay là bất trắc dọc đường? Hay trở ngại nào trong việc bán buôn?

Tôi quyết định chờ thêm một tuần lễ rồi sẽ lên đường về lại Mả Voi. Biết đâu do một đổi ý bất ngờ ông Chúp đã chẳng đi về chốn cũ bằng một lối khác? Và lại bây giờ tôi đã có ba con ngựa và nhiều đạn dược lại có Thanh Lâm bên mình, tôi có đầy đủ khả năng tiến sâu hơn nữa vào kho tàng ấy. Về phần Thanh Lâm, tôi nghĩ nàng đã thoát khỏi họ hàng Xà Niêng và tôi không ngại nàng sẽ quay về lại với rừng già. Dầu sao chuyến đi này sẽ cho tôi thấy rõ ràng hơn phản ứng của chúng.

Thêm một tuần lễ đợi chờ mà ông Chúp vẫn chưa lại. Không thể chờ đợi lâu hơn, tôi quyết định vào Mả Voi với Thanh Lâm vậy.

Buổi sáng sớm hôm ấy chúng tôi lên đường. Tôi đã có đủ kinh nghiệm trong các chuyến đi lần trước nên việc tiến sâu vào trong thung lũng không mấy khó khăn. Thanh Lâm quả là một người bạn đường quý báu. Nàng tinh nhạy hơn ông Chúp và giúp tôi chuyển vận được số ngà khá lớn nhờ có ba con ngựa thồ. Trong chuyến đi ấy tôi cũng săn được hai con cọp gấm thật đẹp và tôi vội vàng lột da mang về hang đá.

Buổi tối hôm ấy, ngồi bên đồng lửa tôi thấy Thanh Lâm yên lặng nhìn tôi, cặp mắt rực sáng trong ánh lửa hồng và sự lắng đọng trên khuôn mặt nàng có một vẻ gì sâu thẳm như núi rừng đêm. Chung quanh chúng tôi là sự dàn trải mênh mông của muôn ngàn tiếng âm thầm trong khúc hòa tấu bất tận mà chốn thiên nhiên hùng vĩ dạo lên hằng ngày, hằng đêm, với những điệp khúc miên man. Trong những giây phút bỗng nhiên

xao xuyến, tôi thấy Thanh Lâm là người đàn bà, một người đàn bà đáng được yêu dấu mà đã từ lâu tôi cố chối từ nghĩ ngợi sâu hơn. Thật ra nơi tôi vẫn âm thầm có giằng co ray rứt - một mặt tôi tự cảm thấy bất xứng khi để cho mình có những ý nghĩ buông thả với những suy tưởng lan man về người bạn rừng, có lẽ đó là phản ứng của cái con người tự nhận văn minh nơi tôi, con người đã được nuôi dưỡng bằng những đạo lý, thành kiến của xã hội này, nhưng một mặt khác, tôi luôn ca ngợi Thanh Lâm, phóng đại ý tốt và những cố gắng của nàng, gán ghép cho nàng bao nhiêu ý tình thật đẹp để tự trấn an lấy mình.

Bây giờ nơi tôi sự mâu thuẫn kia đã không còn nữa. Nơi tôi, đêm nay, không còn có sự giằng co nào nữa. Tôi thấy ngồi trước mặt tôi một người đàn bà, một kẻ thực sự đã hòa hợp trong cuộc sống với tôi, đã chia xẻ những gian lao, bất trắc với tôi. Thanh Lâm và tôi không có gì là ngăn cách. Và nàng đáng được thương yêu, và tôi phải biết yêu nàng.

Trong ánh lửa đêm bập bùng rọi sáng hang đá như dẫn dắt người trở về cuộc sống hoang dã từ bao ngàn năm về trước, tôi tiến lại phía Thanh Lâm. Người bạn rừng không cử động, như nàng có thể cảm hiểu được mọi ý nghĩ của người đối diện qua sự im lặng, và nàng đợi chờ. Tôi cầm lấy tay Thanh Lâm, tôi nói:

- Thanh Lâm...

Người bạn của tôi vẫn ngồi yên đó, hay là nàng sợ hãi chăng?

- Thanh Lâm...

Tôi muốn dụi tắt đống lửa đang phần phật cháy... Nhưng ở nơi đây chỉ có chúng tôi, bởi vì xã hội loài người thật sự đã khuất xa rồi.

° ° °

Chúng tôi cùng nằm trên nệm lá ấy, và như thế đó chúng tôi khởi sự một cuộc sống khác với những tương quan đối khác.

Một đêm, giữa giấc say vui, tôi bỗng choàng dậy. Người đàn bà cũng giật mình tỉnh thức. Tiếng kêu hú bỗng vang lên, thật xa rồi lại thật gần. Tôi tự nhủ thầm:

- Tiếng hú của giống Xà Niêng...

Tiếng hú bất ngờ vọng lên, rền rĩ, ai oán, như đượm ý tình thương yêu rất đỗi thiết tha. Chừng như tiếng kêu gọi ấy chực sẵn đâu đây, và khi người con gái của dòng họ Xà Niêng quay sang một cuộc đời khác, một nếp sống khác, thì tiếng hú lại vắng dậy như một cố gắng lôi kéo về mình những gì đã bị phân tán, lạc loài.

Chúng tôi thấy đều bàng hoàng như từ cõi mộng bị lôi kéo về cõi thực một cách phũ phàng. Thanh Lâm có vẻ sống trong tình trạng rối loạn lạ lùng. Theo giọng rền rĩ của lời hú gọi, sắc diện của nàng cũng lộ những vẻ đau đớn hay là âu lo, ngờ ngác hay là quay cuồng. Thanh Lâm loay hoay trên cái nệm lá và hình bóng nàng chập chờn in trên vách đá những nét bàng hoàng.

Tôi biết những phút giằng co đang hành hạ nàng. Vội rời khỏi cơn bối rối, tôi cầm lấy khẩu súng săn chạy ra miệng hang. Những tiếng nổ vang to lên, cố lấn át hẳn tiếng rền rĩ ấy. Một lát sau, tôi chong tai nghe... Không còn vọng lại một âm thanh nào của những lời kêu gọi đó. Tôi hiểu tiếng thét của đạn chỉ làm im đi được một thời khoảng nào đó chứ không buộc được dòng họ Xà Niêng rút bỏ bao nhiêu khắc khoải nơi lòng.

Lâu lắm, tôi đứng ở ngoài cửa hang nghe những tiếng rừng vọng lại. Lần đầu trong cuộc sống phiêu lưu giữa núi rừng tôi không giữ được bình tĩnh trước muôn ngàn sự xao động âm thầm vây bọc chung quanh. Rừng đêm có một bí mật nặng nề, kỳ quái và những đe dọa lạ lùng.

Khi tôi quay vào bên trong, tôi thấy rõ hơn tiếng kêu gọi kia vẫn còn. Nó vẫn còn đấy, ở trên khuôn mặt Thanh Lâm.

Tôi lại gần nàng, bảo nàng nằm xuống ở trên nệm lá. Nàng ngoan ngoãn nghe lời tôi, nhưng đôi mắt vẫn nhìn vọng trong đêm như nhìn vào trong sâu thẳm rừng già, về những hang hốc xa xôi, những vùng khuất lấp quanh năm không có bóng người.

Nhiều lần nghĩ ngợi về sự việc này tôi tưởng rằng nàng có thể quên đi, quên cái đời sống Xà Niêng thuở trước như một quá khứ xa vời, nhưng rõ ràng nàng vẫn nhớ, và nó còn nguyên trong đáy hồn nàng. Chỉ cần có lời réo gọi bất chợt là những niềm thao thức ấy bùng dậy, vội vàng, xao xuyến như mớ tro than giữ ngọn lửa hồng bỏng ngùn ngụt cháy mỗi khi cơn gió thổi vào.

Bây giờ sự đáp ứng của Thanh Lâm đối với lời réo gọi kia có một vẻ gì khác khác khổ đau hơn trước, chừng như nàng càng gắn bó sâu xa vào tôi, vào cuộc sống này bao nhiêu thì nỗi đau khổ của nàng trầm trọng bấy nhiêu. Cố nhiên tất cả điều này chỉ là dự đoán, bởi tâm trạng nàng, nếu có như vậy, cũng chỉ là những diễn biến mơ hồ.

Tôi tự nhủ thầm:

- Ngày mai, ta lại phải rời nơi đây mà đi.

Thanh Lâm không thể sống đời yên ổn quanh Mả Voi này. Nhớ cái thời gian đã qua, sống trong hang đá ven sông, nàng có bao giờ hết hoảng, quay cuồng như thế này đâu? Và bây giờ đây tôi bị chia sẻ giữa giằng co mới: kho tàng Mả Voi và người bạn đường Xà Niêng. Trong hai cái đó, tôi chỉ có thể giữ lấy được một, và chỉ được một mà thôi.

Cố nhiên là tôi chọn lựa Thanh Lâm. Và tôi bảo nàng:

- Ngủ đi. Ngày mai ta rời hang đá đi về nơi an toàn hơn.

Qua ngày hôm sau, tôi đưa Thanh Lâm về lại con đường ngày trước, dẫn tới hang đá ven sông. Nơi đó, tôi hy vọng rằng họ hàng Xà Niêng của nàng không sao tìm tới bởi có những khu vực rừng đã thành giới hạn cho từng giống loại, và chúng tự ngăn cấm mình vượt qua. Ban đầu tôi đoán là những điều kiện sinh sống như vật thực, khí hậu, đã làm khuôn khổ cho giới hạn ấy, nhưng qua nhiều ngày lặn lội nơi rừng già này tôi còn nhìn thấy trong phân cách đó những gì khác nữa đã khiến cho một giống loại không muốn xé rào, để bước vào một lĩnh vực đã được quy định cho giống loại khác. Cái gì khác đó thật khó suy đoán cho thật chính xác. Có thể là ước định ngầm giữa các loại thú về miền sinh hoạt, có thể là nỗi sợ hãi do cái bản năng sinh tồn gây ra, khi cảm thấy mình ra ngoài quá xa một nơi quen thuộc của mình.

Bây giờ Mả Voi không còn đủ sức để thu hút tôi bằng người đàn bà của rừng rú này, và tôi phải tạo một cuộc sống khác vì nàng. Tôi quay trở về săn bắn ngay xưa, mỗi ngày đi tìm con mồi trong núi còn nàng thì đi tìm những con mồi dưới những dòng sông, dưới những con suối ven rừng.

Chúng tôi lại sống như thế để chờ ông Chúp. Nhiều tháng trôi qua người dẫn đường kia vẫn không trở lại. Một hôm tôi quyết định về tìm ông già Chúp, vì không thể sống mãi trong tâm trạng đợi chờ khác khoải dài ngày như thế. Có đem Thanh Lâm cùng về hay không? Đó là một điều khiến tôi suy nghĩ. Nàng sẽ gặp những khó khăn khi giao tiếp với xã hội bên ngoài. Cuối cùng tôi nói cho nàng hiểu rõ để nàng yên lòng sống nơi hang đá và đợi chờ tôi.

Thanh Lâm không tỏ vẻ gì khổ sở về ý kiến ấy. Nơi con người nàng không có những nỗi thắc mắc như ta quen gặp trong cái xã hội gọi là văn minh. Bởi nàng không hiểu đến sự dối trá, và cũng không hề biết rằng ở trên đời này lại có sự việc mang tên như thế. Dối trá, phản bội, là những tình tự mà chỉ những lớp con người tự khoe văn minh trong một xã hội chuyên về lừa đảo mới có mà thôi. Nàng cũng không biết đến những nguy vực, bởi cái đa nghi trước những bất trắc, đe dọa của các kẻ thù ở trong thiên nhiên cũng khác xa với những nỗi nghi kỵ về sự tráo trở của lòng dạ người. Nàng đã đem sự chân thành đối đãi với tôi, và tôi cũng đem tất cả chân thật đối đãi với nàng.

Thanh Lâm cũng không biết đến những nỗi buồn phiền, bởi tình cảm đó cũng là quà tặng của cái xã hội văn minh. Có gì mà phải buồn phiền? Và buồn phiền để làm gì? Chỉ có mỗi một lo âu là xử sự như thế nào thôi. Với nàng, tôi phải ra đi, vậy thì tôi sẽ ra đi. Và nàng ở lại, chỉ la như vậy. Nàng tin chắc tôi sẽ quay trở về nơi hang động này, và không thể nghĩ ngược lại.

Bây giờ Thanh Lâm hiểu nhiều lời nói của tôi và nàng cũng đã nói được nhiều câu rời rạc. Nàng chưa nói được những câu thật dai với những mệnh đề rối rắm, với những loại tiếng tập hợp các câu và các mệnh đề. Cố nhiên không dễ gì sử dụng được các loại liên từ, giới từ trong các câu nói. Ngay giữa xã hội loài người,

trong cái ngôn ngữ liên thảng hàng ngày, biết bao nhiêu người đã không nói đúng những loại chữ ấy vốn là những tiếng đòi hỏi một nếp cảm nghĩ phức tạp hơn nhiều.

Tôi để lại cho Thanh Lâm súng đạn và những vật dụng cần thiết, rồi một buổi sớm tôi dắt theo hai ngựa thồ, những thớt ngà voi, một số da hổ, lên ngựa tìm về phố chợ.

Thanh Lâm đứng ở cửa hang nhìn theo. Tôi đi quãng xa, quay lại, thấy nàng vẫn còn đứng yên như một thân cây khô héo giữa chốn hoang vu.

Chính lòng thương yêu Thanh Lâm khiến tôi gấp rút băng vượt đường dài hiểm trở. Lòng thương yêu đã ngấm vào trong tôi như chất nước mưa thấm vào từng giọt qua làn đất sét rộng dày để nuôi thành mạch nước ngầm ồ ạt. Chính có sự xa cách này tôi hiểu rõ thêm tôi đã yêu thương Thanh Lâm, yêu thương một cách kỳ lạ như chưa bao giờ tôi đã yêu thương như thế. Đó là một loại tình yêu không có so sánh, không cần phân trần, đó là cuộc tình ra ngoài mọi sự ngờ vực, mọi sự lờ loẹt và một trăm thứ bày đặt làm cho cuộc sống đầy những dằn vặt ngu si. Với nàng, tôi đã chung sống như loài thú, nhưng thật đã cảm thông như loài người, nếu hiểu tiếng "người" theo một ý nghĩa hoàn toàn tốt đẹp.

Sống với Thanh Lâm tôi không hề biết đến những thắc mắc vụn vặt, không phải băn khoăn về những ngộ nhận hằng ngày. Con người trong nhiều xã hội gọi là văn minh thường hay nói đến tự ái như là dấu hiệu đặc biệt của nhân cách họ. Nhưng lòng tự ái chính là dấu hiệu bi thảm của những sinh vật có tên là người. Tự ái, với những phản ứng hèn mọn của nó, chỉ là những sự kêu đòi tội nghiệp, những kiểu vớt vát đáng thương của những kiếp sống tự thấy bé nhỏ triền miên, bị những chèn ép trầm trọng, và giữa cơn ngột ngạt ấy cố tìm cách nhào lên thở, và chỉ có thế mà thôi.

Thanh Lâm đã đến với tôi không có một mặc cảm nào. Tôi đã sẵn sàng tận tụy cho nàng, và nàng đáp lại những ý tình ấy một cách tự nhiên bằng cách bảo vệ cho tôi. Thanh Lâm không phải áy náy để tìm cơ hội báo đền, đó là những món tình cảm gọi rằng tốt đẹp của xã hội này nhưng vẫn chứa chấp chút gì sòng phẳng của sự bán mua, trong đó tiềm ẩn ý tình sợ hãi của kẻ ngại mình sẽ bị coi như bội bạc. Người ta, hoặc là quay lưng lại các điều người thi ân cho mình với cái thủ đoạn một tên quỵt nợ dối dào thủ đoạn, hoặc là vờ vập lo việc đền ơn như để chứng tỏ mình không thuộc hạng xấu xa. Dù tránh né hay chấp nhận sự gian lận, ý nghĩ của người cũng đã lấy sự gian lận làm một tiêu chuẩn. Có thể nói rằng chính sự xấu xa đã thành cơ sở để cho loài người xây nên những tòa nhà lớn gọi là đạo đức.

Ở giữa Thanh Lâm và tôi không cần cơ sở xấu nào để xây dựng giá trị tốt. Những giá trị ấy, nếu có, đã được thể hiện trong những nhu cầu bình đẳng. Tôi lo cho nàng không vì tư lợi, và nàng bảo vệ cho tôi cũng không có ý bán buôn. Chúng tôi không đòi nhau một trả giá nào hết, thế mà ai trong chúng tôi cũng mong muốn trả giá ấy nhiều hơn. Cuộc sống chung chạ mà tôi với nàng tự dắt dẫn vào không có gì phải ân hận. Người ta ân hận vì còn tính toán hơn thua, và sự xót xa thường đến khi cuộc tính sổ tỏ rằng bất lợi. Tôi với Thanh Lâm không có mối lợi nào mất, chỉ sự phối hợp làm một của tôi và nàng, giữa chốn rừng già, mới là bảo đảm an toàn cho cả hai người.

Trong các sinh hoạt hằng ngày, chúng tôi vui vẻ phân chia công việc, không ai thắc mắc về nhau, vì không có mối lợi nào tốt hơn là sự giúp đỡ cho nhau. Cuộc sống giữa tôi với người đàn bà Xà Niêng đã gạt khỏi tâm hồn tôi những ý niệm về hình thức, tôi không bao giờ bận tâm nghĩ đến nhan sắc Thanh Lâm. Xấu hay là đẹp, căn cứ hoàn toàn vào cái bề ngoài của người đàn bà, cũng là cách nhìn bệnh hoạn đầy sự ma mị đảo điên của cái xã hội tự nhận văn minh, bởi không thể nào tách rời con người ra hai phần cách biệt và chỉ giữ lấy cái vỏ bên ngoài như một bảo đảm giá trị cho những cái mùi bên trong.

Chuyến trở về này tôi muốn đi mau để biết tin tức ông Chúp và sớm gặp lại Thanh Lâm. Đến khi dừng chân ở trạm nghỉ chân cuối cùng là buôn Cà Đum gần các phố thị ven miền sơn cước tôi đến tìm gặp A Don, người em ông Chúp hỏi về ông ta. A Don không giấu được vẻ vui mừng khi gặp lại tôi, nhưng trên nét mặt chứa đầy ẩn tình bi thảm.

Rồi trong ánh lửa bập bùng muôn thuở của những đêm rừng, A Don kể cho tôi nghe sự việc vừa qua...Thế là vĩnh viễn tôi không bao giờ gặp lại người dẫn đường ấy, vĩnh viễn tôi cách xa người bạn già đầy những kinh nghiệm quý báu ở núi rừng này.

Ông Chúp trong khi mang nhiều ngà voi về bán phó phường đã gọi chú ý nơi một số người. Trong số người theo dõi ông có một thương nhân, tên là Lý Đạt. Lợi dụng tính tình chất phác của ông, gã biết Mả Voi là

nguồn cung cấp so ngà quý ấy, bèn tìm mọi cách mua chuộc. Nhưng ông già Chúp không được loại người có thể mua chuộc được, dù bằng giá nào.

Rốt cuộc, ông Chúp bị chúng hăm dọa, cưỡng bách dẫn đường. Ông không có được bản chất uyển chuyển của người biết giả thuận tình để liệu đối phó về sau, nên đã phản ứng một cách quyết liệt. Lý Đạt đã giết ông Chúp bên một khe núi để loại trừ kẻ có thể tố cáo dã tâm của y, đồng thời cũng để loại bớt một người đã nắm bí mật kho tàng. A Don đi tìm anh, đã gặp ông Chúp quần quai trong hơi thở tàn, lết tới tìm nước bên bờ suối vắng. Ông già chỉ kịp kể lại vắn tắt sự việc đã qua với lòng tiếc nuối muốn được gặp tôi trong những giờ phút cuối cùng. Nhưng tôi đã ở xa ông, ít nhất cũng một tháng đường...

A Don thở dài, bảo tôi:

- Tất cả tiền bạc anh tôi cất ở trong mình cũng bị nó cướp đoạt hết. Chỉ còn lại mỗi con ngựa mà thôi.

Tôi hiểu những lời A Don đều rất chân thành. Nhiều năm sống với đồng bào miền núi, tôi quý mến họ ở sự ngay thẳng, thật thà, những đức tính khiến cho sự giao tiếp giữa người và người trở nên dễ chịu khác thường. Và tôi phải mất gần hai tuần lễ mới biết gã thương nhân kia đã cùng hai người ngoại quốc đi vào rừng già tìm kiếm Mã Voi. Đối chiếu lại vài sự kiện, họ là bọn người đã từng cướp đoạt Thanh Lâm và bị Thanh Lâm giết chết. Dù sao chúng tôi cũng đã trả thù được cho ông Chúp, và tôi không còn chút ân hận nào về cái đoạn kết mà ba người kia gánh chịu ở giữa rừng sâu.

Không còn ông Chúp, tôi như người què liệt trong cuộc sống này. Thanh Lâm có thể là người bạn đường rất quý nhưng năng không sao thay thế cho kẻ dẫn đường. Cuộc sống rừng già đòi hỏi nhiều sự từng trải khôn ngoan mà năm tháng đời còn ít của tôi chưa tích lũy được bao nhiêu để giữ lấy sự chủ động trên những bước đường trắc trở.

Tôi không ngờ sự xa lìa ông Chúp xảy ra đột ngột như vậy. Con người của rừng núi ấy cuối cùng không phải bị loài thú dữ cắn xé mà bị đồng bào, đồng loại ở nơi phồn thịnh phẫn phay. Xã hội tham lam và điên đảo này không chịu nhượng bộ đối với những người đã muốn yên phận, đã muốn bé nhỏ, luôn luôn chiều chuộng cuộc sống quanh mình như ông già Chúp. Loài thú dữ ở phố phường, trong khi vô mồi, cũng chỉ biết có giá trị thịt xương chứ đâu cần biết giá trị tâm hồn.

Tôi tự thấy mình có trách nhiệm về cái chết của ông già Chúp và mấy hôm liền sống trong trạng thái ngẩn ngơ của kẻ hối tiếc. Tôi đi giữa chốn thị thành như người xa lạ, lạc loài, thấy các sinh hoạt có vẻ hời hợt một cách kỳ quái, thấy những con người chen lấn giữa những mảnh đất chật hẹp một cách đáng thương lạ lùng. Hình như trong một tiệm ăn nào đó tôi có nhìn thấy một người đàn bà giống như Diễm Tuyết, nhưng tôi không muốn chạm mặt. Trong sinh hoạt này đã có quá nhiều Diễm Tuyết nên không còn biết Diễm Tuyết đó thuộc về ai. Đúng ra Diễm Tuyết không thuộc về một ai cả, cũng không thuộc về cuộc đời. Đó chỉ là một cái bóng mờ nhạt, một thứ sản phẩm giả mạo như cả trăm ngàn thứ giả mạo khác mà xã hội này chế tạo hàng ngày. Tôi có ngược nhìn phía người đàn ông, nhưng hẳn không phải là tên Trần Hải. Đó có thể là Trần Hải của những Trần Hải, những loại hình nộm và ma quỷ khác mà xã hội này đặt bày để cho xứng hợp với các Diễm Tuyết.

Về người đàn bà ngày xưa, bây giờ tôi chỉ thấy mình đứng dưng một cách lạ lùng. Hành động của nàng còn gây hậu quả nơi tôi nhưng con người nàng chẳng lưu lại một dấu vết nào cả. Thật ra nàng đâu có gì đặc sắc để lưu lại ấn tượng đẹp nơi tâm hồn người? Mỗi ngày nàng thay những áo quần tốt nhưng tâm hồn nàng qua tháng năm dài đâu có được tốt hơn lên. Chỉ tội những người chỉ biết có mỗi sửa sang cái lột bề ngoài nhưng để cái lột bên trong tàn phá tiêu điều. Tội nghiệp những người kiêu hãnh nhưng không có giá trị thật để kiêu hãnh, những người thấy mình quan trọng nhưng không biết mình quan trọng vì lý do nào. Họ tự huyễn hoặc để sống trong một cuộc sống ích kỷ, cuộc sống nổi trôi hằng ngày giữa chốn phố phường lấy sự âu lo sinh kế che lấp khoảng trống tháng ngày, lấy những tình cảm giả tạo làm một chất gió để đẩy cánh buồm nhỏ nhoi của đời sống họ vượt qua vũng nước chật hẹp đục ngầu phiền lụy nhân sinh.

Tôi bán vội vàng tất cả đồ vật chở về trên ba con ngựa, mua những vật dụng cần thiết để đặt trên mồ ông Chúp, tặng cho A Don một món tiền lớn và nhờ trao cho vợ con ông Chúp tất cả những gì còn lại về số thu hoạch của những ngà voi bán được lâu nay để gia đình ông có thể sống đời sung túc. Rồi xin lại con ngựa tía ngày nào, tôi vội quay về con sông Ra Mun với hang đá cũ và người bạn rừng.

Chuyến đi của tôi phải mất gần ba tháng trời. Trên đường về lại chốn cũ, tôi thực hồi hộp, chỉ sợ không còn gặp lại Thanh Lâm. Thỉnh thoảng tôi cũng bắt gặp nỗi buồn nơi mình và tôi hiểu rằng cái chết của ông già Chúp là một nguyên nhân sâu xa. Nhiều năm chung sống bên nhau, chúng tôi đã thành quen thuộc, cần thiết cho nhau đến nỗi một người mất đi khiến cho kẻ kia trở nên choáng váng như bước hụt chân vào một khoảng trống bất ngờ.

Về tới hang đá bên sông, tôi thấy cảnh vật đã có ít nhiều thay đổi: cây cỏ mọc um tùm hơn, và nhiều tảng đá chất chồng cao lên, vây bọc chung quanh. Tôi bước chậm lại, nghe tim đập mạnh trong lồng ngực mình... Thanh Lâm còn ở đây không, hay là nàng đã đi rồi? Tôi muốn dừng bước, sợ bắt gặp một sự thực nào nề. Nhưng kia, thoáng nghe tiếng động của tôi Thanh Lâm đã chạy ủa ra, với vẻ mừng rỡ lạ lùng. Tôi thấy nàng đã đổi khác, gầy mòn tiêu tụy hơn xưa. Thì ra Thanh Lâm đã mang trong mình con của chúng tôi, và nàng phải sống trong sự thường xuyên đe dọa của giống Xà Niêng luôn luôn thiết tha kêu gọi nàng về. Tôi nghe nàng nói tiếng được tiếng mất với những điệu bộ run rẩy và những nét mặt hãi hùng. Nàng không sửa soạn gì được trong hang đá này và chỉ thừa dịp họ hàng của nàng không lai vãng đến để đi tìm kiếm thức ăn và chồng chất đá bảo vệ chỗ ở của nàng.

Họ hàng Xà Niêng đã kéo đến đây là điều đáng nên lo ngại không biết chừng nào. Họ không có những ranh giới rõ rệt của loại thú rừng, họ đã xử sự như những con người đẩy xa đến cùng biên giới của sự kiếm tìm. Đó là dấu hiệu của sự quyết liệt mà tôi cần phải đối đầu. Tôi nghĩ đến việc đưa nàng qua sông, tìm về một miền rừng núi, xa hơn, nhưng tôi hiểu rằng vô ích. Bởi qua sự tình như thế thì giống Xà Niêng rõ ràng chẳng chịu để chúng tôi yên, một khi chúng tôi còn sống giữa núi rừng này.

Tôi nghĩ tạm sống ở đây trong một thời gian rồi sẽ quyết định. Phải chờ đợi ngày Thanh Lâm sinh đẻ, trước khi nên tiến sâu vào Mả Voi hay rời ra khỏi chốn này. Mỗi ngày tôi đi vào rừng săn bắn, đào củ, với một tâm trạng chờ đợi một biến cố lớn.

Thanh Lâm vẫn giữ nếp sống quen thuộc thường ngày của nàng. Nhưng trông nàng lo âu hơn, mỗi ngày càng tiêu tụy hơn, nên tôi không thể để nàng đi xa khỏi nơi trú ẩn. Sau chừng ít ngày về lại với nàng, vào lúc nửa đêm, tôi nghe những tiếng hú dài réo gọi của giống Xà Niêng. Tiếng hú kéo tôi ra khỏi giấc ngủ và trong ánh lửa bập bùng tôi nhìn thấy rõ Thanh Lâm đã ngồi dậy từ bao giờ, dáng điệu day dứt bồn chồn. Tôi lại xách súng bắn vọng về phía rừng xa, nhưng chỉ làm tiếng kêu hú tắt được hồi lâu rồi sau đó lại vắng dậy thật là buồn thảm, náo nùng.

Từ đấy, giống loại Xà Niêng mỗi khi nghe những tiếng súng của tôi thưa dần thì bèn mang đến. Bây giờ giấc ngủ của tôi lại bị gián đoạn bởi nhiều tiếng động bất thần, những tiếng kêu nhỏ, những lời riu rít, những cành cây gãy, những tảng đá lăn và có nhiều lúc tôi tưởng chúng đã tràn được vào hang.

Vào những lúc ấy, tôi phải thức giấc, khua động ồn ào, cố ngăn chặn bớt những sự lộng hành của chúng nhưng tôi không sao làm cho Thanh Lâm thật sự an lòng. Tôi bèn củng cố hang đá, đốn nhiều cây lớn dựng một hàng rào cao nhọn vây quanh, chỉ chừa một cửa ra vào được gài thật chặt vào lúc đêm tối. Như thế tôi đã tự mình xây đồn đắp lũy để sống thu gọn trong một khoảng đất nhỏ hẹp giữa cái thiên nhiên bao la vây bủa quanh mình.

Suốt thời gian nhiều tháng dài đến ngày Thanh Lâm sinh đẻ, dòng họ Xà Niêng vẫn không chịu rời xa khỏi chúng tôi. Tuy không đột nhập được vào bên trong nhưng chúng vẫn thường lảng vảng quanh đấy tìm đủ mọi cách phá phách hàng rào hoặc là hú gọi thiết tha.

Thanh Lâm đã cho ra đời một đứa con trai. Đứa bé khá mạnh có những vóc dáng giống y như nàng và những nét mặt phảng phất sắc diện của tôi. Nàng không mang nặng đẻ đau như nhiều phụ nữ vì nàng có được sức khỏe của giống vật rừng. Nhưng nàng quán quýt đứa bé một cách quá đáng, và chính đứa con đã giúp nàng quên được lời réo gọi vẫn cứ thỉnh thoảng vọng về giữa những đêm khuya.

Được mới ba tháng đứa bé đã lớn như đầy một năm. Tôi định đặt cho nó cái tên hợp với núi rừng, vào ngày nó bắt đầu nói những tiếng đầu tiên.

Nhưng cái ngày ấy đã không xảy đến.

Một hôm, tôi đi săn xa trong rừng gặp cơn nước lũ tràn ngập khe suối nên khi về đến hang đá thì trời đã tối.

Tôi vừa mở cổng thì họ hàng Xà Niêng từ các bụi rậm ủa ra, tấn công tới tấp vào tôi. Trong lúc bất ngờ tôi không sử dụng được súng, phải dùng dao sẵn chống cự một cách quyết liệt. Nhưng bọn chúng thật hung dữ lẫn vào xô ngã được tôi, những muốn xé nát tôi ra làm trăm ngàn mảnh nếu Thanh Lâm không xuất hiện kịp vào lúc đó.

Vừa nhìn thấy nàng, cả bọn buông tôi ủa đến kéo nàng chạy biến vào trong đêm tối. Tôi không thể nào đuổi theo, đành lết vào hang, băng bó lại các vết thương rồi nạp đạn sẵn vào súng để phòng bất trắc và đợi chờ nàng. Bây giờ hy vọng gặp lại Thanh Lâm thật là mong manh. Một là họ hàng Xà Niêng sẽ giết hại nàng hay là chúng sẽ mang nàng đi xa vào trong sâu thẳm rừng già.

Sự việc của biến cố này xảy đến quá mau, tôi phải đối phó bằng cả tâm não, sức lực của mình vì thế không còn biết đến hoảng hốt hay buồn phiền nữa. Và lại núi rừng từ lâu đã dạy cho tôi tự xoay sở lấy một mình trong những gian nan. Ý lại chỉ là món quà của cái xã hội người cướp giết người trong đó hạng ưu thế nhất thường tạo ra cái bóng mát xanh xao cho lớp yếu hèn nương tựa.

Tôi nhìn đứa bé nằm bên đồng lửa, thấy thương hại nó vô cùng. Không còn ông Chúp, tôi không thể giao nó lại cho ai để đi tìm nàng. Bởi vì tôi quyết lặn lội bất cứ là núi rừng nào để tìm gặp lại Thanh Lâm. Phải chờ các vết thương bớt đau đớn tôi mới có thể quay về gửi đứa bé cho A Don rồi kiếm tìm nàng. Dù đó chỉ là hy vọng mong manh, tôi cũng bám lấy để sống.

Suốt đêm hôm ấy tôi ắm đứa con trong lòng, ngồi bên đồng lửa lắng nghe tiếng rừng xao xác vây quanh. Rừng già vẫn chứa đầy sự ác độc, bạo tàn, vẫn không dung nạp được người cô độc. Mờ sáng hôm sau, tôi bỗng sững sốt nghe tiếng Thanh Lâm réo gọi bên ngoài, tiếng gọi mệt nhọc, khẩn thiết chừng nào. Có phải là cơn mê sáng hay là sự thực? Tôi chạy vội ra, mở cổng, và nàng nhào đến ôm chặt lấy tôi kêu lên những tiếng vui mừng chứa chan nước mắt. Tôi cũng mừng rỡ đến độ bàng hoàng không nói lên được lời nào. Trông nàng tiêu tụy, xanh xao, mang đầy thương tích trên người như đã trải chịu những nỗi cực hình ghê gớm suốt một đêm qua. Áo quần rách nát nhưng vẫn còn giữ trên mình, Thanh Lâm hẳn đã chiến đấu một cách quyết liệt phi thường mới thoát khỏi vòng rừng rú âm u để về với tôi và con. Nàng như phủ phục trước đứa con mình, yên lặng nhìn nó ngủ say rồi không nén lòng được nữa kêu lên một tiếng quá gở và ôm chặt nó như sợ một nỗi cách xa.

Tôi gài cửa hang thật chặt, săn sóc những vết thương trên mình nàng và tôi quyết định rời xa thật sớm nơi đây.

Mờ sáng hôm sau, tôi cố chống lại những nỗi đau nhức trên mình chắt hết đồ đạc lên hai con ngựa, để nàng ắm đứa bé con cỡi con ngựa lớn khỏe nhất đi trước, và tôi cỡi con ngựa tía ngày nào đi sát theo sau, sẵn sàng bảo vệ cho nàng trước mọi bất trắc. Tình thoảng tôi nhắc nhở nàng:

- Hãy yên lòng đi, Thanh Lâm. Chúng ta sẽ rời khỏi chốn rừng già, đến gần bờ suối trên một sườn đồi nào đó. Con của chúng ta rồi sẽ lớn lên, mạnh mẽ như loài cây rừng cao vút vươn lên đón ánh mặt trời...

Mỗi lần nghe tôi nói thế, Thanh Lâm như càng ôm chặt đứa bé vào lòng, rồi quay lại nhìn đắm đắm vào tôi với một vẻ mặt mà niềm vui lớn như đang cố thoát khỏi nỗi đau đớn khôn cùng.

- Coi chừng hồ nước, Thanh Lâm! Hãy cho ngựa sang bên trái.

Thanh Lâm vội vã nghe theo và nàng giật mạnh dây cương thúc ngựa nhảy qua mô đá gập ghềnh nằm trên miệng hồ thẳm sâu. Chúng tôi nghe dòng nước chảy rì rào ở dưới khe xa nổi bật trong vùng tiếng động miên man của chốn rừng già. Gió xào xạc thổi qua vòm lá rậm, mơ hồ đâu đây những tiếng chim lạ vắng lên như một báo hiệu bất thường.

Bỗng tôi nhìn thấy Thanh Lâm dừng lại đột ngột, con ngựa của nàng hí lên một tiếng vang rền, trông hẳn mình lên như để đối phó với một kẻ thù ác liệt. Tôi đưa nhanh tay kéo choàng khẩu súng từ sau lưng về trước mặt, và thấy chung quanh lở nhố những đám Xà Niêng xông đến với những vẻ mặt dữ dằn. Đồng thời chúng kêu lên thật quái gở, những lời gằn thét chứa đầy đe dọa căm hờn. Tôi biết nếu bắn chết một kẻ nào trong bọn thì chỉ làm cho hận thù càng bốc cao hơn khiến chúng tôi sớm chịu sự trừng phạt thảm khốc, nhưng không có hành động nào phản ứng kịp thời chắc cũng khó lòng thoát nạn. Tôi muốn sử dụng khẩu súng như một cây gậy đỡ đòn nhưng đám Xà Niêng đã ủa tới sát bên tôi, giật lấy khẩu súng tôi cầm trên tay và tước đoạt các khẩu súng trên mình hai con ngựa thồ. Các con vật này cũng thấy khủng khiếp trước đám

Xà Niêng, chồm lên vừa hí vang rừng gây một náo loạn khác thường giữa cảnh hoang vu. Tôi và Thanh Lâm cố quen những sự đau nhức đầy rạt đám xà niêng ra và thúc ngựa tiến về phía trước, nhưng đám Xà Niêng cứ lẩn xả vào, chúng lôi chúng tôi xuống đất. Thoáng trong lúc đó tôi thấy đứa bé đã bị giàng lấy và Thanh Lâm đang cố chịu cào cấu để giữ chặt lấy con mình. Đứa bé thét lên đau đớn và nằng buông tay, để bọn Xà Niêng đoạt lấy, nhưng liền sau đó nằng đã lao xuống khỏi ngựa, điên cuồng đuổi theo bọn họ với những tiếng kêu ai oán, vừa phai vung tay cấu xé những kẻ đồng loại đang cố vây chặt lấy nằng.

Phần tôi, tôi đã đem hết sức mình đối phó với đám Xà Niêng để mong mở một lối thoát lại tiếp cứu nằng. Những người rừng này quá mạnh và có quá nhiều kinh nghiệm để không sợ hãi như xưa nên đã xuất hiện tấn công vào lúc giữa ngày với một thái độ vô cùng quyết liệt. Bỗng tôi nghe một tiếng kêu thảm thiết nhưng thật hết sức ngắn ngủi vang lên... đứa con chúng tôi đã bị bọn người Xà Niêng xé nát, ném tung thi thể xuống đất với những tiếng hú điên cuồng. Về phần Thanh Lâm nằng cũng kêu thét hãi hùng trước cảnh tượng đó và càng chống đối lại đồng bọn nằng một cách quyết liệt dị thường. Có lẽ đó là lần đầu nằng đã coi họ hàng mình như kẻ tử thù và nằng đã dám ngang nhiên chống cự, hùng hổ như loài cọp dữ. Sau cái chết của đứa bé, nằng như mạnh lên gấp bội và dù mang đầy thương tích trên mình nằng cũng xua rạt được đám Xà Niêng vây quanh, đuổi họ chạy tan tác khắp trong rừng, và họ kêu lên hãi hùng trước khi biến dạng sau những bụi cây rậm dày. Những kẻ còn cố chống cự với tôi nghe thấy như thế cũng vội tản ra, lùi đi như biển ở trong rừng sâu.

Thanh Lâm muốn chạy lại về phía tôi, nhưng nằng đã ngã khụy xuống. Tôi cũng không đến đỡ kịp nằng dậy vì khắp mình tôi đầy những vết thương. Khi tôi mệt nhọc lê tới bên nằng, tôi thấy nằng nằm bất động, đôi mắt lơ lơ vẫn ngược nhìn tôi không chớp và đôi môi nằng mấp máy chuyển động như muốn nói một lời nào. Nhưng lời ấy Thanh Lâm không phát biểu được, và cặp môi nằng từ từ khép lại, nằng đã thở hơi cuối cùng.

Tôi đứng yên lặng trước mồ Thanh Lâm và đứa bé con, nắm mồ mới đắp hồi hả giữa rừng già này. Tôi đã chống chọi với sự đau nhức ở trên cơ thể và sự đau đớn sâu xa trong hồn để đào cho xong huyết mộ suốt buổi chiều nay. Tôi đã đặt lên trên mộ những gì còn là dấu vết của nằng và cố gắng cắm một cây trụ gỗ khắc chữ "Thanh Lâm" bằng mũi dao sắt.

Bầy ngựa đã bị họ hàng Xà Niêng sát hại trong cuộc tấn công vừa rồi. Riêng con ngựa tía của tôi vẫn còn sống sót, nhưng bị nhiều vết cào cấu quá sâu không sao bước nổi, nằm bệt trên đất với những hơi thở nặng nề, thỉnh thoảng choàng dậy rất là khó nhọc, rồi lại ngã xuống, nấc lên nhưng tiếng khô khan.

Rừng sâu càng về chiều hơn càng nghe vắng lạnh u buồn. Lá rừng xào xạc, thác nước rì rầm...

Khắp người của tôi rời rã, nhưng tâm hồn tôi càng rã rời hơn. Tôi đứng khá lâu trước mồ Thanh Lâm, nghe hơi gió lạnh từ chốn lũng sâu thổi về luồn trong cây lá và luồn vào trong da thịt, vào trong hồn mình.

Giã từ Thanh Lâm, em nằm vĩnh viễn nơi đây giữa núi rừng này, quanh năm chỉ có khói đà, sương mù, mưa nguồn, gió núi. Em đã cố gắng rời khỏi bản năng rừng rú, cố gắng thoát đời hoang dã sơ khai để làm con người. Tình yêu chúng ta đã được kết thành trong cố gắng ấy, và chỉ có những nỗ lực hướng về những gì tốt đẹp mới là chất liệu của một tình yêu thực sự ước mơ. Nhưng rừng sâu này và những cuộc sống âm u của nó không ngừng kéo lùi em lại những kiếp hoang sơ. Rừng già đã bầu móng vuốt vào em như lời nguyện rửa của một định mệnh hung tàn...

Bất giác tôi bỗng nhớ lại Diễm Tuyết, người đã chối từ cố gắng trong cái trách nhiệm bình thường để quay về lại bản năng, tìm sống như những giống loài của buổi sơ khai. Tiền bạc, xa hoa, ý thích về sự phô trương lòe loẹt và lòng tự ái kênh kiệu, điên rồ, cũng là những loại thú rừng, những thú họ hàng Xà Niêng đã kéo lùi nằng về với rừng sâu thị thành. Trong cuộc sống ấy ý tưởng của tôi và nằng đã phải nghịch chiều, không gặp gỡ nào có thể xảy ra để làm biện minh cho một tồn tại.

Kẻ đã cố thoát loài thú để làm người và kẻ đã rời loài người để làm thú, cả hai đều là nạn nhân của một cuộc sống rừng già, rừng già của những cây ngàn xa khuất, rừng già của những phường phố chen đua. Còn những khu rừng thăm thẳm sâu kia với những kiếp đời ử mục và những sức mạnh sơ khai, sự vươn dậy của con người thật là hết sức gian nan.

Lá khô xào xạc rơi nhiều xuống mồ Thanh Lâm. Thác nước rì rầm, gió chiều cũng thổi mạnh hơn.

Giã từ Thanh Lâm, em đã vĩnh viễn nằm xuống nơi đây nhưng mà tình yêu của em còn ở trong anh, ở mãi trong anh cho đến trọn đời. Em đã giúp anh hiểu hơn về cuộc sống nay, rừng núi đã dạy cho anh nhiều bài học lớn. Không ai có thể quay lưng lại những sinh hoạt con người, đâu có trốn sâu vào rừng già này thì những áp lực của xã hội người cũng vẫn đuổi theo, cũng vẫn nặng nề.

Tôi đã phản ứng lại sự ích kỷ của người bằng sự ích kỷ của bản thân mình. Trốn chạy vào trong rừng già, và chỉ nghe theo có mỗi tâm sự cùng những khát vọng riêng mình chẳng là ích kỷ đó sao? Con người chỉ đáng tự hào khi phản ứng lại điều xấu bằng một sự tốt, vì chỉ có những cố gắng vượt cao hơn hẳn kẻ thù mới xóa bỏ được kẻ thù và đưa cuộc sống tiến lên.

Trong những buồn phiền tôi đã quay lui về với rừng già, với những kiếp sống thiên nhiên để mà chối từ hiện tại. Cuộc sống vẫn cứ đi tới không ngừng, tôi không thể nào tự giam hãm mình trong sự ủ mịch và trong hoang vu. Dĩ vãng dù có nét đẹp nhưng dĩ vãng thuộc về những gì cần phải vượt qua để hướng về một tương lai tươi sáng hơn nhiều. Chỗ đứng của tôi là xã hội con người, và xã hội ấy chính thực là nơi tôi phải dồn nỗ lực vào để mà góp phần khai phá hoang vu, để cùng đồng loại thoát khỏi cuộc sống thú rừng, và tôi sẽ không bao giờ cô độc trong những cố gắng làm người lương bảo.

Tôi nhìn bao quát núi rừng lần cuối rồi đặt bàn tay vuốt nhẹ lên mồ Thanh Lâm. Đất rừng ẩm lạnh qua làn da tay chai đá của tôi. Con ngựa tía cổ vươn dậy nhưng rồi lại ngã nặng nề xuống đám lá khô. Tôi quờ quạng tìm khẩu súng. Hầu hết bị giống Xà Niêng bẻ gãy từ lúc trưa rồi chỉ sót lại cây súng ngắn là còn dùng được. Tôi bước đến gần con ngựa và tôi nín thở bắn vào đầu nó viên đạn mà tôi nghĩ là cuối cùng. Mày sẽ dứt sớm được những đau đớn đang hành hạ mày. Con ngựa giãy giụa, triền mình rồi nằm yên lặng. Tôi cố kéo lê xác nó lại nơi miệng hố gần kề và xô xuống đấy. Dù sao đó cũng là cách an lòng hơn là để nó phơi mình cho loài thú dữ phanh thây. Tôi ném luôn khẩu súng săn xuống dưới hố sâu, vết tích của những hận thù cô độc, lạc loài.

Tôi ngược nhìn chung quanh tôi, cảm thấy trơ trọi một cách lạ lùng. Giã từ Thanh Lâm, giã từ núi rừng. Ánh vàng le lói ở phía non xa thấp thoáng qua những kẽ lá đen dày, và tôi vội vã bước mau hướng về xã hội loài người, để lại sau lưng cả khối rừng già thăm thẳm mênh mông.

VH.